Số 8.
ng 2, 1918

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

CON ĐƯỜNG TIẾN-BỘ CỦA NƯỚC TA

Cái vấn-đề về sự tiến-hóa của người nước Nam ta sau này, người Đại-Pháp đã thường bàn đến nhiều lắm. Nhưng người Pháp thì đứng về phương-diện người Pháp mà bàn việc nước ta ; còn ta làm bài này, thì đứng ngay về phương-diện nước mình mà bàn việc nước mình vậy. Ôi ! một nước mà được tiến-bộ, là cốt tại bốn điều : 1° người dân trong nước có nghị-lực ; 2° đất-cát trong nước tốt ; 3° công-nghệ trong nước thịnh ; 4° đường giao-thông trong nước tiện-lợi. Mà trong bốn điều ấy thì cái nghị-lực của người dân trong nước lại là cốt hơn nhất. Vì có cái nghị-lực của người dân thì cái trở-lực thiên-nhiên mới chế nổi, cái bảo-tàng của tạo-hóa mới tìm nổi mà lợi-dụng được hết. Coi như nước Mĩ bốn trăm năm về trước, chẳng qua là một chỗ rừng hoang, tuy có dân-cư mà ít ỏi lắm ; huống thổ-dân tinh một giống Hồng-di, ngay việc cày cấy cũng chưa biết ; cho nên đất tuy thật tốt, cũng chẳng dùng gì. Mãi đến đầu thế-kỷ thứ mười-bảy, người nước Anh, nước Pháp, nước Tây-ban-nha, đến chiếm lấy đất ấy ; sau người nước Anh di-cư ở đó nhiều hơn hết, đồng-điền một ngày một mở, công-nghệ một ngày một thịnh, không đầy vài trăm năm, thành ra một chỗ phồn-thịnh, bây giờ là một nước giàu nhất trong thế-giới rồi. Châu Nam-Mĩ cũng thuộc về người Âu-châu kinh-lý, đất tốt cũng không kém gì Bắc-Mĩ, mà các nước ở châu Nam-Mĩ, không thịnh vượng bằng Bắc-Mĩ, là bởi Nam-Mĩ thuộc về người Bồ-đào-nha cùng người Tây-ban-nha, mà Bắc-Mĩ thì thuộc về người Anh, cái nghị-lực của người dân nước kia không bằng cái nghị-lực của người dân nước Anh vậy. Lại coi như phố Hải-phòng, phố Đà-nẵng ở nước ta, ba mươi năm trước chẳng qua là một phường chài lưới ; từ về tay người Đại-Pháp kinh-lý, đến nay thành ra một nơi đô-hội phồn-hoa, cũng bởi cái nghị-lực người nước ta không bằng cái nghị-lực người Pháp vậy. Nay thử xét cái nghị-lực của người dân nước ta thế nào ?

* * *

Xét trong lịch-sử thì dân nước ta cũng là một dân thượng-võ, mà nuôi thành cái tinh thượng-võ ấy là bởi tự cái địa-thế nước ta. Nước ta khi trước phía bắc giáp với Tàu, phía nam giáp với Chiêm-thành ; nước Chiêm-thành yếu hơn nước ta, nước Tàu thì là nước mạnh nhất trong châu Á. Mạnh ăn

hiếp yếu là sự thế tất-nhiên. Nước ta lúc mới lập-quốc, đã bị người Tàu xâm chiếm ; năm 111 trước Thiên-chúa giáng-sinh, bị nhà Tây-Hán Tàu đánh lấy, nội-thuộc Tàu kể hơn nghìn năm ; khổ nhục lầm than, mới phải tính mưu kèn-cựa. Trong đó xuất-hiện những đấng anh-hùng-nhân-vật, như bà Trưng nữ-vương, ông Lý Nam-đế, ông Triệu-Việt vương mưu khởi nghĩa độc-lập, càng vấp càng đi ; đến năm 939, ông Ngô-vương Quyền mới tự chủ được ; về sau người Tàu mỗi lần sang xâm chiếm, lần thì có ông Trần Hưng-đạo, lần thì có ông Lê Thái-tổ, lần thì có ông Quang-trung, đều cự lại được. Đã yên mặt bắc, mới tính miền nam, mà bắc chống Tàu nam lấn Chiêm, thành cái chính-sách nhất-định của nước ta vậy. Năm 1069, vua Lý Thánh-tôn ta thân đi đánh Chiêm-thành, bắt vua nước ấy là Chế-củ, Chế-củ xin dâng châu Địa-lý, châu Ma-linh, châu Bố-chính ba châu chuộc tội, ta lấy ba châu ấy, đổi tên châu Địa-lý là châu Lâm-bình, châu Ma-linh là châu Minh-linh, châu Bố-chính là châu Bố-chính, tức địa-phận Quảng-bình cùng phía bắc tỉnh Quảng-trị bây giờ. Nước ta vượt Hoành-sơn vào lấn đất Chiêm-thành, trận ấy là đầu hết. Năm 1302, vua Trần Anh-tôn ta gả Huyền-trân công-chúa cho chúa Chiêm là Chế-mân, Chế-mân nộp châu Ô, châu Lý hai châu làm lễ cưới, ta lấy hai châu ấy, đổi tên châu Ô là châu Thuận, tức địa-phận phía nam tỉnh Quảng-trị bây giờ, châu Lý là châu Hóa, tức phủ Thừa-thiên cùng phía bắc tỉnh Quảng-nam bây giờ. Năm 1400 đến năm 1407, nhà Hồ ta đánh Chiêm-thành lấy được đất Chiêm-động cùng đất Cổ-lũy-động, chia đất Chiêm-động làm châu Thăng châu Hoa, đất Cổ-lũy-động làm châu Tư châu Nghĩa, tức địa-phận phía nam tỉnh Quảng-nam cùng tỉnh Quảng-nghĩa. Năm 1471, vua Lê Thánh-tôn ta đánh Chiêm-thành lấy thành Đồ-bàn, đặt làm phủ Hoài-nhân, lĩnh ba huyện : Bồng-sơn, Phù-ly, Tuy-viễn, tức địa-phận tỉnh Bình-định bây giờ. Năm 1611, đức Gia-dụ bản-triều ta đánh Chiêm-thành lấy đất đặt làm phủ Phú-an, lĩnh hai huyện : Đồng-xuân, Tuy-hòa, tức địa-phận tỉnh Phú-yên bây giờ. Năm 1656, đức Hiếu-triết bản-triều đánh Chiêm-thành lấy đất đến tận sông Phan-lang, đặt làm phủ Thái-khang, phủ Diên-ninh hai phủ, lĩnh năm huyện : Quảng-phúc, Tân-định, Phúc-điền, Vĩnh-xương, Hoa-châu, tức địa phận tỉnh Khánh-hòa bây giờ. Năm 1692, chúa Chiêm là Bà-Chanh phản nghịch, đức Hiếu-minh bản-triều ta đánh tan nước ấy, đổi tên là trấn Thuận-thành, tức địa-phận tỉnh Bình-thuận bây giờ. Thế là Chiêm-thành bị nước ta lấy hết.

Phía tây-nam Chiêm-thành có nước Thủy-Chân-lạp, đương thế-kỷ thứ bảy thứ tám, đã được một hồi văn-minh vẻ-vang lắm ; coi chùa Ang-kor làm từ đời bấy giờ (tục gọi là chùa Đế-thiên-đế-thích) cũng cực tráng-lệ, di-tích hãy còn, đủ làm chứng-cứ. Đến thế-kỷ thứ mười bảy thì thế nước một ngày một suy. Cho nên nước ta đương lúc chưa lấy được Chiêm-thành, đã có ý rồi lấy luôn cả Chân-lạp. Năm 1680, đức Hiếu-triết bản-triều ta nhân tổng-binh nhà Minh Tàu là bọn Trần Thượng-Xuyên không chịu thần-phục nhà Thanh, sang qui-phụ ta, ngài cho ở đất Giản-phố thuộc nước Chân-lạp. Lại người Quảng-đông Mạc Cửu cũng không chịu thần-phục nhà Thanh, đem gia-quyến tới ở đất Mang-khảm thuộc nước Chân-lạp, lập thành làng xã, sau là tỉnh Hà-tiên. Bản-triều ta khai-thác xứ Nam-kỳ, lợi-dụng hai người Tàu ấy làm tiên-phong vậy. Đức Hiếu-triết diệt được Chiêm-thành rồi, sáu năm sau tiến vào đất Chân-lạp, lấy đất Đồng-nai, gồm với đất bọn Trần Thượng-Xuyên ở, đặt làm trại Trấn-biên, sau đổi tên là tỉnh Biên-hòa. Năm 1698, lại chia đất Đồng-nai, đặt làm phủ Gia-định, mộ lưu-dân Quảng-bình Quảng-trị vào ở, sau đổi tên là lĩnh Gia-định. Năm 1714,

đời đức Hiếu-minh, Mạc Cửu thấy thế ta thịnh, dâng cái đất của mình chiếm được, xin phụ thuộc ta, ngài phong cho làm tổng-trấn Hà-tiên. Đến đời đức Hiếu-ninh lại chia phủ Gia-định, đặt làm châu Định-viễn, lập trại Long-hồ, sau chia làm tỉnh Định-tường, tỉnh Vĩnh-long hai tỉnh. Năm 1757, đời đức Hiếu-vũ, vua Chân-lạp là Nặc-ông-Nguyên dâng phủ Tầm-đôn, phủ Sui-mit hai phủ. Năm sau nước ấy có loạn, châu vua là Nặc-ông-Tôn chạy ra Hà-tiên, cạy con Mạc Cửu là Mạc Thiên-Tích, cầu-viện với ta, ta giúp cho được về nước làm vua, lại dâng đất Tầm-bôn-long ; ta lấy đất ấy, đặt làm đạo Tân-châu, đạo Châu-đốc hai đạo, sau đổi tên là tỉnh An-giang. Tự năm 1678 đến năm 1758, trong bảy mươi tám năm, đất Thủy-Chân-lạp về ta lấy hết, lập thành phủ huyện, mà nước ta thêm được sáu tỉnh Nam-kỳ.

Coi thế thì người nước ta sánh với người các nước khác ở Đông-dương này, còn có nghị-lực hơn nhiều. Nếu được người xướng-suất, có thể lợi-dụng cái nghị-lực ấy mà làm nên công to việc lớn gì cũng nổi. Ngay như mấy chục năm nay, người nước ta theo người Đại-Pháp làm công kia việc nọ, kẻ làm thợ, người làm lính, đều sung chức cả. Đều chỉ chịu người ta sử-linh thì được, mà chưa có tài kinh-lý lấy, chắc có một cái cớ gì ; ta xin nói quyết rằng : tại người nước ta không biết cách tổ-chức.

Các nước làm nên giàu mạnh, là cốt tại biết cách tổ-chức ; trăm nghề đến được thịnh-vượng cũng cốt tại biết cách tổ-chức. Tổ-chức khéo thì làm việc rảnh-rang mà thành công nhiều ; tổ-chức vụng thì làm việc khó nhọc mà thành công ít. Coi như nước Nhật-bản, đất cát, người dân, ví với nước Tàu, mười phần chẳng được một, mà nước Nhật-bản mạnh như thế, nước Tàu yếu như thế, hẳn ai cũng biết đấy. Chỉ khác nhau tổ-chức khéo cùng tổ-chức vụng mà thôi. Tiếng « tổ-chức » bây giờ tức là tiếng « kỉ-cương » ngày xưa ; nghĩa là xếp đặt đâu ra đấy, có thứ có lớp vậy. Phàm tổ-chức một việc gì, trước hết phải có một cái mục-đích, lại phải biết suy xét đường hơn nhẽ thiệt, mà phải thêm có cái bụng kiên-nhẫn. Đã có một cái mục-đích rồi, mới tính cái phương-pháp làm thế nào thì lợi, thế nào thì hại, chọn cái nào thật có lợi mà không hại, thì cứ thế mà làm ; lúc đương làm rủi gặp sự gì ngăn trở, thì lấy cái bụng kiên-nhẫn, cố làm cho kỳ được mới thôi. Ấy là sự yếu-cần nhất trong cách tổ-chức. Vả lại tổ-chức việc nước, cũng chẳng khác gì tổ-chức việc nhà. Nước ta hơn ba mươi mốt vạn cây-lô-mét đất, hơn mười bốn triệu dân ; lấy dân ấy kinh-lý đất ấy, mà giắt nước ta lên con đường tiến-bộ, tổ-chức việc nước ta, tất phải lấy điều ấy làm cái mục-đích thứ nhất ; mà muốn đến được chỗ mục-đích ấy, phương-pháp làm, tất phải mở trí dân. Nghĩa là kiếm phương dạy dỗ, tài-bồi cái nghị-lực của người nước ta sẵn có vậy. Cái việc dạy dỗ, nước ta hồi trước cũng đã có làm, nhưng làm không nhằm phép : mỗi tỉnh đều có một ông đốc-học, mỗi phủ huyện đều có một ông giáo huấn, kì-thực thì không có một người giáo-sư nào ; chẳng những không có giáo-sư, mà đến cả trường học cùng sách giáo-khoa, cũng không có gì hết. Sao vậy? Các ông đốc-học, giáo, huấn, phần nhiều không biết cách dạy; chỗ các ông ấy dạy học, là nhà ở chớ không phải trường học ; sách các ông ấy dạy học, chỉ quanh quanh có ba quyển kinh-sử nước Tàu, từ đứa trẻ con tám chín tuổi, cho chí học trò thi nhị tam trường, cũng học có một thứ sách ấy cả. Giáo-dục như thế, mà mong gì có tiến-bộ được? Tự năm 1906, quan Toàn-quyền Beau bàn định cải-lương việc học, lúc ấy lập hội-đồng xét, thì thày dạy sách học đều không có cả ; mới lập ra trường sư-phạm để tạo-thành các thày giáo, lại lập ra cuộc tu-thư để biên-tập các sách giáo-khoa ; mấy năm nay những

người có chí, lục-tục làm sách giáo-khoa quốc-ngữ, chắc sau này dùng làm sách Ấu-học giáo-khoa cũng được. Nhưng mà quan Toàn-quyền BEAU mới nghĩ sự giáo-dục phổ-thông mà chưa kịp nghĩ sự giáo-dục nhân-tài. Nay quan Toàn-quyền SARRAUT, tựu-lý một lần trước, đã mở ra trường tú-tài tây, cho người nước ta cùng học với người Đại-Pháp; lần này lại lĩnh trọng trách sang xứ ta, mới trong mấy tháng, lại mở ra trường Cao-đẳng để dạy cho người nước ta các khoa chuyên-môn ; trường ấy mới mở mà học-trò xin vào học đã có gần ba trăm người, đủ biết trường học ấy thiếp lòng dân-vọng lắm. Nhưng nếu chỉ có sự giáo-dục con giai mà không có sự giáo-dục con gái, thì còn là khuyết-điểm. Nước ta ngày xưa câu nệ về mấy câu sáo-ngữ sách Tàu, nói đàn-bà chẳng khôn khéo làm gì, cốt lo bề bếp nước, thành ra coi đàn-bà là một giống phụ-thuộc của đàn-ông mà không nghĩ gì đến phương giáo-dục cả. Tuy vậy đàn-bà nước ta, có phải chỉ để lo bề bếp nước mà thôi đâu ; có kẻ ruộng nương, có kẻ buôn bán, có kẻ làm thợ làm thuyền, không kể còn phải cái trách-nhiệm riêng coi sóc việc nhà, chăn giắt con cái, mà phàm những việc đàn-ông làm, đàn-bà cũng làm được cả. Vậy mà sự giáo-dục chỉ riêng cho đàn-ông, công-lý có đâu lại thế? Huống-chi số con gái thường vẫn nhiều hơn số con giai, trong hơn mười bốn triệu dân ta, có khi đến trên chín triệu đàn-bà ; lúc trước không có giáo-dục gì, thực là đáng tiếc quá. Năm 1908, chính-phủ bảo-hộ mới lập trường nữ-học tại thành phố Hà-nội, chưa đầy một năm mà số học-trò càng ngày càng nhiều, cái trường mới mở không dung hết. Nay quan Toàn-quyền SARRAUT đã mở một trường nữ-học lớn tại Sài-gòn, tháng năm năm ngoái lại cùng Hoàng-thượng ta khởi công làm một trường nữ-học lớn tại Huế. Những trường học ấy mới bắt đầu sáng khởi, tuy chưa trông được hoàn-toàn, sau này cải-lương dần dần, chắc có thành-hiệu khá lắm.

(Còn nữa nữa đăng kỳ sau)

Tổng-đốc THÂN TRỌNG-HUỀ *soạn chữ nho.*
(Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC *dịch quốc-ngữ*).

THỐNG-NHẤT LUẬN

Xưa nay các bậc đế-vương trong lịch-sử muốn dựng nền chính-trị trước phải gây cuộc nhất-thống trong thiên-hạ. Có nhất-thống mới thành chính-trị. Nên ai nói chính-trị tất nói nhất-thống. Đặt phép-tắc để cai-trị một xứ mà chế-độ, phong-tục, xã-hội, tôn-giáo đều hỗn-tạp bất-nhất, thì cái công chính-trị tất không được hoàn-toàn. Phải đặt cho xứ ấy thành một cơ-thể, mọi phần thông-đồng liên-tiếp với nhau, rồi sau chính-phủ thi-thố mới có hiệu-lực. Nhưng sự nhất-thống bề ngoài, ở bờ cõi, ở pháp-luật, ở chế-độ, còn chưa đủ ; sự nhất-thống ấy phải biểu một cái tình-trạng thống-nhất trong dân-tâm mới được. Vua chúa nào trị vì trong thiên-hạ chẳng tự xưng là nhất-thống, chẳng cố sức gây lấy cuộc nhất-thống, nhưng cái nhất-thống ấy nhiều khi là bởi sự cưỡng-bách mà ra, không phải bởi lòng dân thuận nhận ; nên gọi là có « nhất-thống » mà thực là chưa được « thống-nhất » vậy. Muốn cho « nhất-thống » thành « thống-nhất » thì cái công chính-trị của Quốc-gia phải thế nào cho khiến được các dân ở dưới quyền mình có cái quan-niệm phân-minh về sự lợi-hại chung, và một lòng một dạ với chính-phủ để theo đuổi cái mục-đích đồng-ích cộng-lợi. Như thế thì dù những dân ấy khác hẳn nhau về đường chủng-tộc, phong-tục, xã-hội, mà về

đường chính-trị thực là có cái nghĩa liên-lạc rất mật-thiết; nghĩa liên-lạc ấy tức là cái nguyên-lý của sự thống-nhất vậy. Cho nên người ta thường nói sự chính-trị hay phân-lìa, câu ấy tưởng chưa phải là một nhẽ thực thông-thường. Sự chính-trị có lắm khi phân-lìa, cũng có nhiều khi tác-hợp. Cuộc hợp-li li-hợp là bởi phép xử-trí khéo hay vụng của các chính-phủ vậy.

Như cõi Đông-dương ta là họp năm xứ gây thành một nền nhất-thống dưới quyền chính-trị nước Đại-Pháp. Trong năm xứ ấy thì ba xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, là thuộc về một giống người An-nam, xưa kia vẫn vốn là một nước nhất-thống, gọi là Việt-Nam-đế-quốc. Từ khi nước Pháp sang đặt quyền Bảo-hộ thì ba xứ ấy không cùng nhau theo chính-thể mới, xứ nọ trước xứ kia sau, nên trên trình-độ chính-trị ngày nay có cao-thấp khác nhau. Nhân đó mà những mối tây riêng trong địa-phương phát-khởi lên, phương-hại cho cuộc thống-nhất trong toàn-thể. Còn hai xứ kia thì một xứ là Cao-man, một xứ là Ai-lao, từ xưa hoặc là nước độc-lập, hoặc bị kiêm-tính vào nước Việt-Nam. Cứ biểu-diện mà xét thì năm xứ ấy nghiễm-nhiên là một đoàn-thể nhất-thống, gọi một tên là đất « Pháp-lĩnh Ấn-độ-Chi-na » (Indochine française). Cứ thực-tế thì cuộc nhất-thống ấy mãi đến mấy năm sau này vẫn còn là thuộc về hình-thức mà chưa thành một cuộc « thống-nhất » hoàn-toàn.

Mới đây việc Âu-chiến ảnh-hưởng sang cõi Á-đông này, sự thống-nhất ấy mới dần-dần rạng-tỏ ra, hiện nay đã thành một sự-thực hiển-nhiên vậy. Cái tính-cách của sự thống-nhất ấy thế nào? Quan Toàn-quyền Xa-lộ trong bài diễn-thuyết ở Hội-đồng chính-phủ năm ngoái đã giải ra rất tường. Ngài nói rằng:

« Một nước có *thống-nhất* mới gọi được là một nước nhớn, mới xứng-đáng cái địa-vị của mình. Thế nào gọi là thống-nhất? Thống-nhất là gồm thành một cái cơ-thể bền chặt, mọi phần liên-lạc với nhau, tức là một cái đoàn-thể thuộc về chính-trị, về xã-hội, đồng-tâm hiệp-lực để đạt tới một mục-đích chung, để mưu sự lợi chung, mỗi phần sức giúp được bao nhiêu, công làm được ngần nào, chỉ muốn được đến đâu, đem hết thảy mà cống-hiến vào sự-nghiệp chung.

« Sự thống-nhất ấy từ xưa đến nay các quan cầm quyền thống-trị cả năm xứ trong cõi Đông-dương này, vẫn lấy làm một vấn-đề rất khó, thường xuất-hiện ra mà thường chưa giải-quyết được, có giải-quyết cũng mới ở trên công-văn mà thôi. Các quan cũng nhiều người dự-tưởng mà biết sự thống-nhất ấy thành được thì đất này thực là đáng làm một nước « Đệ-nhị Pháp-quốc ở cõi Á-châu » (*la France d'Asie*), cái thế-lực về đường chính-trị, tinh-thần, tài-chính, kinh-tế, rực-rỡ biết chừng nào; nhưng muốn thực-hành cái dự-tưởng ấy thường gặp nhiều sự ngăn-trở, như chủng-tộc không giống nhau, chế-độ mỗi xứ một khác, trong lịch-sử có lắm mối cạnh-tranh, các địa-phương thường giữ thói cách-biệt.

« Thế mà ngày nay sẩy ra một sự đáng lạ thay: cái cuộc thống-nhất ấy hi-vọng mãi không được, thí-nghiệm mãi không thành, tự-nhiên thấy nó xuất-hiện ra, bởi tình-thế gây nên, lòng dân muốn thế. Tôi vắng ba năm giời, nay lại giở về đây, đã được ngót một năm, cố chú-ý mà quan-sát cuộc sinh-hoạt của cõi Đông-dương này, thì tôi nhận thấy một điều hiển-nhiên hơn cả, là sự tiến-hóa trong bấy nhiêu lâu đã nhanh lắm, tiến-hóa về đường tinh-thần dễ không mấy người biết mà thực đã bầy tỏ ra rõ ràng cái nền thống-nhất kia, hình như đem ra ngoài đám mây mờ ám khi xưa, tiêu-biểu lên cao hơn những sự ngăn rào cách-biệt của từng xứ, khác nào như cái mái nhà thờ nhớn che chùm cả các gian thờ nhỏ liền tiếp nhau vậy.

« Sự tiến-hóa ấy cứ tuần-tự, mỗi ngày một ít, hết ngày ấy sang ngày khác, vừa bởi cái ảnh-hưởng ở trong nước, vừa bởi cái ảnh-hưởng ở ngoài, hai đằng ứng-hợp với nhau, vì hai đằng cùng do một nguồn mà ra: nguồn ấy là nước Đại-Pháp, sự bảo-hộ của nước Đại-Pháp vậy. Nhân việc chiến-tranh mà cái cảm-giác, cái quan-niệm, sự yếu-cần về cái nghĩa thống-nhất trong cõi Đông-dương ấy đã xuất-hiện ra dần dần, theo một cái phương-trình có thể giải như sau này.

« Trước hết các xứ trong cõi Đông-dương hình như trông thấy nước Bảo-hộ mình gặp sự nguy-hiểm, tự lo sợ cái nguy đến mình. Nếu vạn-nhất nước Pháp bị thua thì không biết sau này mình đến thế nào, nơm-nớp sợ không biết có khỏi cái kiếp nô-lệ không, có nhẽ cả cuộc tiến-hóa sau này hỏng mất, vì trong một xứ các dân-tộc phân lìa nhau như xứ này dễ cho người ngoài đến xâm lược, mà thôn-tính dần từng phần một. Bởi thế nên hết thảy mọi người đều một lòng khuynh-hướng họp nhau lại dưới quyền Bảo-hộ, dưới ngọn cờ ba sắc kia, đứng giữa đám phong-ba bão-táp mà vẫn cao trót vót như thường. Ai nấy trong lòng cũng có một cái dự-tưởng phảng-phất, man-mác, không nói ra được mà rất là sâu, dự-tưởng rằng nếu đem gồm cả những cái khí-lực tán mạn kia lại mà đúc thành một khối đồng-tâm bền chặt thì sự bảo-tồn chung tất được an-toàn và sức nước mạnh hơn biết chừng nào; sức ấy lại nhờ quyền giám-đốc, phép phòng-bị của nước Đại-Pháp, gì mà chẳng địch nổi. Ay cái khuynh-hướng về đường Thống-nhất là khởi-điểm tự lòng dân muốn được yên-ổn vững-vàng, rồi sau trông thấy cái cảnh-tượng quân-đội ta trong cuộc chiến-tranh hùng-cường là chừng nào, thì cái khuynh-hướng ấy lại mạnh thêm lên vì lòng cảm-phục tôn-trọng nước Đại-Pháp nữa. Muốn biết lòng ấy nhiệt-thành là chừng nào thì phải xem những khi chớp ảnh cho các dân nhà quê xứ Trung-kỳ trông những cảnh-tượng ở nơi trận-tiền, nhân-dân kéo đến xem đông biết là bao nhiêu, nức-nở biết là nhường nào. Trong sự nức-nở ngợi khen ấy, có cái lòng cảm-tạ ở đấy, là cảm-tạ nước Đại-Pháp dù đương khi chiến-tranh dữ dội cũng không hề dời bụng làm ơn cho các dân bảo-hộ, cho lũ con nuôi ở cõi Á-đông này được hưởng chính khoan-dung, được nhờ công kinh-tế. Sau nữa, ngoài bấy nhiêu sự cảm-giác, nước Pháp lại cho các dân Đông-dương một cái cảm-giác mạnh hơn nữa, là cái cảm-giác về lòng cao-thượng: nước Pháp cho người bản-xứ cũng được dự cuộc vẻ-vang sang giúp việc chiến-tranh cho mình, hoặc giúp ở nơi trận-tiền, hoặc giúp ở nhà quân-xưởng; người dân được như thế lạ gì mà chẳng biết tự lấy làm cao-thượng! Ông lão nhà quê kia trông thấy đứa con mình đeo bức Chiến-thứ bội-tinh trên áo, trong bụng tất mừng mà tự nghĩ rằng cái thời-đại hắc-ám là cái thời-đại giống nòi mình không mong khỏi nghiệp nô-lệ, ngày nay thực đã qua rồi.

« Người nào nói rằng trong tâm-hồn người dân bản-xứ không có cái cảm-giác như thế thì tôi dám quyết rằng người ấy không hiểu tâm-lý người bản-xứ một chút nào vậy.

« Ấy cái nghĩa Thống-nhất cõi Đông-dương xuất-hiện ra hiển-nhiên như thế, không phải là ở trên nhời « tử-văn », mà thực là ở trên đường sinh-hoạt vậy. Sự Thống-nhất ấy có phải là nghĩa hỗn-hợp không? Quyết không phải vậy. Dân An-nam bao giờ cũng vẫn là dân An-nam, dân Cao-miên bao giờ cũng vẫn là dân Cao-miên. Nhưng chủng-tộc tuy khác nhau mà dân nọ với dân kia khởi ra cái phong-trào đồng-tâm hiệp-lực, kết-liên với nhau, lại kết-liên người bản-xứ với người Pháp một cách mật-thiết hơn nữa, để cùng nhau đúc thành một khối động-lực rất mạnh rất bền vậy.

« Như ở nước Pháp ta thì ngày khai-chiến, hết thảy quốc-dân vì lòng ái-quốc tựa hồ như dung-hợp cả các chất làm thành ra cái khí-lực trong nước để đúc lấy thanh gươm Quốc-phòng vào trong khuôn « Đồng-tâm thần-thánh » (*Union sacrée*); ở đây thì sự đồng-tâm ấy xuất-hiện ra cái lòng khuynh-hướng về đường Thống-nhất vậy. Dân thuộc-địa biết liên-lạc với nhau để bảo-tồn lẫn nhau, liên-lạc về đường tài-chính, đường kinh-tế, để đảm-nhậm một phần gánh vác vào cuộc chiến-tranh, vừa đương buổi chiến-tranh, vừa sau khi chiến-tranh nữa, bởi đó mà thành ra có cái quan-niệm phân-minh về sự công-lợi, khiến cho đồng-tâm để mưu việc tương-lai chung, hiệp-lực để khởi ra công-nghiệp chung, đặt ra cơ-giới chung, theo những chính-kiến sáng suốt phân-minh. Cứ xem như mới rồi chính-phủ xướng ra cái vấn-đề dựng một đội thương-thuyền cho xứ Đông-dương, thực là cái biểu-hiệu hiển-nhiên của nước Pháp thứ nhì ở cõi Á-đông này, mà dân thuộc-địa nức lòng cổ-võ, thì đủ làm cái chứng-cớ rõ-ràng vậy.

« Xem đó thì biết về phần người Pháp cũng như về phần người bản-xứ thực là một lòng cùng nhau hiệp-lực, biểu cái ý muốn cùng sự yếu-cần phải thống-nhất mới được, nghĩa là phải làm thế nào cho các phần trong một nước liên-lạc với nhau để đủ sức mà sáng-tạo ra công-nghiệp hay, mỗi phần vẫn cứ giữ lối sinh-hoạt riêng của mình, nhưng hết thảy hiệp-sức nhau lại mới đủ mạnh mà giữ được yên-ổn, bảo-tồn cho nhau cùng phát-đạt thêm lên.

« Ấy đó mới quả là cái công-nghiệp nhớn-nhao bởi sự-thực mà ra, bởi lòng người mà ra, bởi sự chiến-tranh mà ra, bổn-phận ta là phải làm cho nó hẳn được vững-vàng, phải góp công-phu lại đủ mọi đường mà khiến cho được lâu bền : nào là đường chính-trị, đường kinh-tế, đường tài-chính, đường tinh-thần, đường xã-hội. Từ nay phàm các vấn-đề thuộc về mọi đường ấy, phải nghiên-cứu theo một cái quan-niệm như thế, mà phải cố giải-quyết theo một cái mục-đích độc-nhất-vô-nhị, là lấy sự Thống-nhất làm cái nguyên-lực mạnh cho cuộc tương-lai của nước Pháp thứ nhì ở cõi Á-đông vậy.

« Đó là cái phép-tắc cốt-yếu của tôi từ khi tôi lại sang giữ trách chính-phủ lần thứ hai ở xứ này. Phàm việc cai-trị của tôi từ nay sẽ theo một phép-tắc như thế.

« Từ ngày đầu các ông cũng đã nghe thấy tôi đọc cái câu phương-châm cũ : « Hiệp-lực để cộng-tác » (*association pour l'action*). Hiệp-lực là hiệp-lực hết thảy mọi người, mà trừ bỏ hết thảy mọi sự ngăn-rào cách-biệt ; hiệp-lực là hiệp cả mọi quyền-lực, thế-lực, công-lực ; hiệp-lực là hiệp nhà nước với người riêng ; tức là hiệp cái quyền khởi-xướng của quan với những sự-nghiệp riêng của người dân ; hiệp-lực là hiệp những nhà khai-khẩn với nhau để làm những sự ích-lợi chung ; hiệp-lực nữa là hiệp người Pháp với người bản-xứ, dù trong việc hành-chính, việc kinh-tế, dù trong việc giáo-dục, việc hình-pháp cũng vậy. Bấy nhiêu sự hiệp-lực đều lấy cái quyền bảo-hộ của nước Đại-Pháp làm chủ-quyền. Vì chủ-nghĩa nước Đại-Pháp ở đây cũng ví như là cái chất vôi để xây lên nền hiệp-lực cộng-tác vậy. Không có chủ-nghĩa ấy thì các dân Đông-dương không thể tự mình mà họp nhau lại được, không thể tự mình mà đến được cõi Thống-nhất ; không có cái phép tắc công-bằng quảng-đại của nước Pháp, không có cái kỷ-luật về đường tinh-thần của nước Pháp, thì xứ này cũng đến hỗn-độn rối-loạn mà thôi : cứ xem ngay một nước láng giềng kia vì không có một cái kỷ-luật như thế mà không thể nào gây được cuộc Thống-nhất trong nước, thì cũng đủ rõ vậy. Vì vạn-nhất nước Pháp bỏ xứ Đông-dương này thì cái khối

kia tất tan-tác, mỗi mảnh ra mỗi nơi, dân không có người chỉ-bảo, không có người phù-trì, tất tùy theo cái tình-thế mà lênh-đênh như chiếc bách giữa dòng. Xem như thế thì sự thực hiển-nhiên cũng cùng với cái lý-tưởng hiệp-lực chứng rõ rằng chỉ có nước Pháp, chỉ có cái quyền-lực của nước Pháp, là có thể gây cho Đông-dương thành một nước thống-nhất, thành nước Pháp thứ nhì ở cõi Á-đông vậy. Cái ý-nghĩa, cái nguyên-lý của sự chủ-quyền nước Pháp thành ra nhân việc hiện-thời, nhân sự chiến-tranh mà xuất-hiện ra rõ ràng rực-rỡ hơn xưa. Vì sự chủ-quyền ấy ta không muốn đem mà bắt lũ người nhu-thuận phải theo, ta muốn để cho một dân-quốc có tri-thức tự-nhiên mà công-nhận, coi như một cái nguyên-lực để nhờ đó mà sinh-hoạt, mà bảo-tồn, mà phát-đạt..... »

Bản-báo dịch cả một đoạn dài trong bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền ấy là có ý muốn biểu cái chính-kiến sáng suốt của ngài. Ngài thực là thâm-hiểu cái chủ-nghĩa Thống-nhất cùng sự ích-lợi vô cùng cho việc chính-trị. Nhưng cái chủ-nghĩa ấy không phải là cố cưỡng-hóa cho các dân phải theo một lề-lối, một phép-tắc nhất-định. Ngài biết rằng cái chính-sách đồng-hóa không phải là một chính-sách hay. Nên ngài đã lấy câu « Hiệp-lực cộng-tác » mà thích nghĩa hai chữ Thống-nhất ấy thực là rõ ràng và sác-đáng vậy. Các dân-tộc trong cõi Đông-dương, dân nào vẫn giữ đặc-tính dân ấy, nhưng hết thảy đều có một cái mục-đích chung, là nhờ công bảo-hộ, ơn khai-hóa của nước Đại-Pháp, nên cùng nhau mà hết sức liến lên cho được giàu có cường mạnh, để có thể *giúp đỡ lẫn nhau, bảo-tồn cho nhau, bênh-vực hộ nhau.* Lìa nhau thì yếu, họp nhau thì mạnh, nhẽ thường người ta là thế ; các dân-quốc há lại không theo nhẽ thường ru ? Nhưng muốn cho kết-hợp, muốn cho thống-nhất phải có người chủ-trương, bầy cho cuộc lợi chung, nếu không thì dân nào khư khư trong giới-hạn dân ấy, biết lợi đâu mà tìm, hại đâu mà tránh. Người chủ-trương ấy là ai ? Tức là nước Pháp vậy. Cho nên trong cuộc thống-nhất này nước Pháp thực là cái then chốt, cái trụ cốt, không có nước Pháp thì toàn-thể không vững bền được, tất có ngày phân-li, cũng tức như quan Toàn-quyền nói có vôi thì mới xây được gạch, dựng được nhà, vôi lở thì gạch rời mà nhà đổ vậy.

Thử hỏi không có một người chủ-trương sức mạnh quyền cao thì trong các dân bản-xứ này ai là người đủ thế-lực mà thống-nhất được toàn-hạt. Chắc Hoàng-thượng Việt-Nam cũng không tự-nhiệm việc đó, mà vua Cao-man, vua Ai-lao, lại không đủ tư-cách lắm nữa. Như thế thì ngoài nước Pháp cuộc thống-nhất không thành được, không những cuộc thống-nhất không thành được mà sự phân-li nhiễu-loạn tất nối gót dấy lên, nước dễ làm mồi cho những kẻ cường-lân có cái dã-tâm kiêm-tính. Có nước Pháp thì cuộc thống-nhất mới thành được, mới vững bền được, và nhờ sự thống-nhất ấy xứ Đông-dương một mai có thể thành một nước hoàn-toàn sánh vai với liệt-quốc trên thế-giới. Đó là cái tôn-chỉ của chính-sách nước Pháp ở xứ này vậy.

Nay nói riêng đến cái phần thuộc về dân An-nam trong cõi Đông-dương, là ba xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, là phần to hơn nhất, quan-trọng hơn nhất, gồm gần hết toàn-hạt Đông-dương. Ba xứ ta từ xưa vẫn là một nước thống-nhất, nhân tình-thế cùng những nhẽ riêng về lịch-sử mà thành ra ba xứ hầu như giản-cách nhau. Mỗi xứ riêng một thể-chế, mỗi xứ theo một kỷ-cương, rồi nhân đó mà những mối riêng tây, những tình hiềm-kỵ, những điều ngộ-nhận khởi lên bời bời, thành ra cũng là người một dân một giống mà thường có khi coi nhau kém cái tình thân-mật kẻ đồng-bào. Nay nhà nước đã quyết bỏ cái chính-sách cách-biệt ngày xưa mà cố thực-hành cái chủ-nghĩa thống-nhất, thực là một cơ-hội rất tốt cho

đoàn-thể An-nam, từ nay mỗi ngày một thêm bền chặt vững vàng, cho đáng tên Việt-Nam-tổ-quốc của mười lăm triệu đồng-bào ta vậy.

Bọn ta nên thể cái chính hay của nhà nước Bảo-hộ mà hết-sức cổ-võ cho hết thảy đồng-bào ta trong Nam ngoài Bắc, ngoài tự Lao-kay Móng-cái, trong đến Châu-đốc Hà-tiên, giữa tự nơi Đế-đô cho đến chốn kinh-kỳ sấp lên sấp xuống, cùng nhau một lòng liên-lạc, một dạ trung-thành, cho cái Tổ-quốc mấy nghìn năm kia nhờ ơn khai-hóa mà núi sông được thêm vẻ tốt tươi, cơ-đồ được mong ngày tái-tạo.

Ôi ! cái công-nghiệp của nước Đại-Pháp thực là to-tát lắm thay ! Đánh thức cho một lũ người đương mơ màng giấc mộng trăm năm, tỉnh dậy mà biết mình là một dân-quốc, biết mình có một tổ-quốc, đáng yêu đáng mến, đáng kính, đáng trọng, đáng sùng-bái hoan-nghênh vô cùng ; rồi lại cố công dạy cho lũ người ấy cái thuật sinh-tồn trong thế-giới bây giờ ! Công ấy đến ngày thành-tựu thì thực là một cái công-nghiệp vĩ-đại nhất trong lịch-sử đời xưa đời nay vậy. Đồng-bào ta chắc sẽ ghi-tạc trong tâm-khảm, không bao giờ quên.

NAM-PHONG

VẤN-ĐỀ TRỊ LỤT Ở XỨ BẮC-KỲ

Tờ báo-cáo của quan kỹ-sư Nộ-mạn-đinh (NORMANDIN)

Kỳ trước bản-báo đã kể qua cái chương-trình trị lụt ở xứ Bắc-kỳ. Bản-báo có nói rằng cái chương-trình ấy là do quan Kỹ-sư Nộ-mạn-đinh (NORMANDIN) nghĩ-định, quan Toàn-quyền và quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã duyệt-y, có nhẽ sắp thi-hành được ngay. Nay xin dịch tờ báo-cáo của quan Kỹ-sư Nộ đã đệ lên Chính-phủ, kể tường về các công-trình dự-định, cho quốc-dân ta biết những sự nhà nước đương mưu toan để giữ cho xứ này khỏi cái thiên-tai đời đời khốc-hại là sự vỡ đê ngập lụt vậy. Sau này là nhời quan Kỹ-sư trình với Chính-phủ.

* * *

Trong tờ báo-cáo này tôi xin kể chương-trình các công-việc định làm để chỉnh-lý lại đất trung-châu xứ Bắc-kỳ cho hết sức giảm cái hại của sự ngập lụt.

Tôi không cần kể về hình-thế đất Trung-châu, về sức nước sông Nhị-hà, hoặc kể cái lịch-sử những lần lụt trước.

Tôi bầy ngay cái vấn-đề phải giải-quyết như sau này : khi nước sông Nhị-hà lên ngang Hà-nội đến quá 11 thước cao thì đê không thể nào giữ được nữa. Nay xét những lần nước sông lên to nhất mà đồ cho đê không núng chỗ nào thì nước sông lên cao hơn cái số 11 thước ấy từ 1 thước 30 phân đến 2 thước. Đã biết sức nước ở các nơi dọc sông khác cao thấp chừng nào rồi thì tính biết cái tổng-số bao nhiêu thước đứng (m^3) nước phải tháo vào miền trên Trung-châu những khi nước sông lên to, để cho trung-bộ hạ-bộ được đứng y số 11 thước ở Hà-nội và đê không đến nỗi vỡ.

Tự năm 1913 tôi đã giải cái cách phải tính thế nào cho biết số nước ở mọi nơi cùng lượng được sức nước những khi lên to. Tự đấy đến nay tôi lại xét nghiệm thêm nữa thì có thể ước-lượng như sau này : số nước phải tháo đi ước đến 1 vạn 1 nghìn thước đứng (11.000 m^3), trong một giây đồng-hồ, và tổng-số nước

lụt to như năm 1913 ước 6 nghìn triệu thước đứng (6.000.000.000 m^3).

Cứ những số như thế thì có thể dự biết rằng không tài nào tránh khỏi hẳn lụt được, sau này tôi sẽ giải vì cớ làm sao. Vậy thì cái vấn-đề rút lại có thể này :

Lụt đã là một cái thiên-tai không thể tránh được, nhất là những khi nước sông lên to quá mà đã dùng hết kế phòng-bị rồi, thì phải nên đặt phương-sách thế nào cho giảm bớt hại đi.

Vấn-đề ấy tưởng giải-quyết cũng không khó : là phải dự-liệu sự lụt, điều-độ nước lụt, kinh-lý cho nước tháo thoát vào mấy tỉnh đã định sẵn.

Nhưng cái vấn-đề ấy không một là thuộc về công-chính, mà lại quan-hệ đến chính-trị nữa. Những tỉnh phải chịu đựng nước lụt như thế tự lấy làm thiệt hại, cố yêu-cầu cho khỏi. Phải xét sự yêu-cầu ấy có chính-đáng không, có đủ khiến cho phải bỏ cái kế-hoạch kia không ; hoặc cứ để cho mỗi lần nước lên to tình-cờ vỡ tỉnh nào lụt tỉnh ấy là hơn chăng?

Trong tờ báo-cáo này tôi sẽ hết sức biện-bạch mọi nhẽ để quan trên biết thủy-chung mà giải-quyết cái vấn-đề, vì cần phải giải-quyết một lần cho chắc-bằng nhất-định, rồi mới khởi-hành những công-trình to tát, kinh-phí rất nhiều.

I

Cái chương-trình của ông Kỹ-sư Bối-đạt-văn (Peytavin).

Trước khi kể cái chương-trình chỉnh-lý lại đất Trung-châu, tôi hãy nói qua đến tờ báo-cáo của ông Kỹ-sư Bối-đạt-văn (Peytavin) về hồi nước lên năm 1915. Nguyên khi ấy tôi vắng ở thuộc-địa, lúc về đây mới biết rằng cái ảnh-hưởng của tờ báo-cáo ấy đã to lắm và hồi Hội-đồng chính-phủ tháng 3 năm 1917 quyết-định về cái vấn-đề trị lụt ở xứ Bắc-kỳ phần nhiều là chiếu theo nhời báo-cáo ấy.

Không ngờ ông Bối-đạt-văn lại giải-quyết cái vấn-đề nhầm. Ông dự-tính sửa lại đường sông Đáy, mong rằng kế ấy sẽ thành-hiệu to, nhưng xét ra không được như thế. Song ngặt vì hiện nay nhiều người tin rằng chỉ có kế ấy mới cứu được cái hoạn vỡ đê sông Nhị-hà, vì mới xem ra ai cũng cho là tiện và hợp-nghi lắm. Thực là một cái ý-kiến sai nhầm, cần phải biện-bạch cho minh mới được.

Trong tờ báo-cáo của ông Bối-đạt-văn có hai sự nhầm to :

1° Cái số nước phải tháo ở sông Nhị-hà đi để cho nước sông khỏi lên quá 11 thước, thì phải tính theo sức nước *ở ngay đầu trung-châu*. Ông Bối lại tính theo sức nước *ở ngang Hà-nội*. Thành ra tính mỗi giây đồng-hồ phải tháo đi có 7 nghìn thước đứng (7000 m^3) mà thôi, thực thì phải đến những 1 vạn 1 nghìn thước đứng (1.1000 m^3), như tôi đã nói trên kia.

2° Ông Bối nói rằng đường sông Đáy sửa lại rồi thì về phần trung-lưu hạ-lưu có thể dung *thêm* được một số nước 3 nghìn 7 trăm thước đứng (3700 m^3). Cái ức-thuyết ấy tôi xét ra không đúng, sau này sẽ giải vì nhẽ gì. Nhưng túng-sử đúng nữa, — mà cốt nhất là đã giữ được mực nước sông Nhị-hà y như số 11 thước cao rồi mới được, — cũng không thể nào thâu cái số nước thêm ấy thẳng ngay vào hạ-lưu sông Đáy được, vì đó chính là nơi phải nên giữ cho nước thấp.

Muốn giải cái nhẽ làm sao mà ông tin rằng sông Đáy có thể dung thêm được một số nước to như thế thì ông nói rằng : Hiện nay ở nơi lòng sông Đáy rộng nhất có con đường Sơn-tây chạy qua, đường ấy cao làm cho nước sông xoáy lên ước một thước cao. Bây giờ đem hạ bớt đường ấy xuống thì đủ làm cho bao nhiêu nước dư của sông Nhị-hà trên số 11 thước cao chảy cả vào sông Đáy.

Những người không quen việc trị thủy thì cho thế là phải, nhưng xét ra không thể làm như thế được.

Hiện con đường Sơn-tây cũng có làm cho nước sông xoáy lên thật, mà muốn tính cái đó đã có phép riêng, ông Bối cũng biết và cũng dùng phép ấy, nhưng ông đặt tính nhầm. Cứ như hồi năm 1917 đã đo thì sức nước sông Đáy ngang số 12 trên cái « biểu » [1] ở cầu đường Sơn-tây (số ấy là đối với số 11 thước cao ở Hà-nội) là 2 nghìn 3 trăm thước đứng, chớ không phải 4 nghìn 3 trăm 20 thước đứng như ông Bối tính, mà cái sức nước chảy ở cầu vào thì lại to hơn cái số ông tính (1 nghìn 7 trăm 50 thước đứng, chớ không phải 9 trăm 60 thước). Như thế thì nước xoáy chỉ độ *mấy phân* mà thôi, không thể đến 1 thước cao được.

Mà tính thế cũng còn là tính theo khi đáy sông không mòn ; nhưng đáy sông Đáy lại hay mòn, như thế thì cái số ông Bối tính thực là quá đáng vậy. Vả cứ như xét nghiệm năm 1917, hoặc chính hai ông kỹ-sư Lộ-ân (Rouen) và Tát-bối-nhã (Sobova) xét, hoặc nghiệm bằng cái « biểu » đo nước cao (*échelle de hauteur d'eau*), thì thấy cái sức nước xoáy không có mấy, nghĩa là vừa cái cầu vừa những đường đê tiếp-cận không ngăn-trở gì đến dòng nước sông Đáy chảy. Sự nghiệm đó thực là trái hẳn với cái ý-kiến thường của người ta, ý-kiến ấy lại nhân nhời báo-cáo nhầm của ông Bối mà thành ra nhiều người tin.

Vậy thì hiện nay ví đem sửa lại một phần con đường tự Hà-nội lên Sơn-tây mà đặt thành cửa tháo, cũng không được ích-lợi gì mấy, cũng không làm cho cái sức chứa nước của sông Đáy thêm lên được bao nhiêu.

Muốn làm cho sức chứa nước ở đầu sông Đáy thêm lên được ít nhiều thì phải sửa cho cái đường lòng rộng sông (*lit majeur*) được thẳng, vì hiện phần đê hữu-ngạn thuộc về làng Hát-môn và phần đê tả-ngạn thuộc về khu Đan-phượng thắt hẹp lòng sông lại nhiều. Tôi ước sửa lại như thế thì thêm sức nước cho sông Đáy được độ 1 trăm thước đứng.

Xem đó thì biết còn cách xa nhiều cái số 3 nghìn 7 trăm thước đứng mà ông Bối định tháo vào sông Đáy ngoài số nước thường.

Tôi giải khí kỹ về cái vấn-đề đó, và phải kể tường mấy điều yếu-điểm thuộc về khoa chuyên-môn, khiến cho người không quen xem hơi khó hiểu. Nhưng tôi tưởng cần phải giải tường như thế mới đủ chứng rõ cái chương-trình của ông Bối không thể thi-hành được.

Ông Bối-đạt-văn đã từng giúp việc tôi hồi tôi nghiên-cứu về cái vấn-đề tưới ruộng ở tỉnh Thanh-hóa. Tôi cũng cùng với các quan thầy cũ của ông biết ông là một người cần-mẫn, làm việc có phương-pháp, có tay khéo. Ông thực đã hiến hết sức cho xứ Đông-dương này, mà vì thế nên ông mắc bệnh chết.

Ông nghiên-cứu về hồi lụt năm 1915 thực đã tinh-tường lắm, nhưng ông vốn không phải là một tay chuyên-môn về khoa động-thủy-học (*hydraulique*), nên tự mình giải-quyết những vấn-đề khó như thế, tất có chỗ sức không kịp mà sai nhầm, sự đó cũng không lấy gì làm lạ. Vả sự nhầm ấy cũng phải xét kỹ mới rõ được, mới xem không ai nhận ra ngay. Công-nghiệp trước của ông không phải vì đấy mà giảm đi chút nào.

Vả lại tuy cái chủ-ý ông muốn lợi-dụng sông Đáy không thể thực-hành được cả, nhưng tựu-trung cũng có một phần chân-lý có thể theo được.

---

(1) Tức là cái thước đo nước.

Vì trong chương-trình này cũng có dự-định sửa lại các sông làm đường-thoát cho sông Nhị-hà, hoặc đặt ra những đường thoát mới, để phòng những khi nước lên thường, không cao quá, nghĩa là không hơn cái số ước 11 thước 45 phân ở ngang Hà-nội. Tôi sẽ giải rõ sau này.

Trước hẳng ước-lượng cái số nước lụt phải thoát đi cho nước sông Nhị-hà đứng ỳ số 11 thước cao. Những hồi lụt trước năm 1900 thì không nghiên-cứu rõ, không thể bằng-cứ được. Hồi lụt năm 1904 thì xem ra dữ lắm, nhưng vì vỡ đê nên không biết cái sức nước lên đến cực-điểm là bao nhiêu.

Duy có hai hồi lụt năm 1913 và 1915 là nghiên-cứu được rõ lắm ; hồi năm 1913 lại là hồi lụt lâu hơn nhất cả, mà hồi năm 1915 thì nước lên vừa nhanh vừa mạnh hơn nhiều. Muốn tính số nước lụt phải thoát đi cho đê khỏi vỡ thì phải tính theo cái cực-điểm hai hồi lụt ấy, nghĩa là vừa lâu bằng hồi năm 1913 và vừa mạnh bằng hồi năm 1915. Tính thế thì thấy cái số nước phải tháo ở sông Nhị-hà ra tổng-cộng là 6 nghìn triệu thước đứng.

II

Sự chỉnh-lý đất Trung-châu

1. Đắp cho đê được mạnh thêm. — Việc chỉnh-lý thứ nhất chắc là vẫn phải đắp cho các đê ngày nay được mạnh thêm lên để đủ sức mà chống với những khi nước lên đến 11 thước ở Hà-nội; và sửa cho lòng sông Nhị-hà cùng các đường sông thoát khác được rộng đều để khỏi ngăn-trở dòng nước chảy.

2. Lợi-dụng hết các đường thoát (défluents). — Thứ nhì là không cần phải tháo nước vào miền thượng-du, nhưng khi nước lên không quá 11 thước 45 phân ở Hà-nội, có thể rút nước sông Nhị-hà đi mỗi giây đồng-hồ 3 nghìn thước đứng. Như thế thì phải sửa lại hoặc đặt thêm các đường thoát như sau này :

a) Đặt thêm một đường thoát về Sông-Cầu[1]. — Xét ra có thể đặt thêm cho sông Nhị-hà một đường thoát về Sông-Cầu. Hiện nay tôi còn cho người nghiên-cứu về cái vấn-đề đó. Đường thoát ấy có đặt thì cái lòng phải hơi thấp hơn đất thường, hai bên đắp hai đường đê cách nhau ước 2 trăm thước, bề sâu chừng 5 thước, giốc mỗi cây-lô-mét là 9 hay 10 phân, sức chảy mỗi giây đồng-hồ là 1 nghìn 3 trăm thước đứng. Bắt đầu tự nơi đất trũng Sông-Thiếp đặt làm nơi chứa nước (đựng được 130 triệu thước đứng đến ngang số cao 10 thước 50 phân), đi qua con đường quan-lộ số 2 (*Route coloniale N° 2*), rồi qua đường xe-hỏa ở phía đông nhà ga Đông-anh, chạy về mạn Đông-xuyên, mượn những nơi đầm lầy chảy vào Sông-Cầu. Chỗ ấy sẽ đặt một cái máy « điều-độ » (*ouvrage régulateur*).

Nước chảy vào Sông-Cầu thì không có khó gì, nhưng chắc là làm cho nước Sông-Cầu cao lên nhiều. Sự đó cũng là cái thế tất-nhiên, không thể tránh được, nhưng không hại bằng để cho đê sông Nhị-hà vỡ.

Đặt đường thoát như thế tất phải bắc một cái cầu dài ước 150 thước cho đường xe hỏa Vân-nam. Còn đường quan-lộ số 2 thì sẽ đắp chệch đi một tí cho tiếp vào cái cầu ấy, cũng không khó gì.

Những ruộng thuộc vào đường thoát ấy thì Nhà nước phải đền tiền cho chủ ruộng. Nhiều làng phải dịch-cư đi nơi khác.

Cái đường thoát mới ấy không những là dùng để thoát nước lụt, mà

(1) Ông Kỹ-sư Nộ có cước-chú rằng : Cái kế-hoạch định đặt thêm một đường thoát về Sông-Cầu và lợi-dụng con Sông-Con làm đường thoát, nguyên không phải tự tôi nghĩ ra. Hồi ở Ba-lê (Paris), tôi gặp quan nguyên quyền giám-đốc tòa Công-chính Bôn-nô (BONNEAU), có bàn truyện với ngài về cái vấn-đề trị-lụt ở xứ Bắc-kỳ, ngài mới bày cho tôi kế ấy.

lúc bình-thường lại dùng để rút nước đọng ở các phần thấp tỉnh Phúc-yên được.

b) Sông Cà-lồ. — Năm 1916 có đặt một cái cống-ngầm ở đầu sông Cà-lồ, sức chảy mỗi giây đồng-hồ được 1 trăm thước đứng. Bên cái cống-ngầm ấy sẽ đặt cửa tháo (*déversoirs*) sức chảy ước 3 trăm thước đứng. Như thế thì có thể rút vào sông Cà-lồ mỗi giây đồng-hồ là 4 trăm thước đứng, sức sông ấy cũng có thể dung được, không đến nỗi hại cho đất hai bên bờ sông.

c) Sông Con. — Ở hữu-ngạn sông Nhị-hà, ngay trên Sơn-tây sẽ đặt cửa tháo để tháo vào con Sông-Con mỗi giây đồng-hồ ước 9 trăm thước đứng nước. Con Sông-Con nước lên cũng cùng một tuần với Sông-Cái, chắc không thể dung được bấy nhiêu nước thêm mà không chàn ra ngoài. Nhưng dẫu chàn ra cũng chỉ hại cho bên tả-ngạn mà thôi, đất bên hữu-ngạn có ít người ở và mùa mưa phần nhiều vẫn ngập-lụt. Tôi thiết-tưởng những đất đồn-điền của người Pháp ở đấy nhiều, nhưng dù nước có ngập vào cũng chưa lợi đến. Vấn-đề đó sau này sẽ nghiên-cứu kỹ hơn.

Hiện chỉ phải đắp đê cho tả-ngạn Sông Con, cho đến đường quan-lộ Hà-nội-Hòa-bình. Ngoài nữa thì những đất con Sông Con chảy qua cho đến nơi tiếp sông Đáy ở Ngã-ba-thá mùa mưa nào cũng vẫn lụt là thường.

d) Đường thoát về sông Cầu khi nào làm xong và dùng được thì giữ được mặt nước sông Nhị-hà ở ngay sông Đáy ra chỉ cao hơn cái số 11 thước độ 20 phân mà thôi, như thế thì còn có thể rút thêm vào sông Đáy ước mỗi giây đồng-hồ 3 trăm thước đứng nữa. Lại còn mong đến khi đã sửa lại cho lòng sông Đáy rộng thêm ra thì sức chảy còn mạnh thêm lên được một ít nữa, trên kia tôi đã ước thêm được độ 1 trăm thước đứng trong một giây đồng-hồ, như thế thì có thể tháo vào sông Đáy cả thảy là 4 trăm thước đứng những khi nước lên ngoài hạn 11 thước cao.

Ở Ngã-ba-thá sông Đáy lại tiếp thêm nước Sông Con nữa. Cái số nước ấy thì khó tính lắm, chưa biết rõ là bao nhiêu; chắc là kém cái số 9 trăm thước đứng ở nơi đầu sông Con, vì từ đấy nước đã chảy chàn ra bên hữu-ngạn nhiều rồi. Sông Đáy tiếp thêm nước sông Con như thế thì có nhẽ không chàn ra hữu-ngạn về dưới đường Hòa-bình như ngày nay nữa. Hiện nay còn chàn ra rộng lắm, vì như năm 1917 xét nghiệm thì cái sức chảy cực mạnh của sông Đáy ở nơi Thanh-quang, cách đầu sông 20 cây-lô-mét, là 3 nghìn thước đứng trong một giây đồng-hồ, mà đến Quảng-thừa chỉ có 2 nghìn 2 trăm thước đứng mà thôi.

Nếu quả giữ được không chàn ra ngoài thì cái sức chảy của sông Đáy ở phần hạ-lưu có thể được đến 2 nghìn 7 trăm thước đứng trong một giây đồng-hồ, tức là hơn cái số cực-điểm hồi nước lên năm 1917 5 trăm thước đứng vậy. Mà hồi ấy cả miền hạ-lưu sông Đáy, tự Phủ-lý giở xuống, nước đều lên cao cả. Song nếu sửa cho lòng sông Đáy rộng thêm ra (như bỏ những chỗ thắt eo ở Quảng-thừa và Lại-du), thì mong rằng sông Đáy cũng có thể vận được cái số 2 nghìn 7 trăm thước đứng ấy không sợ nguy-hiểm gì, và nước sông tự Phủ-lý giở xuống cũng không sợ cao hơn hồi nước năm 1917 mấy tí.

Nói rút lại thì cứ lợi-dụng các đường thoát có thể rút nước sông Nhị-hà được những số như sau này, không phải để đến ngập lụt cả từng tỉnh một :

Đường thoát về sông Cầu (sẽ đặt sau)	1.300	thước đứng trong một giây đồng-hồ
Đường sông Cà-lồ.	400	—
— Con..	900	—
— Đáy..	400	—
Cộng là.....	3.000	thước đứng

Cứ như thế thì những khi nước lên đến 11 thước cho đến 11 thước 45 phân ở Hà-nội, có thể giữ cho miền trung-bộ hạ-bộ đất Trung-châu không đến nỗi vỡ đê ngập lụt.

Nếu những đường thoát ấy lợi-dụng được luôn, thì những cửa tháo sẽ kể sau này không phải dùng đến nhiều lắm. Như các hồi nước lên thường từ năm 1899 đến năm 1900 thì giá chỉ dùng đường thoát không cũng đủ. Còn các hồi nước lên to nhất về sau thì vì dùng cả đường thoát cả cửa tháo, cửa tháo có thể giảm-dụng được như sau này :

Hồi nước lên năm :

1904,	đáng dùng 7 ngày,	chỉ phải dùng 5 ngày
1911,	— 4 » ,	— 2 »
1913,	— 17 » ,	— 10 »
1915,	— 6 » ,	— 2 »
1917,	— 9 » ,	— 2 »

Sau nữa, nếu quả nghiệm sự dùng các đường thoát ấy không có điều gì phương-ngại thì những khi nước lên nhỏ, dưới số 11 thước, dùng cũng có ích lắm.

3. — *Đặt các cửa tháo.* — Đến những khi nước lên quá số 11 thước 45 phân ở Hà-nội, thì phải dùng các tỉnh ở miền trên Trung-châu làm nơi chứa nước để tháo nước vào bằng những lối cửa tháo *tùy ý mở ra đóng vào được* (1).

Định chia ra mấy khu chứa nước như sau này (kể từ trên xuống dưới) :

1° Khu Phú-thọ, ước đựng được 150 triệu thước đứng ;

2° Khu trên Sơn-tây, giữa khoảng sông Bở, sông Nhị-hà, sông Con và một cái đê ở trên Sơn-tây, ước đựng được 250 triệu thước đứng ;

3° Khu dưới Sơn-tây, giữa khoảng sông Nhị-hà, sông Đáy, sông Con và đường Hòa-bình. Khu này sẽ chia ra hai ba khu nhỏ, cao thấp khác nhau. Ước đựng được cộng là 625 triệu thước đứng ;

4° Khu Vĩnh-yên và Phúc-yên, ước đựng được 1 nghìn 2 trăm triệu thước đứng, dưới số 11 thước 50 phân cao (trên số ấy thì đường xe hỏa Vân-nam không chạy được).

Cái sức chứa của khu ấy còn có thể tăng hơn lên nữa, vì nước chảy luôn ra sông Cà-lồ, đổ vào sông Cầu. Trên kia tôi có nói rằng ở nơi đầu sông Cà-lồ có thể nhận được 4 trăm thước đứng trong một giây đồng-hồ ; ở phần hạ-lưu thì sức sông ấy còn chảy được hơn, từ 8 trăm đến 1 nghìn thước đứng. Nhưng nhân đặt con đường thoát mới về sông Cầu, thì cái sức chảy của sông Cà-lồ chắc có kém đi, nên chỉ nên tính trung-bình là 6 trăm thước đứng mà thôi. Như thế thì trừ cái số 4 trăm thước ở trên kia, sông Cà-lồ còn có thể rút được 2 trăm thước cho khu Vĩnh-yên, Phúc-yên.

5° Khu sông Thiếp, tôi đã kể trên kia, ước đựng được 130 triệu thước đứng.

Khi tháo nước vào các khu ấy thì bắt đầu ở những khu dưới trước, và trong mỗi khu mở những cửa tháo về bên dưới trước. Các khu trên thì để đến khi nước lên thực to sẽ tháo vào. Là bởi cái nhẽ như thế này : nếu từ đầu khi nước lên đã tháo ngay vào các khu trên thì đến khi lên đến cực-điểm phải để cho nước chảy mãi xuống các khu dưới, như thế thì lại phải đắp cao cả các đê lên mới giữ cho khỏi lụt được.

Nếu trước khi tháo vào các khu trên mà nước sông đã xuống thì mở các cửa tháo ra để đỡ cho những khu dưới.

Ấy các công-trình kể trên kia là định phòng khi nước lên cực to,

(1) Xem bức vẽ kiểu cửa tháo trong *Nam-Phong* số 7, trang 8-9.

Nhưng cũng phải tính có khi nước lên quá-độ, đã dùng hết các kế-hoạch mà không ngữ nổi. Khi ấy thì hoặc tháo đầy nước vào khu Vĩnh-yên, dù lên quá số 11 thước dưỡi mà ngăn-trở đường xe hỏa Vân-nam cũng phải chịu, hoặc tháo thêm vào khu Sơn-tây, hoặc đặt thêm cửa tháo về tả-ngạn sông Đáy mà tháo nước vào phần dưới tỉnh Hà-đông. Nhưng đó là những kế cứu-cấp, chắc không mấy khi phải dùng đến. Còn một kế nữa tuy khó thực-hành nhưng rất là tiện-lợi, hiện còn đương nghiên-cứu, là lợi-dụng đường con sông Nang (là chi-lưu của sông Thao) ở miền thượng-du (vùng Chợ-rã và Ba-bể) để làm nơi chứa nước. Kế ấy cũng là để dùng khi nước lên to quá. Khi lên to vừa thì cứ như cái chương-trình trên kia cũng đã là thừa đủ vậy. (Đoạn này lược-dịch).

(Còn nữa)

Ngô Kỳ-Ngư *dịch*

Je voudrais l'impossible,
je voudrais être à la fois ce que j'ai été,
ce que je suis et ce que je serai.
Je voudrais tenir dans ma main,
comme un virtuose tout son clavier,
toutes les cordes qui ont vibré dans mon cœur,
des plus aiguës aux plus douces.
Au lieu de cela,
je me sens couler comme l'eau d'un fleuve,
comme le sable d'une clepsydre :
je sais que je ne me reconnaîtrai
pas plus dans demain
que je ne me suis reconnu aujourd'hui dans
la veille, et je souffre, hélas ! de cette fugacité
qui ne nous permet pas d'être immuables
même pour la durée de notre courte vie.

Edouard Rod

Tôi mơ-tưởng những sự không thể được,
tôi mơ-tưởng muốn gồm cả
cái kỷ-vãng của tôi, cái hiện-tại của tôi
với cái tương-lai của tôi làm một lúc.
Khác nào như người giỏi đàn
cầm cả ngũ-âm trong tay,
tôi cũng muốn cầm cả trong tay tôi
những cái giây đàn nó rung động
trong lòng tôi,
giây to, giây nhỏ, giây bổng, giây trầm.
Tôi muốn thế mà không được,
chỉ thấy mình chói chảy như nước sông,
thánh-thót như giọt đồng-hồ ;
tự biết rằng ngày mai
tất không giống ngày nay,
ngày nay cũng không giống ngày qua
Nghĩ thế mà thương thay cái thân-phận
bèo mây, khi nổi khi chìm,
dẫu trong khoảng một đời người ngắn ngủi,
cũng không khỏi đổi thay.

VĂN-HỌC

SỬ-HỌC CHUYÊN-LUẬN(1)

III

III. — Phàm các khoa-học, khoa nào cũng có một phần thuộc về phương-pháp (*méthode*), một phần thuộc về triết-lý (*philosophie*). Phương-pháp là chỉ cái đường-lối cách-thức nên theo để đạt tới mục-đích. Triết-lý là chỉ cái nghĩa sâu ý nhờn phải lý-hội cai-quát lấy. Sử-học cũng vậy: có một phần phương-pháp, một phần triết-lý. Mục-đích sử-học là nghiên-cứu những việc đã qua; vậy thì phàm những cách dùng để tìm mà biết được những việc đã qua là thuộc về phương-pháp của sử-học. Những việc ấy sảy ra thế nào, tất có một cái ý-nghĩa ở đấy. Ý-nghĩa ấy không phải mới xét mà thấy ngay, không phải biết việc mà hiểu được; phải suy-nghĩ, so-sánh, phẩm-bình, khái-luận mới lý-hội được. Vậy thì phàm suy-nghĩ, so-sánh, phẩm-bình, khái-luận như thế là thuộc về triết-lý của sử-học. Đại-khái những khoa «bác-vật» nghiên-cứu về các sự-vật hữu-hình thì phần phương-pháp trọng hơn phần triết-lý; những khoa «nhân-sự» nghiên-cứu về các sự-vật vô-hình thì phần triết-lý trọng hơn phần phương-pháp. Dù vậy, về sử-học hai phần cũng cùng quan-trọng bằng nhau. Dùng phương-pháp có phải đường mới tìm được việc cũ; dùng triết-lý có sác-dáng mới hội được nghĩa sâu. Dùng phương-pháp không cũng chưa đủ, vì biết việc mà không hiểu nghĩa chưa gọi là biết. Dùng triết-lý không cũng không được, vì hiểu nghĩa mà không rõ việc chưa gọi là hiểu. Bởi vậy nên một nhà sử-học hoàn-toàn phải là một nhà bác-học kiêm triết-học vậy.

Nay xét lần lượt về phương-pháp, rồi về triết-học của lịch-sử.

Phương-pháp của lịch-sử là chủ tìm biết và hình-dung sự-thực. Trong phương-pháp chia ra mấy phần như sau này:

1° — *Định chương-trình những sự phải nghiên-cứu và dùng phép để nghiên-cứu.* — Như muốn nghiên-cứu về lịch-sử nước Nam thì phải định nghiên-cứu về thời-đại nào, bình-thức nào, bộ-phận nào, và muốn giải những vấn-đề gì. Thí-dụ như nghiên-cứu về đời nhà Đinh, vua Đinh Tiên-hoàng, khởi-nghĩa ở Hoa-lư, muốn xét cái tình-trạng nước Nam ta thời bấy giờ bị thập-nhị sứ-quân cai-trị thế nào mà khiến vua Đinh phải dấy quân lên đánh. Thế gọi là định cái chương-trình những việc phải nghiên-cứu. Chương-trình đã định rồi, không nên vượt ra ngoài, và cố-ý xét cho khắp cho tường những vấn-đề đã định xét. Bấy giờ mới bắt đầu dùng phép để nghiên-cứu. Phải theo thứ-tự như sau này:

a) Tìm sử-liệu (*recherche des documents*). Sử-liệu là phàm cái gì giúp cho việc làm sử, tức là di-tích những việc đã qua, có thể nhờ đấy mà hình-dung được những việc ấy. Hoặc là đền đài

(1) Xem *Nam-Phong*, số 4 trang 223-225 và số 7 trang 19-22.

lăng-tẩm, hoặc là đồ ăn thức-dụng, thứ nhất là sách vở giấy má, tự-tích bi-ký; nhất-thiết cái gì chứng rằng đã sảy ra một việc như thế. Như muốn tìm sử-liệu về đời vua Đinh Tiên-hoàng thì phải sưu-tập hết các sách tàu sách ta có nói đến lịch-sử nhà Đinh, hoặc nói đến những việc thuộc về nhà Đinh, trước nhà Đinh hay sau nhà Đinh ; rồi phải đi về Ninh-bình đến nơi động Hoa-lư là chỗ tương-truyền ngài khởi-binh ở đấy, tìm xem có di-tích gì không, hoặc lăng mộ ngài, hoặc mảnh bia hòn đá cũ; xét hình-thế đất ấy để ước-lượng cái phép ngài dùng binh ra làm sao ; hỏi dân-gian gần đấy có lưu-truyền tục gì về ngài ; sao lấy những thần-sắc các làng thờ ngài, v.v.. Phàm bấy nhiêu việc gọi là « tìm sử-liệu ».

b) Lọc sử-liệu (*choix des documents*). Trong khi tìm sử-liệu thì phàm thấy cái gì hơi có quan-hệ đến việc mình xét đều sưu-tập cả, chưa kịp xét kỹ thực hư thế nào. Khi đã tìm được hết rồi mới đem ra lọc lại, cái gì quả là không thực, hoặc sai nhầm, hoặc giả mạo, hoặc quái-dản không thường, thì bỏ riêng ra, không xét. Thế gọi là « lọc sử-liệu ».

c) Hạch sử-liệu (*critique des documents*). Nhưng lọc thế cũng chưa đủ. Cái nào đã quả là thực rồi, lại đem ra sát-hạch một lần nữa xem có còn nghi-ngờ gì không. Nghi thì khi dùng phải cẩn-thận ; không nghi thì có thể bằng-cứ được. Thế gọi là « hạch sử-liệu ».

Đã định chương-trình và làm xong ba việc như thế rồi thì đến phần thứ hai.

2° — *Phân-tách các sử-liệu để định từng việc một.* — Sử-liệu sát-hạch đã chắc rồi mới đem ra lợi-dụng. Muốn lợi-dụng phải đem phân-tách ra rất tỉnh-tường, mà xét dời từng việc một, việc nào đã thực sác-đáng rồi mới xét sang việc khác. Trước sưu-tập sử-liệu, nay sưu-tập sự-thực.

3° — *Khôi phục sự-thực mà lập thành toàn-bích.* — Sự-thực từng việc một đã sưu-tập được nhiều rồi mới kết-hợp lại cho nó liên-tiếp nhau, dựng thành ra từng bức, có đầu đuôi trên dưới, có thứ-bậc từng lớp, hiển-nhiên như việc đã sảy ra như thế.

4° — *Phán-đoán mọi việc.* — Việc đã xếp đặt có trật-tự, mới bình-phẩm xem hay dở thế nào, thực hư làm sao, việc nào quan-hệ với việc nào, việc nào ảnh-hưởng đến việc nào, nguyên-nhân kết-quả thế nào, v. v.

5° — *Kết-cấu văn-chương.* — Bấy nhiêu việc như trên ấy là lịch-sử đã thành vậy. Nhưng tựa hồ như còn chưa có hình, còn mộc mạc. Phải biên chép ra thành sách, lại phải lấy văn-chương trang-sức cho có vẻ đẹp. Nhưng cái văn-chương ấy cũng ví như cái áo mặc ngoài, không phải là phần cốt chính, nhưng không có cũng không được.

Ấy đại-khái cái phương-pháp của lịch-sử như thế. Chắc là cái phương-pháp ấy không thể sao sác-đáng như các khoa thực-nghiệm được. Nhưng phải hiểu rằng các khoa thực-nghiệm là thuộc về « khách-quan » (*objectivité*), mà sử-học là thuộc về « chủ-quan » (*subjectivité*), cái tính-cách hai đằng khác nhau vậy. Các nhà thuần-thực-học vẫn thường khinh sử-học gọi là « cái học ước-lượng, hồ dựng-thành lại phá-đổ, trăm năm nữa không ai cho vào đâu » (*les sciences historiques, ces petites sciences conjecturales, qui se défont sans cesse après s'être faites et qu'on négligera dans cent ans*). Nhưng về sử-học, cái nhẽ thông-thường trọng hơn là sự đặc-biệt. Sự đặc-biệt có thể thay đổi đi luôn ; nhẽ thông-thường thì ít khi dịch. Việc riêng có đổi mà cái nhẽ chung không thay. Đã lý-hội được cái nhẽ chung các việc trong thiên-hạ, thì

dù đời nọ sang đời kia việc có khác mà cái nhẽ vẫn thực. Sử-học cốt phát-minh được cái nhẽ ấy là đủ vậy. Vả cứ như nhời Đạt-lăng-ba tiên-sinh (d'Alembert), sự ức-lượng cũng là một cái tinh-thần của người ta (*l'esprit de conjecture*). Tiên-sinh nói rằng: « Người ta phàm đã có cái thói quen chú-ý luôn về những sự chân-lý tuyệt-đối cực-sác, thì cái cảm-giác của mình đối với những sự không được như thế hình như nó nhụt mất đi. Con mắt thường quen trông ánh sáng quá, thì những khi sáng nhạt không phân-biệt được nữa, và như vào chỗ tối đáng mắt người khác trông còn thấy ràng rạng mà mình trông chỉ thấy tối mịt cả. Người nào chỉ có trực-tiếp cái chân-lý mới biết là chân-lý, không bằng người vừa biết biện cái chân-lý mà lại vừa biết dự-tưởng nó nữa, hình như nó còn xa xa phảng-phất mà đã nhận được rồi.[1] » — Cái chân-lý của nhà sử-học tuy không được « tuyệt-đối cực-sác » như cái chân-lý nhà số-học, tuy có khi còn « phảng-phất xa xa », mà thực cũng là chân-lý, có nhẽ cái chân-lý ấy lại khó tìm và cần nhiều não-lực, nhiều trí-tuệ hơn là cái chân-lý kia vậy.

Triết-học của lịch-sử là tìm những phép-tắc chủ-trương các việc trong lịch-sử. Gồm lại hai phần như sau này:

1°Tìm những nguyên-động-lực thường ảnh-hưởng luôn đến sự tiến-hóa trong lịch-sử các xã-hội.— Các xã-hội tiến-hóa ra thế nào, không phải tự mình khiến ra như thế. Tức là chịu ảnh-hưởng của nhiều cái sức mạnh nó làm cho tiến ra thế này mà không tiến ra thế kia. Những sức mạnh ấy gọi là « nguyên-động-lực » (*causes, facteurs*), chia ra mấy hạng như sau này:

a) Thuộc về cách ăn ở bề ngoài, tức là cái ngoại-cảnh. — Như ở xứ nóng hay xứ lạnh, đất tốt hay xấu, ăn uống dễ hay khó, v. v., đều có ảnh-hưởng đến cuộc tiến-hóa trong xã-hội.

b) Thuộc về sự giáo-hóa về đường tinh-thần trí-thức. — Như dân dã-man, bán-khai hay văn-minh; giáo-dục, chính-trị, tôn-giáo, phong-tục đã đến trình độ nào, v. v.

c) Thuộc về sự yếu-cần về đường sinh-tồn cạnh-tranh. — Như sự tranh dành giống nọ với giống kia, bọn nọ với bọn kia; sự đua tranh về đường công-nghệ, thương-nghiệp, v. v.

d) Thuộc về tính-cách riêng của chủng-loại. — Giống mạnh hay yếu, có ít nghị-lực hay nhiều nghị-lực, siêng-cần hay lười-biếng, tòng-cổ hay hiếu-tân, v. v.

e) Thuộc về sự liên-lạc trong lịch-sử và sự bắt chước lẫn nhau trong xã-hội. — Như đời trước cùng ở với nhau mà gây nên cái giây quan-hệ, sau này bền chặt mãi ra, hoặc không thể rứt đi được, khiến cho đối-đãi nhau phải như thế mới được. Lại như người trong một xã-hội hay có tính bắt chước lẫn nhau, một người khởi-xướng lên, mười người, một trăm nghìn người theo mà gây nên một cái phong-trào nhớn; rút lại là một sự a-dua mà thôi, không có duyên-cớ gì, thế mà lắm khi biến-hóa được lịch-sử.

2° Xét những nguyên-động-lực trên kia quan-hệ với những việc trong lịch-sử thế nào, và cai-quát lấy cái phép-tắc chung để giải được hết thảy các việc cùng một loài như thế.

Phải chia các việc ra hai hạng:

---

(1) « L'habitude trop grande et trop continue du vrai absolu et rigoureux émousse le sentiment sur ce qui ne l'est pas; des yeux ordinaires trop habituellement frappés d'une lumière vive, ne distinguent plus les gradations d'une lumière faible, et ne voient que des ténèbres épaisses où d'autres entrevoient encore quelque clarté. L'esprit qui ne voit le vrai que lorsqu'il en est directement frappé est bien au-dessous de celui qui sait non seulement reconnaître le vrai, mais encore le pressentir et le remarquer dans le lointain à des caractères fugitifs. » (D'ALEMBERT).

a) Việc ngẫu-nhiên sảy ra; thì phép-tắc không thể nhất-định, không thể bằng-cứ được, mỗi lần tất một khác.

b) Việc người cố-ý làm (hoặc của từng người, hoặc của công-chúng), thì có thể giải được vì cớ gì mà làm, những khi nào lại thấy cái cớ như thế thì tất lại xuất-hiện ra những việc như thế.

Những phép-tắc của lịch-sử khác phép-tắc thiên-nhiên, bởi ba tính-cách như sau này :

a) Phép-tắc thiên-nhiên thì hoàn-toàn và đại-đề. Phép-tắc của lịch-sử không bao giờ được hoàn-toàn và đại-đề, không bao giờ gồm được hết thảy các « trường-hợp », chỉ chứng được một phần sự-thực mà thôi.

b) Phép-tắc thiên-nhiên là suy vật-lý mà đặt dựng lên. Phép-tắc của lịch-sử là kinh-nghiệm mà biết.

c) Phép-tắc thiên-nhiên giản-dị, phép-tắc của lịch-sử phiền-phức. Muốn định phép-tắc của lịch-sử chỉ có định được cái khuynh-hướng cùng cái giới-hạn mà thôi, còn cái phương-trình thì mỗi lúc một khác, không thể định được.

Cứ bấy nhiêu tính-cách thì sử-học so với các khoa thực-nghiệm khác, không lấy gì làm chắc bằng đích-sác. Nhưng cái mục-đích của sử-học không phải là muốn được đúng như số học, vì việc đời phiền-phức không thể coi như con số được, lại là những việc đã qua đi rồi, phi ức-lượng không thể trực-tiếp mà biết được. Cứ như thế sử-học cũng là có ích cho người đời. Ở đời, trừ trong óc những người mơ tưởng, không đâu có cái phép độn mà tính trước được những việc tương-lai. Sử-học giúp cho ta ức-lượng được cái đại-thế trong thiên-hạ, khiến cho khi thi-thố không đến nỗi sai-nhầm lắm. Như thế tưởng cũng đã là ích-lợi lắm vậy.

Nay ta kết-luận mà dịch một đoạn của nhà triết-học Anh, Mễ-nhĩ (Stuart Mill) ;

« Muốn quản-trị cho khôn-khéo các việc trong xã-hội, hoặc là những việc riêng của mình, không cần phải dự-liệu được thực đúng những công việc ta làm sau tất kết-quả ra làm sao. Những kế-hoạch ta dùng để đạt tới mục-đích của ta có khi không thành-hiệu, có khi ta phòng-bị những sự nguy-hiểm không bao giờ sảy ra, nhưng cái mục-đích của các nhà chính-trị vụ thực-tế là gây-dựng thế nào cho xã-hội được thật nhiều những cơ-hội có cái khuynh-hướng tốt, cùng hạn-chế thế nào cho khỏi được những cơ-hội có cái khuynh-hướng xấu. Cứ biết cái khuynh-hướng không thôi, tuy chưa đủ dự-đoán được chắc-hẳn sự kết-quả về sau, mà cũng có thể dự-đoán được một đôi phần [1]. »

Sử-học nghiên-cứu về căn-nguyên các phong-trào trong xã-hội, thực là có thể giúp cho sự dự-đoán ấy vậy.

Ph. Q.

---

(1) « Il n'est pas nécessaire pour la sage administration des affaires de la société, pas plus que pour celle de nos affaires personnelles, d'être en état de prévoir infailliblement les résultats de nos actions. Il nous faut tendre à notre but par des moyens qui peuvent ne pas réussir et prendre des précautions contre des dangers qui ne se réaliseront peut-être jamais. Le but des politiques pratiques est d'entourer une société donnée du plus grand nombre possible de circonstances à tendances avantageuses, et d'écarter ou de neutraliser, autant qu'il se peut, celles dont les tendances sont nuisibles. Une connaissance des tendances seules, sans nous permettre de prévoir exactement ce résultat combiné, nous le permet dans une certaine mesure ».

(Stuart Mill).

NAM-ÂM THI-THOẠI

Thi là gì ? Thi-thoại là gì ?

Thi là một lối văn có vần theo thanh-âm từ-điệu của một nước mà làm ra. Thi-thoại là một lối trước-thuật chuyên nói về chuyện làm thi. Trong một quyển thi-thoại thường góp-nhặt những câu thi hay và thỉnh-thoảng cũng có bình-phẩm phán-đoán, cốt để cho lưu-truyền những câu đắc-ý của văn-sĩ tao-nhân, mà mong rằng thi-giới nhờ đấy cũng có phần phát-đạt.

Tôi chưa biết làm thi, hiện đương khảo-cứu về nghề thi. Tôi vẫn cho lối ca « lục bát » là bản-âm của nước ta, chính là thi của nước ta. Bao nhiêu những câu hát ru em, chèo đò, hái dâu, lý-thú biết ngần nào, tình-tình biết ngần nào, toàn là « quốc-phong » của mấy ngàn năm trước để lại. Đến ông Hàn-Thuyên du-nhập cái từ-điệu của Tàu làm ra thi bằng chữ nôm, từ đấy lối thi của ta biến hẳn đi, nào là ngũ-ngôn, thất-ngôn, trường-thiên, đoản-luật, không thiếu một thể nào ; mà rồi trong quốc-văn ta mới chia hẳn ra lối « thi-mới » này với lối « lục-bát » xưa, tức gọi là « thi » và « ca » hai lối.

Lối thi mới ấy du-nhập đã lâu, đến bây giờ lại thành ra một cái thiên-nhiên-âm-điệu của nước ta. Kể thi-nhân của nước ta xưa nay biết là bao nhiêu, mà bây giờ truyền lại còn được mấy ! Ấy thật là một sự khuyết-hám cho văn-học-giới nước ta.

Mấy năm nay, chữ quốc-ngữ thịnh-hành, lối văn nôm mở rộng. Trong nam, ngoài bắc, kẻ nhã, người phong. Cụ lớn ngâm thi ; thầy nho họa thi, quan phán sính thi ; cô dâu tục thi ; cậu bé con mở quyển báo ra cũng tìm mục « Văn-uyển » mà xem thi. Cả nước đã thành ra một cái « vô-hình thi-xã. » !

Tôi vẫn dốt thi, nhưng có tính chầu-vui hay vẽ-hùa theo sự chiều-chuộng của xã-hội, nên chép ra quyển *Thi thoại* này để mua vui cho các ngài khi tửu-hậu trà-tiền, mà cũng trông rằng gọi là có phiến-văn chích-tự lưu truyền, không phụ lòng tác-giả. Tôi dẫu dở-dại đến thế nào, nào có dám mộng tưởng rằng thi-giới ta nhờ quyển *Thi-thoại* này mà phát-đạt được đâu !

I

Thi hay có hai cách : một cách hay tự-nhiên, một cách hay đúc-đẵn. Tự-nhiên thì có phần lưu-lợi, đúc-đẵn thì có vẻ trang-nghiêm. Nhưng trang-nghiêm thì thường được bên văn-từ, mất bên tình-tình, mà lưu-lợi thì có thể lưỡng-toàn hơn. Quan thượng-thư Trần Chỉ-Tín ở Huế có một bài *Tự-thuật* rằng :

Tuổi tác nay đà ngoại sáu mươi,
Hơn ai không dám, dám thua ai.
Hai bàn tay trắng làm nên thế,
Một tấm lòng son ở với đời.
Lấy phúc mà đong lo cũng mệt,
Có duyên thì gặp dễ như chơi.
Xưa nay con-tạo xây vần nhẹ, (1)
Hết đó rồi đây cũng thảnh thơi.

Toàn-thiên không dùng một cái điển-cố nào, cực kỳ minh-sướng, cực kỳ thanh-tao mà cực kỳ đôn-hậu. Dẫu người không thuộc lịch-sử của ngài nữa, đọc qua cũng đủ biết ngài là một ông quan lớn thanh-bần. Thi như thế, thật đã vào cảnh tự-nhiên !

(1) Câu kết này chưa chắc có phải thế không, xin các ngài ai biết thì bảo cho.

II

Ông Tôn Thọ-Tường ở Nam-kỳ, người đời Tự-Đức. Ngài có làm quan, nhưng sự-tích thì không biết cho rõ. Nghe truyền lại lúc ngài trí-sĩ có làm một bài thi đầu bài là *Đĩ già đi tu*, Thi rằng :

Chày kình giỏng tỉnh giấc Vu-san,
Mái tóc kim-sinh nửa trắng vàng.
Đài cảnh biếng soi màu phấn nhạt,
Cửa không đành gửi cái xuân tàn.
Chạnh niềm hoa-liễu vài câu kệ,
An giấc tang-du một chữ nhàn.
Ngảnh lại lầu xanh thương những kẻ,
Trầm-luân chưa khỏi kiếp hồng-nhan.

Xem bài này thì biết làm một bài thi dẫu cái đề-mục nó thế nào, ta cũng phải cho cái tính-tình ta lưu-lộ vào ở trong. Đây ông Tôn vẫn tả cái tâm-cảnh của người nhà thổ hết duyên, chán trần về Phật, mà những người chìm-nổi trong « bể hoạn » đọc đến tất phải ngã lòng. Một câu kết biết bao là cảm-khái !

III

Nghe truyền-tụng có câu :

Ngọn nước chảy xuôi trời lật ngửa.
Mảnh gương úp sấp đất nằm nghiêng.

Ngài Tuy-Lý vương cũng có câu :

Đất e bể cạn bù thêm nước,
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây

Hai câu ấy một câu thì tiểu-xảo, một câu thì trầm-hùng, mà đều là khắc-hoạch cả. Đức Dực-tôn ngự-chế điếu một bà phi, có câu rằng :

Đập cỗ kính ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn-y lại để dành hơi.

Cũng là khắc-hoạch, nhưng có cái chi-tình.

IV

Núi Ngũ-hành ở Quảng-nam, cảnh rất kỳ mà đẹp. Xưa nay đề thi chữ nho cũng nhiều, nhưng ai cũng chịu bài của quan thượng Bùi Ân-niên là tuyệt-xướng. Còn thi nôm thì nghe có hai bài.

Một bài của bà Bang Nhãn :

Cảnh-trí nào hơn cảnh-trí này,
Bồng-lai thôi cũng hẳn là đây !
Núi chen sắc đá màu phơi gấm,
Chùa rực hơi hương khói lộn mây.
Ngư-phủ gác cần ngơ mặt nước,
Tiều-phu chống búa dựa lưng cây.
Nhìn xem phong-cảnh ưa lòng khách,
Khen bấy thợ trời khéo đắp xây !

Dẫu cho ai đến núi Ngũ-hành, mở miệng ngâm cũng phải nói thế.

Còn một bài nữa của ông Thái Duy-Thanh :

Hay là ông Lý Khổng-Lồ xây,
Mới có non-non nước-nước này ! (1)
Ngó lại ngó qua năm đống đá,
Tu lên tu xuống mấy ông thầy.
Lên đài Vọng-hải trông xa mù, (2)
Vào động Huyền-không thấy trống [quầy, (3)
Lếu-láo ngâm đưa đôi chén rượu,
Cõi trần khi cũng có tiên đây.

Tự con mắt ông ấy xem, thì Ngũ-hành chỉ là năm đống đá ở giữa chốn trần-hiêu, có thể là tự nhân-công làm ra được. Tiên đâu không thấy, chỉ có mình bầu rượu túi thơ lên chơi đấy, thì thật là tiên. Theo lối làm thi thì bài ấy gọi là lối « phiên-trần xuất-tân » nghĩa là vứt đi các từ cũ mà nảy ra một từ mới. — Ông Thái hiệu là Tùng-

(1) Ngũ-hành sơn tục-danh là Hòn-non-nước.
(2) *Mú*, tiếng đường trong là tít mù.
(3) *Quầy*. tiếng đường trong là trống hổng.

Phong, ở phố Hội-an, là một nhà danh-sĩ hay rượu hay thơ, ẩn chốn thành-thị, mới chết cách độ mười năm nay.

V

Bà Bang Nhãn vợ ông Phan Qui tục gọi là ông Bang Nhãn, ở Quảng-nam. Ông Phan là một tay thi-nhân chữ nho. Lúc ông mất rồi, bà hốt-nhiên trổ ra nghề thơ nôm, hay dong chơi ngâm vịnh. Người ta bảo rằng cái thi-hồn của ông ấy nhập vào bà. Ấy cũng là một câu giai-thoại trong từ-lâm vậy. Bài thi của bà đi chơi cửa Hàn (Tourane) tôi có nhớ được bốn câu :

Rầm rầm ngựa lại với xe qua,
Nhượng-địa là đây có phải a ?
Liếc mắt nhìn xem phong-cảnh lạ,
Ôm lòng chênh tưởng nước non ta.

Câu thứ tư muốn tỏ ý hoài-cựu. Lấy con mắt sành của bọn tân-học chúng ta mà xem, thì thật là một cái tư-tưởng quá-cũ ; nhưng cũng chẳng nên trách gì một người nữ-sĩ ngày xưa. — Có người đến thử bà, ra đầu bài rằng : *Phụng-hoàng đua, chiếp-biếp* (1) *cũng đua ; mâm thau nhịp, mâm nan cũng nhịp.* Bà làm đủ toàn-thiên, có một câu này truyền tụng :

Vuốt ve lông cánh theo ngàn nhận.
Chung-chạ thanh-âm đủ tám nghề.

Bà Bang Nhãn bây giờ vẫn còn, mà đã già lắm.

(*Còn nữa*) Chương-Dân.

VĂN-HỌC HI-LẠP

IV

Kỳ thứ hai — *Khẩu-biện*

Nghề khẩu-biện của nước Hi-lạp phát-đạt được là nhờ cái chế-độ quân-dân-cộng-chủ. Đương lúc bấy giờ những việc nhớn của nhà nước đều đem ra quyết-nghị ở công-hội. Ai luận-biện có tài thì được nghìn muôn người khen-ngợi kính-phục. Mà nhân-dân kiện-cáo nhau cũng đều mang ra pháp-thự, mỗi người đứng một bên, biện-luận cho ra nhẽ phải nhẽ trái. Bởi vậy thời ấy lấy nghề khẩu-biện làm giáo-dục chuyên-khoa, ngày càng chấn-hưng mãi lên.

Sau người ta chia làm hai kỳ :

1) Bối-lí-khắc-lạp thời-đại (Epoque de Périclès) ;

2) Đức-mạt-tiên thời-đại (Epoque de Démosthène).

Bối-lí-khắc-lạp (Périclés) sinh năm 499 trước kỷ-nguyên, con quan nguyên-soái Sơn-thi-bố (Xanthippe) có công đánh được nước Ba-tư (Perse) ở Mê-cát-lặc (Mycale).

Tiên-sinh là một tay chính-trị vĩ-nhân ở Nhã-điển, đến năm 459 phản-đối quan nguyên-súy Tây-mông (Cimon) và làm thủ-lĩnh đảng dân-chủ ; có quyền-lực lớn với quốc-dân, mà cũng làm ơn cho đồng-bào được nhiều.

Tiên-sinh đã gây được cho nước một cái thủy-sư-đoàn vững vàng, bắt đảo Âu-bi (Eubée) thần-phục năm 446.

(1) *Chiếp-biếp*, tiếng đường trong. Ngoài Bắc-kỳ gọi là con *chìm-bịp*.

đảo Tát-ma-ti (Samos) thần-phục năm 440, và gây thành việc chiến-tranh Nhã-điển với xứ Tỉ-la-bôn (Péloponèse). Từ năm 440 đến 431 trước kỷ-nguyên tiên-sinh làm cho các nhà văn-học, nhà mĩ-thuật nức lòng, và xây ở thành Nhã-điển vô số tượng kỷ-niệm.

Bởi công-nghiệp ấy mà đời sau tôn cái thời-đại bấy giờ là « Bối-lí-khắc-lạp thời-đải » (*Siècle de Périclès*). Tiên-sinh mất năm 429 trước kỷ-nguyên.

Trong thời-kỳ ấy có ông Lý-tây-á (Lysias) và ông Ý-tô-khắc-lạp (Isocrate) cũng đều là những nhà hùng-biện trước-danh.

Lý-tiên-sinh (Lysias) sinh năm 444 trước kỷ-nguyên là một người phản-đối với cái đảng « tam-thập hung-nhân » (Trente Tyrans). Văn tiên-sinh dễ-dãi mà tinh-vi, đẹp nhời mà không rờm, hiện người ta còn giữ được 34 bài diễn-thuyết của tiên-sinh.

Tiên-sinh mất năm 378 trước kỷ-nguyên.

Ý-tiên-sinh (Isocrate) sinh năm 436 trước kỷ-nguyên là một nhà hùng-biện ở Nhã-điển, đã có công kích-lệ dân Hi-lạp đánh nhau với nước Ba-tư (Perse).

Văn-chương nghị-luận của tiên-sinh khắc-bạc. Người ta cho tiên-sinh vừa là một nhà hùng-biện vừa là một tay văn-ám từ-chương nữa.

Những bài văn trước-danh nhất của tiên-sinh là : Tán-dương Nhã-điển-văn (*Panégyrique d'Athènes*), Hòa-bình diễn-thuyết (*Discours de la paix*), Di Phi-lạp vương diễn-văn (*Discours à Philippe*).

Tiên-sinh mất năm 338 trước kỷ-nguyên, sau trận Sĩ-luân-ni (Chéronée).

Đức tiên-sinh (Démosthène) sinh năm 384 trước kỷ-nguyên. Tiên-sinh ở vào cái buổi quốc-gia đa-cố trông thấy cái nhục nước nhà bị thua quân Mã-tây đốn ở trận Sĩ-luân-ni (Chéronée), chạnh lòng ái-quốc, muốn ra nơi công-chúng bàn điều hơn nhẽ thiệt với đồng-bào. Nhưng tiên-sinh bẩm-sinh ra không có tài hùng-biện mỗi lần bước chân lên chốn diễn-đàn, kẻ rẻu người chê lại đành phải xuống ! Giờ về nhức cái chí thích-cổ huyền-lương, hết lòng thao-luyện, cheo thanh gươm rồi đứng dưới, để giữ cho vai khỏi chạm mà lấy giáng nghiêm-trang ; bỏ sỏi đầy mồm lên núi đứng chỗ ra ngoài biển mà diễn-thuyết một mình, tiếng mình sen tiếng sóng, nước vỗ sóng kêu, gió đưa rừng rít, tập nghe quen cho đỡ ngại tiếng lao nhao của những người thế-tục trong khi ta đứng diễn ở trên đài. Thế mới biết đời không việc gì là khó, chỉ cốt có lòng kiên-nhẫn thôi. Đức tiên-sinh trong ba bảy tháng giời khổ-khắc tập tành : khi tập diễn-thuyết, khi tập làm văn, một sách một đèn, ngâm đọc chép biên sử ông Đô-tây-địch-đức (Thucydide), rồi thì làm sẵn ra những bài biện-luận, đọc ở chỗ đông người, diễn ở nơi vắng chúng. Đến khi tự-tín mình có thể mang lại láng được tấm lòng ái-quốc ái-quần cho đồng-bào, bèn lại bước chân ra chốn diễn-đàn. Từ đấy mà đi mười lăm năm giời chỉ công-kích cái kẻ muốn bắt nước mình thần-phục là vua Phi-lập đất Mã-tây-đốn (Philippe de Macédoine), đọc lên những câu văn bất-tử làm cho quốc-dân hăng hái mà chống lại kẻ thù. Dẫu vua Phi-lập (Philippe) đã băng rồi mà tiên-sinh vẫn còn can-đảm chống chỏi với bọn Mã-tây-đốn.

Người Nhã-điển muốn tặng tiên-sinh một cái mũ bằng vàng, nhưng lại bị ông Ai-khắc-nhi (Eschine) phản-kháng, bởi vậy tiên-sinh mới phải cùng người không thuận mình ra chốn công-hội thi nhau diễn-thuyết. Đôi bên mang hết cái tài ra mà đối đáp nhau. Tiên-sinh được thắng cái trận đánh nhau

bằng lưỡi ấy. Vì thế người ta gọi là « kim-quan diễn-thuyết ». Còn như văn-chương của tiên-sinh thì cao-thượng, nghiêm-trang, khiến người ta dễ cảm-kích. Người sau suy-tôn làm chúa nghề khẩu-biện thực cũng không phải là quá-đáng. Tiên-sinh mất năm 322 trước kỷ-nguyên.

Ai tiên-sinh (Eschine) sinh năm 389 trước kỷ-nguyên, dẫu là một nhà hùng-biện Hi-lạp có tiếng, nhưng sau khi thua Đức tiên-sinh (Démosthène) thì phải bỏ Nhã-điển đi, mất năm 304 trước kỷ-nguyên, văn-chương cũng khoái-trá miệng người lắm.

*
* *

Đã có người diễn ra thơ, đã có người làm ra hát, đã có người phô ra trước sân khấu, đã có người chép vào trong sử xanh. Ngày đi tháng qua, đông sang hạ đến, mấy trăm năm, mấy trăm người đã vì xã-hội mà treo gương tốt, dẫn điều hay, đem ý lạ, ích lợi cho nhân-tâm, phong-tục, tư-tưởng, cương-thường. Cũng phải có người trực-tiếp với dân-đoàn mà khua chuông gõ mõ, dạy bảo nhau tương-thân tương-ái trong chốn võ-đài, khỏi phải cái cảnh tương-tường tương-tặc. Thế thời nghề khẩu-biện không có thể vắng mặt trong sử văn-học được vậy.

Lối khẩu-hiện tức là lối diễn-thuyết, các nước văn-minh trong khắp năm châu bây giờ đều thịnh-hành, mà nước Nam ta đương vào buổi phôi-thai của lối ấy đó. Quí thay một nhời nói nhiệt-thành, làm cho đương tan hóa hợp, nguy thay một lời nói phản-giản làm cho đương thịnh thành suy.

Hợp tung rồi lại liên hoành,
Tô Trương truyện cũ sử xanh còn truyền.

Xem lịch-sử các nhà hùng-biện nước Hi-lạp, mới biết cái thế-lực của các nhà ấy mạnh là nhường nào. Đoái xét đến nước ta thì nghề hùng-biện cổ-lai chưa từng thấy nói đến bao giờ. Nhưng đời xưa đã đành, đời nay nghề biện-thuyết là một sự cần trong xã-hội. Đồng-bào ta nên kíp tập lấy cái nghề ấy, cho chóng gây thành những bậc biện-sĩ có tài, biết dùng nhời nói mà giúp cho sự tiến-hóa của quốc-dân.

Nhưng muốn cho xứng đáng tên biện-sĩ, thì phải nói sao cho hợp thời hợp thế, hoán-khởi cái tinh-thần chủng-tộc, đề-xướng cái chủ-nghĩa quốc-gia, liệu dắt dìu nhau lên đường văn-minh tiến-hóa, chớ nên dùng nhời nói mà làm cái khí-giới để hại lẫn nhau, để tranh quyền cướp lợi. Thầy Mạnh-Tử có câu rằng : « Ta muốn biện bác làm gì, ta không thể đừng được đó thôi ! » Nghĩ đến câu đó, nhìn lại các nhà hùng-biện Hi-lạp vừa kể trên kia, coi đến cái thời buổi nước ta bây giờ, soi lại gương ngày trước, thì vẫn-vơ bàn phiếm vài lời, mong mỏi có bậc nào học rộng năm xe, tài đương trăm trận, tư-tưởng cao, tâm-đảm nhớn, đáng là một bậc hùng-biện đại-gia xuất-hiện để dẫn quốc-dân ta theo đòi nước Pháp lên lầu văn-minh.

Nguyễn Mạnh-Bồng

(*còn nữa*)

TRIẾT-HỌC

TRIẾT-HỌC NƯỚC PHÁP

Bản-báo trong số thứ 1 (1) *bàn về văn-minh học-thuật nước Pháp có nói qua mấy nhời về triết-học nước Pháp. Nhưng muốn biết rõ cái công tư-tưởng của người Pháp, thì phải thuộc lịch-sử triết-học ở nước Pháp từ đầu đời Cận-đại đến giờ. Những sách thuật lại cái lịch-sử ấy cũng nhiều, nhưng không sách nào rõ bằng, tường bằng, thâm-thiết mà trước-minh bằng tập « Pháp-quốc triết-học đại-quan »* (La Philosophie française) *của Bối-nhĩ-tôn tiên-sinh* (Henri Bergson). *Tiên-sinh là một nhà triết-học đệ nhất trong thế-giới bây giờ. Phàm bọn tri-thức trong các nước đều chịu cảm-hóa của tiên-sinh nhiều lắm. Vì cái học-thuyết của tiên-sinh chủ sự hoạt-động, lấy cái sức sinh-tạo biến-hóa làm cái nguyên-động-lực của thế-giới, thực là hợp với cái đời tư-tưởng tự-do này vậy. Năm 1915, Học-bộ nước Pháp muốn dự vào cuộc « Vạn-quốc trại-hội » ở Cựu-Kim-sơn* (San Francisco) *bên Mĩ một cách đặc-biệt, định biên-tập một bộ sách kể cái công-nghiệp nước Pháp trong các khoa-học đời nay, để tặng những người đến xem hội. Sách đề là « Học-thuật nước Pháp »* (La Science française), *gồm các nhà bác-học trong nước, mỗi người chuyên-trị một môn, người nói về giáo-dục, kẻ bàn về xã-hội, người này kể thiên-văn-học, người kia thuật địa-chất-học, họp lại như bức gấm trăm hoa, thực là hình-dung được hết cái công-phu học-vấn của nước Pháp trong thế-kỷ mới này. Tiên-sinh thì soạn riêng mục « Triết-học », mà thêu nên cái hoa đẹp nhất trong các hoa khác, đẹp không bởi cái vẻ sán-lạn sặc-sỡ như bài văn-chương sốc-nổi, đẹp bởi cái vẻ thuần-túy tinh-hoa như mối tư-tưởng thâm-trầm ! Vậy muốn giúp cho học-giới ta biết đại-khái cái lịch-sử của triết-học nước Pháp, tưởng không gì bằng lược-dịch ra quốc-văn tập sách của tiên-sinh : nhập-môn khoa triết-lý, còn ông thầy nào đích đáng bằng !*

Ph. Q.

I

Địa-vị nước Pháp trong sự tiến-hóa của triết-học đời nay thực là rõ ràng lắm : nước Pháp là nước có cái công khởi-xướng rất to. Các nước khác không phải là không có những nhà triết-học đại-tài ; nhưng không đâu có cái mạch triết-học đều-đặn liên-tiếp bằng ở nước Pháp vậy. Các nước khác hoặc nghiên-cứu một cái lý-tưởng nào sâu hơn, hoặc kết-cấu bằng cái tài-liệu nào khéo hơn, hoặc phát-đạt một cái phương-pháp nào mạnh hơn ; nhưng thường-thường cái lý-tưởng ấy, cái tài-liệu ấy, cái phương-pháp ấy là tự nước Pháp đem lại vậy. Trong bài này không thể thuật được hết các học-thuyết, kể được hết các tên người từ xưa đến nay. Ta sẽ kén chọn cái gì nên nói mới nói, rồi ta cố biện-biệt lấy đặc-tính của cái triết-học-tư-tưởng nước Pháp. Ta sẽ xét xem bởi đâu mà tư-tưởng ấy có cái tài sáng-tạo, cái sức ảnh-hưởng mạnh như thế.

---

(1) Xem *Nam-phong* số 1, trang 13-14.

Cả triết-học đời nay khởi-nguyên tự ông Địch-cát-đức (1) (Descartes). Học-thuyết của ông thì không thể tóm-lược lại được : ngày nay khoa-học triết-học tiến được bước nào, xét trong cái học-thuyết ấy lại rõ ra một phương-diện mới, thành ra cái học-thuyết ấy cũng ví như một cái công-trình thiên-nhiên, cứu xét không bao giờ cùng được. Nhưng nhà « giải-phẫu-học » (2) muốn xét một cái cơ-thể hay một tấm thịt nào, phải cắt nó ra một lượt mà xét riêng từng mảnh một, vậy thì ta cũng bắt chước mà đem cái học-thuyết của ông Địch-cát-đức cắt ra từng mảnh ngang nhau, mảnh nọ ở dưới mảnh kia, để càng xét thì càng nhìn sâu mãi xuống được.

Ta xét một từng thứ nhất thì thấy gọi là cái « triết-học những lý-tưởng rõ-ràng phân-biệt » (*philosophie des idées claires et distinctes*). Cái triết-học ấy thực đã giúp cho sự tư-tưởng đời nay thoát khỏi vòng áp-chế, biết lấy sự rõ-ràng minh-bạch mà xét cái chân-lý.

Ta xét xuống một từng nữa, nghiền kỹ cái nghĩa ba chữ « minh-bạch », « rõ-ràng », « phân-biệt », thì ta tìm được một cái phương-pháp về triết-học. Ông Dịch là nhà triết-học, lại vừa là nhà số-học nữa. Ông đã từng sáng-nghĩ ra một lối kỷ-hà-học mới, vậy ông thực là tinh những phương-pháp về số-học. Cái phương-pháp ấy ông muốn đem ứng-dụng ra triết-học, nên lấy sự phân-minh rõ-ràng làm cốt. (3)

Ta lại xét sâu xuống nữa mà nghiền kỹ về cái phương-pháp của số-học đem ứng-dụng ra triết-học ấy, thì ta thấy một cái quan-niệm chung về vũ-trũ. Cứ cái phương-pháp ấy thì ông Dịch lấy vũ-trụ là một cái máy nhớn, vận-động theo những phép-tắc thuộc về số-học. Ông xướng ra cái lý-thuyết ấy thực là mở đường-lối, đặt khuôn-phép cho khoa lý-học ngày nay. Các nhà triết-học về sau đặt ra những cái « cơ-giới-đích học-thuyết » (4) cũng là tổ-thuật cái tư-tưởng của ông vậy.

Dưới cái lý-thuyết về vũ-trụ ấy, lại thấy một cái lý-thuyết nữa về linh-tính người ta, tức ông Dịch gọi là cái « trí tư-tưởng » của người ta. Ông muốn phân-tách cái trí tư-tưởng ấy ra từng nguyên-tố, thực là mở đường cho các nhà triết-học về sau, như La-khắc (Locke), Công-địch-lạp (Condillac) các tiên-sinh. Ông lại xướng lên rằng cái trí tư-tưởng ấy là vốn nó có từ trước, cái hiện-tượng-thế-giới (5) là rồi sau mới phụ thêm vào, cái thế-giới ấy bất-quá cũng là sự hình-dung của cái linh-tính mà thôi. Cả cái duy-tâm-chủ-nghĩa đời nay thực là phát-nguyên tự đấy, thứ nhất là cái duy-tâm-chủ-nghĩa của các nhà triết-học nước Đức vậy.

Sau hết, trong lý-thuyết về trí tư-tưởng ấy, lại còn có cái khuynh-hướng muốn đem sự tư-tưởng tùy theo vào cái ý-chí (*la volonté*). Bởi thế mà các phái triết-học thuộc về ý-chí xướng ra trong thế-kỷ thứ 19 cũng là có liên-lạc với cái triết-học của ông Địch-cát-đức cả. Cũng bởi thế nữa mà có người gọi cái triết-học của ông là một cái triết-học chủ sự tự-do vậy. (6)

---

(1) Tàu dịch là Địch-tạp-nhi 笛卡兒. Ông sinh năm 1596 mất năm 1650.

(2) Giải-phẫu-học (*anatomie*) là giải bầy trong thân-thể ra để xét từng phần một.

(3) Số-học là mẫu sự phân-minh rõ-ràng. Hai với hai là bốn thực là sáu-nhiên, không còn ai cãi được nữa. Ông Địch muốn cho triết-học cũng có cái tính-cách *sáu-nhiên* như thế, nên mượn phép số-học mà đem ứng-dụng cho triết-học.

(4) « Cơ-giới-đích học-thuyết » (*conception mécanistique de l'univers*), là những môn học coi vạn-vật như máy-móc, vận-động theo những phép-tắc nhất-định ; những phép-tắc ấy các nhà triết-học khoa-học phải tìm tòi mà phát-minh ra.

(5) « Hiện-tượng thế-giới » (*monde phénoménal*), là cái thế-giới có hình, đối với cái trí tư-tưởng là thuộc về thế-giới vô-hình.

(6) « Ý-chí » là cái ý muốn. Người ta được tùy ý mình muốn, tức là có tự-do, những phải trọng ý-chí tức là chủ tự-do.

Xét như thế thì ông Địch thực là tị-tổ cả các phái triết-học đời nay. Xét về một phương-diện khác thì tuy cái học-thuyết của ông có giống một đôi tí với các học-thuyết đời Cổ-đại cùng đời Trung-cổ, nhưng cái phần cốt-chính thì thực là riêng của ông, ông không phải chịu của các học-thuyết ấy một tí gì. Biểu (Biot) tiên-sinh là một nhà số-học lý-học trước-danh, khen cái kỷ-hà-học của ông Địch, có nói rằng học của ông là cái học « không-tiền-khoáng-hậu » vậy.

II

Tuy trong triết-học của ông Địch-cát-đức là gồm cả các học-thuyết đời nay, nhưng có cái « duy-lý chủ-nghĩa »(1) là phần trước-minh hơn cả, sự tư-tưởng về các đời sau cũng lấy cái chủ-nghĩa ấy làm chốt. Song ngoài cái chủ-nghĩa ấy, trong triết-học đời nay còn có một cái tư-trào nữa, thường bị cái chủ-nghĩa ấy che lấp đi mất. Cái tư-trào ấy là cái tư-trào thuộc về « tình », chữ « tình » đây phải hiểu theo nghĩa rộng của các nhà tư-tưởng về thế-kỷ thứ 17 mà chỉ phàm sự cảm-giác không cần phải suy-lý, trực-tiếp mà biết. Vậy cái tư-trào « duy-tình » ấy cũng là khởi-nguyên tự một nhà triết-học nước Pháp như cái tư-trào « duy-lý » trên kia. Nhà triết-học ấy là ông Ba-ti-căn (Pascal, 1623-1662) vậy. Ông xướng ra một lối tư-tưởng không thuộc về lý-tình mà thuộc về tâm-tình. Ông lấy rằng sự suy-lý thường hay thiên về « trí khúc-triết », có cái tính-cách thuộc về số-học, phải lấy cái « trí tinh-nhuệ » (2) mà bổ-cứu lại mới được. Dù vậy, tuy cái lối tư-tưởng ấy không phải là « duy-lý », nhưng cũng không phải là một sự nghiền-ngẫm huyền-bí, vì những sự tư-tưởng như thế vẫn là có công-hiệu rõ ràng, ai ai cũng tự kiểm-điểm lấy được, Xét như thế thì ông Ba-ti-căn quả là tị-tổ của các phái triết-học lấy sự tình-cảm làm chủ, cũng tức như ông Địch-cát-đức là tị-tổ của các phái triết-học lấy sự suy-lý làm cốt. Sự tư-tưởng ngày nay chia theo hai chủ-nghĩa ấy, thì ra hai chủ-nghĩa ấy đều là phát-nguyên tự nước Pháp, mà ông Địch cùng ông Ba thực là hai nhà đại-biểu trước-danh của hai cái triết-học ấy vậy. (3)

Hai ông đều là phản-đối với cái siêu-hình-học(4) của người Hi-lạp ngày xưa. Nhưng trí-thức người Âu-châu trong mấy mươi đời đã lấy cái học ấy làm đồ ăn nuôi mình, không có nhất-đán mà bỏ ngay đi được. Cái triết-học Hi-lạp, nhất là triết-học của ông Á-lí-sĩ-đa-đức (Aristote)(5) đã làm chất nuôi tinh-thần cho cả đời Trung-cổ. Đến đời Phục-cổ, thịnh-hành nhất cũng lại là cái triết-học của ông Bá-lạp-đồ (Platon)(6). Vậy

(1) « Duy-lý chủ-nghĩa » (*rationalisme*), chủ-nghĩa lấy lý mà xét mọi sự mọi vật.

(2) « Trí khúc-triết » (*l'esprit geometrique*) với « trí tinh-nhuệ » (*l'esprit de finesse*) là đề-mục một chương đại-luận của ông Ba-ti-căn trong tập *Tư-tưởng-lục* (les Pensées). Ông giải cái trí khúc-triết là cái trí muốn xét sự-vật cho lấy phân-minh gẫy gọn, trí tinh-nhuệ là cái trí muốn xét sự-vật cho lấy tinh-vi sâu-sắc. Hai cái phải điều-hòa với nhau mới thành tư-cách người triết-học, nếu thiên về một bề « khúc-triết » thì thành thô-lược, nếu thiên về một bề « tinh-nhuệ » thì thành vụn vặt.

(3) *Lý* với *tình* vẫn là hai cái chốt của mọi sự tư-tưởng. Người ta đã không tư-tưởng thì thôi, hễ đã đem tâm suy nghĩ đến các nhẽ thì hoặc là thiên về một lý, hoặc là thiên về một tình. Lấy lý mà xét sự-vật thì như phá con đường thẳng trong đám bụi rậm, chỉ biết được cái đại-thể mà thôi; lấy tình mà xét thì như đi len-lỏi vào các đường các ngõ, hiểu được hết các khóe trong nhân-tâm thế-sự. Cái trí khúc-triết là thuộc về lý, cái trí tinh-nhuệ là thuộc về tình. Ông Địch là đại-biểu cái trí khúc-triết, mà ông Ba là đại-biểu cái trí tinh-nhuệ. Nhưng ông quan xét án tuy lấy lý mà kết, cũng phải xét tình mà châm-chước, như thế thì tình với lý không thể rời nhau được.

(4) « Siêu-hình-học » (*métaphysique*) là học những nhẽ huyền-diệu, những sự ở ngoài hình-tượng.

(5) Aristote, tầu dịch là Á-li-sĩ-đa-đức, sinh năm 384, mất năm 322 trước Thiên-chúa, người Hi-lạp, Âu-châu ngày xưa coi là ông thánh triết-học.

(6) Platon, tầu dịch là Ba-lạp-đồ, sinh năm 429, mất năm 347 trước Thiên-chúa. Học-trò ông Socrate (Tô-cách-lập-đức), thầy ông Aristote. Ông tư-tưởng vừa sâu, văn-chương vừa hay, đã từng gọi là ông tổ của cái « duy-tâm-chủ-nghĩa » (*idealisme*).

thì sau ông Địch tất có người muốn điều-hòa cái triết-học của ông với cái triết-học cũ của Hi-lạp. Vả các nhà triết-học thường có cái khuynh-hướng muốn dựng cái tư-tưởng của mình thành « thuyết-hệ » (*système*), mà cái « thuyết-hệ » của Bá-lạp-đồ cùng Á-lí-sĩ-đa-đức hai ông đặt ra, sau này dù ai muốn dựng ra một cái nào cũng phải lấy đấy làm mẫu. Như thế thì cái triết-học cũ của Hi-lạp vẫn còn lợi-dụng được nhiều. Bởi đó mà sau ông Địch, nhà triết-học Hà-lan Tỉ-bỉ-nộ-tát (Spinoza), nhà triết-học Đức Lập-ni-ti (Leibniz), tuy phát-minh được nhiều tư-tưởng mới, nhưng đại-đề cũng là điều-hòa cái triết-học của ông với cái triết-học của Á-lí-sĩ-đa-đức ngày xưa. Cái đặc-tính của triết-học nước Pháp vẫn là không hứng những sự kết-cấu to nhớn thuộc về siêu-hình-học, sau này ta sẽ xét vì cớ gì ; nhưng khi nào có hứng làm thì cũng chẳng kém gì các triết-học khác. Xem như cái học-thuyết của ông Mã-lặc-ba-lan-sĩ (Malebranche) thì biết vậy. Học-thuyết của ông thực là một cái « thuyết-hệ » rất hoàn-toàn, chẳng kém gì cái « thuyết-hệ » của ông Tỉ-bỉ-nộ-tát nước Hà-lan, ông Lập-ni-ti nước Đức. Ông cũng chủ sự điều-hòa cái học của ông Địch với cái học cũ của Hi-lạp, nhưng cái lâu-đài tư-tưởng ông dựng lên thực vĩ-đại mà trang-nghiêm. Ông lại còn hơn các nhà kia là trong cái lâu-đài của ông, không những là chỉ có một phần siêu-hình-học mà thôi, lại còn kiêm cả một cái tâm-lý-học, một cái đạo-đức-học rất đích-đáng nữa, khiến cho dù một phần trên có không đủ tận-tín, hai phần dưới cũng vẫn còn giá-trị vậy. Đó thực là một cái đặc-sắc của triết-học nước Pháp ; triết-học nước Pháp dù có đặt thành « thuyết-hệ », cũng không mắc cái tật độc-đoán, không hề đem sự thực mà uốn-nặn cố ép cho nó vào khuôn « thuyết-hệ » của mình, thành ra những vật-liệu dùng để dựng cái lâu-đài của mình, ngoài cái lâu-đài ấy vẫn còn dùng việc khác được. *Cái lâu-đài ấy dù phá đi nữa, những mảnh còn lại cũng vẫn là hữu-dụng vậy.* (1)

(Còn nữa)

Ph. Q. *dịch*

ĐẸP LÀ GÌ?

Mấy nhời bàn về mĩ-học

III

Nay đã giải Đẹp là gì, vậy nên phân-tách xem trong sự đẹp có những *nguyên-tố* gì, tức là xét xem những phần gì cốt-yếu làm thành ra sự đẹp. Ta đã nói đẹp với *duyên* quan-hệ nhau thế nào. Duyên tuy là cái vẻ tốt tươi của sự đẹp, không có thì đẹp không được hoàn-toàn, nhưng cũng mới là một nguyên-tố trong sự đẹp, phải hợp với nhiều nguyên-tố khác mới làm ra đẹp được. Nay tổng xét các nguyên-tố làm thành ra sự đẹp, chia làm hai hạng : một là

(1) Mục-đích của triết-học là muốn thu gồm lấy cả cái chân-tướng. Bởi thế các nhà triết-học Âu-châu tư-tưởng về sự-vật thường có tính hợp những tư-tưởng của mình mà kết thành « thuyết-hệ » (*système*), lấy cái « thuyết-hệ » ấy như cái gương để phản-chiếu cái chân-tướng. Nhưng gương dù to đến đâu cũng không thu được hết chân-tướng, vì cái gương ấy là bởi trí ta đúc nên, mà trí ta thì chỉ là một phần nhỏ trong chân-tướng, có nhẽ nào một phần lại hình-dung được cả toàn-bộ ? Bởi thế mà các thuyết-hệ về triết-học xưa nay thường có tính độc-đoán, nghĩa là muốn xét cả sự-vật về riêng một phương-diện mình. Xét ra triết-học nước Pháp thực là tránh khỏi được cái tính độc-đoán ấy. Tuy không hứng dựng thuyết-hệ như các triết-học khác, nhưng dù dựng thuyết-hệ cũng không đến độc-đoán. Xem như ông Mã-lặc-ba-lan-sĩ thì biết.

những nguyên-tố thuộc về cảm-giác, nghĩa là cảm vào giác-quan, vào tình-tình người ta ; hai là những nguyên-tố thuộc về trí-thức, nghĩa là tiếp với lý-tính, với trí-tuệ người ta.

Nguyên-tố thuộc về cảm-giác có ba : một là *sức-lực*, hai là *sinh-hoạt*, ba là *duyên*.

Sức-lực là cái vẻ mạnh mẽ, tuy mỗi vật mỗi khác, nhưng đại-để là ở nguyên-khí sung-túc, hình-thể quảng-hoạt, không yếu-ớt, không eo-hẹp, không thắt-buộc, không cằn-cọc. Như cây đa cây đề phải cao nhớn rườm rà, cây lan cây huệ phải tốt tươi rậm-rạp, giống nào sức sinh-trưởng được bao nhiêu đến được bấy nhiêu, thế là đẹp. Như người nước ta hay thích chơi những cảnh cây uốn, cảnh non-bộ, thu rút cái hình-thể thiên-nhiên cho bé nhỏ lại, là bởi cái tính riêng hiếu-kỳ, không phải là bởi những cảnh ấy có đẹp gì.

Sinh-hoạt là cái vẻ linh-lợi, như con vật thì vận-động nhanh-nhẩu, tiếng đàn thì lưu-loát dễ nghe ; bông-hoa thì mơn-mởn tốt tươi, bức họa thì hiển-nhiên như thực. Một bông hoa giả dù làm khéo đến đâu, hệt đến đâu, dụng công đến đâu, cũng không đẹp bằng bông hoa thật, là vì kém cái vẻ sinh-hoạt vậy.

Duyên thì ta đã giải trên kia, là cốt ở sự mềm-mại em-đềm, mĩ-miều khả-ái. Có sức-lực, có sinh-hoạt không đủ khiến người ta yêu, phải có duyên mới gợi được cái cảm-tình.

Nguyên-tố thuộc về trí-thức cũng có ba : một là sự *nhất-trí*, hai là sự *gián-điệu*, ba là sự *thích-nghi*.

Sự *nhất-trí* là một sự yếu-cầu của trí-thức. Tư-tưởng tức là nối tiếp ý nọ với ý kia, nghĩa là xếp đặt cho nhất-trí. Phàm sự gì loạn-tạp, phiền-phức, hỗn-độn thì trí-thức không thể quan-niệm được. Nên đã gọi là đẹp phải có nhất-trí, phải có một nơi yếu-điểm, một cái chủ-ý gồm cả mọi phần, tiêu-biểu lên rõ ràng, thì trí-thức mới chịu công-nhận là đẹp.

Nhưng sự nhất-trí đây không phải là sự đan-độc, chọi không mà không có vẻ gì, như cái hình vẽ trong kỷ-hà-học. Nhất-trí không phải là nhất-điệu. Nhất-trí là gồm nhiều phần khác nhau theo một cái yếu-điểm chung. Như khúc đàn phải có nhiều tiếng nhiều điệu gián-tiếp nhau mới thành được, một tiếng một điệu không gầy nên khúc đàn. Nên trong sự nhất-trí phải có sự *gián-điệu* ở đấy nữa. Như vẽ một bức tranh cảnh, phải thế nào cho hồn-nhiên là một bức cảnh, nhưng trong cái hồn-nhiên ấy phải có nhiều vẻ khác nhau khéo điều-hòa làm một : non xanh nước biếc, cây um cỏ rậm, chỗ nhạt chỗ đậm, chỗ sáng chỗ tối, đây chú tiều, đó cái quán, nọ dịp cầu, kia cái buồm ; tuy bấy nhiêu thứ khác nhau mà họp lại thành một bức sơn-thủy. Cũng có khi bức tranh vẽ thuần một vẻ, hoặc thuần về giời, hoặc thuần về bể, mới trông thì tưởng là không có gián-điệu mà nhìn kỹ cái mầu cái sắc nó phong-phú là chừng nào ! Tuy là một mảnh giời bể mênh-mông, chọi không có gì, chỉ có mây với nước, mà con mắt ta nhìn tinh-thần ta như đi theo, mộng-du trong cái khoảng tịch-mịch ấy. Thế là tuyệt-đẹp vậy.

Sự *thích-nghi* thì khác sự *nhất-trí* và sự *gián-điệu*. Thích-nghi là ở cái cách xếp đặt thế nào cho hợp với cảnh ngoài. Như cây đa cây đề phải mọc chỗ đất cao rại-rễ mới xứng đáng. Nếu vẽ vào nơi đất thấp, không có bề-thế thì tất không thích-nghi. Bài văn-chương cũng vậy, chỗ nào nhời nên bình-dị phải bình-dị, chỗ nào nhời nên hùng-hồn phải hùng-hồn, đương nghiêm-trang mà chào-phúng, đương chào-phúng mà nghiêm-trang thì khó nghe lắm, chắc là không thích-nghi vậy.

Ấy trong sự đẹp có bấy nhiêu nguyên-tố như thế, khi nào họp được cả bấy

nhiêu cái, nghĩa là vừa có *nhất-trí*, có *gián-điệu*, có *thích-nghi*, khiến cho phần tri-thức được thỏa, vừa có *sức-lực*, có *sinh-hoạt*, có *duyên*, khiến cho phần tâm-tình được vui, như thế thì gọi là đẹp.

Khi nào bấy nhiêu cái nguyên-tố điều-hòa bằng nhau, đều-đặn không bên nào hơn không bên nào kém, thế là *chân-mĩ*. Khi nào hoặc kém hoặc hơn không cân nhau thì hoặc gọi là *mĩ-diệu*, hoặc gọi là *hùng-tráng*.

Nay ta xét ba thứ đẹp ấy khác nhau thế nào.

Chân-mĩ là cái đẹp bình-tĩnh trang-nghiêm, như cái đẹp một bức tượng. Các nhà mĩ-học thường nói nghề làm tượng là nghề dễ đến được chân-mĩ. Bức tượng bằng đồng hay bằng đá bao giờ cũng vẫn có cái vẻ uy-nghiêm, trái hẳn với những lối mĩ-diệu tầm-thường, mà bao giờ cái giáng-điệu cũng điều-độ, hình-dung cũng chỉnh-nghi, khác hẳn với những lối hùng-tráng cao-kỳ.

Mĩ-diệu là cái đẹp hơi kém bề mạnh mẽ nghiêm-trang, có vẻ sinh-hoạt, có duyên đằm-đà, nhưng phần giản-điệu nhiều hơn phần nhất-trí. Mĩ-diệu tức là cái đẹp mà hoặc trong sự mệnh-ý, trong cách hình-dung có kém vẻ nhởn-nhơ một tí. Như thơ thì lối ngụ-ngôn, lối ca-giao là thuộc về cái đẹp mĩ-diệu. Cái đẹp của các thứ hoa, nhất là những thứ lơ-thơ mảnh-rẻ, cái đẹp của con ong cái bướm, của các giống vật bé nhỏ cũng là cái đẹp mĩ-diệu.

Hùng-tráng là cái đẹp mà bề mạnh-mẽ nghiêm-trang lên đến cực-điểm, sự vận-động, sự sinh-hoạt xem ra cương-cường kịch-liệt, phần nhất-trí, phần chỉnh-đốn hình như khuyết-hám. Nói rằng phần chỉnh-đốn khuyết-hám, không phải là tuyệt-nhiên không có chỉnh-đốn. Hỗn-độn gì bằng cái cảnh bể khơi đương khi gió bão, thế mà trong cái cảnh ấy cũng có vẻ chỉnh-đốn ở đấy, vì ngắm cảnh ấy mà biết phép tạo-vật dữ-dội như thế, cổ-lai vẫn thường như thế, nhất-định như thế, không bao giờ sai. Bể tuy dữ-dội mà trong cái dữ-dội ấy mình biết rằng có sự hạn-chế không thể vượt được. Nước tuy cuồn cuộn, sóng tuy ngổn-ngang, mà mình biết rằng cái sức nước sức sóng chỉ đến thế mà thôi, không thể hơn được nữa, có cái phép-tắc nhất-định không thể vượt qua được. Mình biết thế mà mình cảm-phục cái cảnh hùng-tráng thiên-nhiên. Nếu trong sự dữ-dội không có phép-tắc gì, nhất-thiết hỗn-độn cả thì tất ghê sợ mà không cảm-phục được. Bởi vậy nên cái đẹp hùng-tráng là cái đẹp nhởn-nhơ mạnh-mẽ vô cùng, kích-động cảm-phục người ta vô cùng. Ngắm ngọn núi cao, nhìn cái thác chảy, đứng trước bãi bể mênh-mông, những cái cảnh như thế dễ sinh ra cái cảm-giác hùng-tráng ở trong lòng.

Nói rút lại, *mĩ-diệu* là cái đẹp thông-thường, *chân-mĩ* là cái đẹp chỉnh-đốn, *hùng-tráng* là cái đẹp cao-kỳ.

*
* *

Cái tư-tưởng về sự đẹp là cái tư-tưởng ai ai cũng có. Nhưng thường phảng-phất, không mấy người biện rõ căn-nguyên tinh-cách thế nào. Trong mấy bài này ta theo các sách triết-học tây mà giải đại-khái sự đẹp như thế. Xem đó thì biết trong một cái đẹp gồm bao nhiêu « chất » ở đấy ; phải biện-biệt cho tường mới phân-tách được từng chất mà đo lường cái đẹp dài ngắn cao thấp chừng nào.

Nay ta kết-luận bài này mà thử so-sánh cái cách người Đông-phương với cái cách người Tây-phương cảm-giác sự đẹp khác nhau thế nào. Đại-đề thì cái cảm-giác của người Tây-phương rộng hơn và có phần tự-nhiên hơn cái cảm-giác người Đông-phương. Phàm hiện-tượng gì trong thế-giới, công-trình gì của người ta, loài giống gì trong

vạn-vật, mắt trông thấy, tai nghe thấy, lòng tưởng đến, trí nghĩ đến, mà sinh ra cái tình cảm-phục, lòng khoái-lạc, người Tây cho là thuộc về sự đẹp cả. Nên thường không câu-nệ phải theo lề-lối, phải hợp phép-tắc mới công-nhận là đẹp. Người Đông-phương ta thì trong cách cảm-giác sự đẹp, trong cách hình-dung sự đẹp, có ý miễn-cưỡng, có ý kiểu-sức mà không được tự-do.

Cái đẹp đã có mẫu sẵn, mẫu ấy di-truyền đời nọ sang đời kia, hình như đã in vào trong não-chất mỗi người. Trước khi công-nhận sự gì vật gì là đẹp phải đối-chiếu với cái mẫu-cũ, có giống mới cho là đẹp. Đàn bà phải môi son má phấn, vóc liễu mày ngài mới là đẹp. Đàn ông phải diêm-dúa chỉnh-tề, tới lui điều-độ mới là đẹp. Cách bầy biện phải độc-bình giả-gương, đỉnh hương ghế gụ mới là đẹp. Cho đến văn-chương tư-tưởng cũng phải theo qui-củ nhất-định mới là đẹp. Nhất-thiết cái gì xã-hội đã từng công-nhận là đẹp mới xứng-đáng là đẹp. Bởi cái tư-tưởng về sự đẹp có phần bó-buộc hẹp-hòi như thế, nên đường mĩ-thuật văn-chương khó lên đến bậc tuyệt-mĩ. Trong ba hạng đẹp như ta giải trên kia, thì cái đẹp của Đông-phương ta thường thuộc về hạng đẹp *mĩ-diệu*, ít khi tới hạng đẹp *chân-mĩ*, mà hạng đẹp *hùng-tráng* lại hiếm lắm vậy.

PH. Q.

(*Sách* Phương-pháp-luận *của ông* DESCARTES *cả thảy có sáu chương. Bản-báo đã dịch được ba chương đầu là phần hay nhất, và bàn những sự thiết-yếu hơn nhất. Còn ba chương dưới tư-tưởng siêu-việt quá, và có phần đã cũ không hợp thời, nay tạm đình không dịch nữa.*)

Ce qui a vraiment vécu une fois revivra,
ce qui semble mourir
ne fait que se préparer à renaître.
Concevoir et vouloir le mieux,
tenter la belle entreprise de l'idéal,
c'est y convier, c'est y entraîner
toutes les générations qui viendront
après nous.
Nos plus hautes aspirations,
qui semblent précisément les plus vaines,
sont comme des ondes qui,
ayant pu venir jusqu'à nous,
iront plus loin que nous,
et peut-être, en se réunissant,
en s'amplifiant, ébranleront le monde.
Je suis bien sûr que ce que j'ai
de meilleur en mois me survivra.
Non, pas un de mes rêves peut-être
ne sera perdu ;
d'autres les reprendront, les rêveront après
moi, jusqu'à ce qu'ils s'achèvent un jour.
C'est à force de vagues mourantes
que la mer réussit à façonner sa grève,
à dessiner le lit immense
où elle se meut.

J. M. GUYAU

Cái gì đã sinh-hoạt tất có tái-sinh,
cái gì tưởng là tiêu-diệt,
thực là sắp phục-hồi vậy.
Tư-tưởng mong-muốn những sự hơn,
theo đuổi cái công-trình cao-thượng
về đường Lý-tưởng,
tức là mời đón, tức là rủ rê
những người đến sau ta
cũng theo một đường ấy.
Những sự hi-vọng tối-cao của ta,
tức là những sự thường cho là hư-không
hơn cả, cũng vì như cái sóng kia,
đã đến được ta tất đi xa hơn ta,
và có khẽ họp nhau thành to ra,
truyền động được thế-giới vậy.
Tôi chắc rằng tôi có được điều gì hay,
dù tôi chết rồi cũng vẫn còn lại.
Không, dễ không có một cái mộng-tưởng nào
của tôi là mất dâu ;
người khác lại kế-tiếp lấy,
lại mộng-tưởng sau tôi
cho đến ngày chết mới thôi.
Cái bể nhớn kia, gọt được thành bờ,
đào được lòng rộng mênh-mông như thế,
cũng là nhờ từng cái sóng nhỏ
lơn-mơn vậy.

KHOA – HỌC

MỘT NHÀ KHOA-HỌC ĐẠI-DANH CỦA NƯỚC PHÁP :
BỐI-NHĨ-ĐỨC-LA (Berthelot) Tiên-sinh (1)

IV

Hồi bầu-cử năm 1871, tuy tiên-sinh không ra ứng bầu mà dân thành Ba-lê cũng nhớ ơn tiên-sinh giúp nước bỏ ba vạn vé bầu làm nghị-viên Thượng-nghị-viện. Năm 1886-1887, tiên-sinh sung chức Học-bộ-tổng-trưởng, thủy-chung giữ một chủ-nghĩa đề-xướng sự giáo-dục tự-do. Năm 1875, quan Nội-các-tổng-lý Ba-nhĩ-thuyết (Bourgeois) mời tiên-sinh sung chức Ngoại-vụ-bộ-tổng-trưởng. Hồi ấy tiên-sinh điều-đình được nhiều việc với nước Anh và giữ cho sự giao-tế hai nước Pháp-Anh được hòa-hảo. Sau nhân việc nước Anh đem quân sang Ai-cập mà hai nước đã qua một hồi găng nhau, cũng là vì chính-phủ bấy giờ không chịu theo ý-kiến của tiên-sinh.

Nay xét Bối tiên-sinh làm người riêng trong gia-đình cũng đáng cảm-phục bằng làm nhà bác-học, nhà tư-tưởng, nhà công-dân. Tiên-sinh người giản-dị, ăn mặc tầm-thường, khổ người vừa, lưng hơi cúi, mới trông thấy cái trán rất to, hai con mắt đen lay-láy, sáng và sắc.

Trên kia đã nói tiên-sinh chơi rất thân với Lôi-năng tiên-sinh (Renan) là một bậc danh-sĩ đệ-nhất trong thời-đại mới rồi. Phàm những người rất trước-danh về đường khoa-học, văn-học, chính-trị, mĩ-thuật, trong mấy đời, tiên-sinh cũng có kết-giao cả.

Tiên-sinh vốn là một người đa-cảm, nhưng thường không lộ ra với người ngoài, chỉ tỏ ra trong chốn gia-đình mà thôi. Năm 1861, tiên-sinh kết-hôn với một người đàn-bà thực là sứng-đáng với tiên-sinh : phu-nhân cũng một lòng cao-thượng thờ sự nghĩa-vụ như tiên-sinh. Phu-nhân là con gái họ Nữu-đệ, tiểu-tự là Tô-phi Cát-la-linh (Sophie Caroline Niaudet), sinh năm 1837. Họ Nữu-đệ là một nhà vọng-tộc, ở thành Ba-lê đã lâu, đời đời sinh nhiều tay bác-học kỹ-sư có tiếng.

Thủa con gái, phu-nhân người rất đẹp, tính rất thuần-hậu, lại có tài riêng về nghề họa. Từ khi lấy chồng chỉ giữ một lòng hi-vọng, là cố làm cho chồng con được sung-sướng, gia-đình được thuận-hòa êm-ái. Hai anh em họ Khổng-cổ-nhĩ (les Goncourt) hồi cưới phu-nhân có tả bức tranh phu-nhân như sau này : « Người đẹp lạ, nhác trông không quên được nữa ; cái đẹp tinh-thần, cái đẹp sâu-sắc, cảm người vô-cùng ; cái đẹp thuộc về linh-hồn, thuộc về tư-tưởng, đẹp siêu-hình như những người mĩ-nhân trong sách Ách-kha-Ba (Edgard Poe). Tóc quấn từng mấn dài, bỏ xõa xuống, trông xa như vành hào-quang trên đầu, trán tròn và bằng-phẳng, mắt to đầy những tia sáng mà vành mắt hơi rủ che làm cho cái sáng dịu-dàng và êm-ái ; giọng nói như giọng đàn. » Những người quen biết thường ví phu-nhân như một bức tranh vẽ của nhà danh-họa Lưu-ni (Luini) : mắt trong suốt như gương, dáng thuần-chất giản-dị, cách ngôn-ngữ cử-chỉ phong-nhã tuyệt vời, ai trông cũng sinh cái cảm-

(1) Xem *Nam-Phong* : số 5, trang 307-310 ; số 6, trang 379-383 ; số 7, trang 30 33.

giác bình-tĩnh êm-đềm. Đó là cái vẻ ngoài, còn tính-cách thì rất là cao-thượng. Cái đặc-sắc trong người phu-nhân là tâm-tình tri-tuệ điều-hòa xứng-hợp. Bình-sinh chỉ giốc một lòng tận-tụy với kẻ thân yêu của mình, không hề làm một sự gì nhỏ nhen, không hề lộ một khóe gì kiêu-sức ; chồng rất kính-phục, những người quen biết thân cũng cảm-phục vậy.

Trong bốn mươi nhăm năm vợ chồng ở cùng nhau, một lòng yêu mến, cuộc ái-tình không bị chút mây mờ ám ; hai vợ chồng cùng nhau một tâm-tình, cùng nhau một tư-tưởng. Sinh được sáu người con, bốn giai hai gái. Bốn người con giai đều hiển-đạt cả, một người trước-danh về chính-trị, một người về khoa-học, một người về ngoại-giao, một người về triết-học. Hai người con gái thì đều lấy chồng hai ông giáo Đại-học có danh tiếng. Cái hạnh-phúc trong gia-đình thực là hoàn-toàn, đến mấy năm sau mới phải mấy cái tang-tóc đau-đớn : bà con gái cả bị bệnh mất, bà chỉ có một cậu con giai mười chín tuổi cũng bị hỏa-xa đổ chết. Tiên-sinh năm ấy bảy mươi bảy tuổi, được tin cháu bị nạn, tê-tái trong lòng, mà vẫn giữ can-đảm, thân đến nhà xác nhận thấy cháu người ta kéo trong đống xe đổ ra đã rập gẫy. Nhưng tiên-sinh không có quên bao giờ ; tiên-sinh có cái ký-ức thuộc về cảm-giác lạ : cách bốn mươi ba năm tiên-sinh còn nhớ hồi tiên-sinh tống-táng cụ thân-sinh ra tiên-sinh ruột đau như xẻ vậy.

Phu-nhân cũng vậy : mất người cháu ngoại như thế, cái buồn không thể kham được, tưởng như lại mất con gái một lần nữa. Sức khỏe vẫn bình-thường, mà nhân sự đó đột-nhiên suy yếu ; mắc bệnh ở tim, trong mấy ngày tưởng không thể cứu được. May lần ấy không việc gì, nhưng bệnh vẫn cứ ngấm-ngầm, kịp đến cuối năm 1906 tiên-sinh xét ra cái kết-cục bệnh không thể nào ngăn được nữa. Bấy giờ tiên-sinh đã tám mươi tuổi mà ngày đêm thường ngồi cạnh phu-nhân, hình như để đo từng giờ cái sống nó rút đi chừng nào vậy. Nhưng xét lại mình thấy trong thân-thể cũng nhân sự lo phiền mà suy-nhược đi lắm. Tiên-sinh thường bảo các con rằng : « Ta biết ta không sống được sau mẹ con đâu. »

Bi-thảm thay ! Tiên-sinh bấy giờ còn sống mà tinh-thần đã hình như cùng phu-nhân giắt nhau sang bờ Vĩnh-biệt vậy. Dù vậy tiên-sinh vẫn không hề dời công-việc. Hồi Lôi-năng tiên-sinh sắp mất, tiên-sinh có viết cho Lôi tiên-sinh một câu rằng : « Tiền-triết La-mã có câu : *Làm người phải lao-động, khi chết phải đứng mà chết*, câu ấy là câu châm-ngôn của bọn ta vậy. » Nên dù đau đớn mà ngoài mặt tiên-sinh vẫn bình-tĩnh như thường, vẫn cử-chỉ như người đại-trượng-phu vậy. Mãi cho đến cái phút sau cùng, mà cái tài sáng-tạo vẫn còn mạnh như thường, sức vẫn gắng, trí vẫn cường.

Mấy tuần-lễ trước khi mất tiên-sinh còn xuất-bản một quyển sách to về sự hóa-giải các chất hơi (*analyse des gaz*). Hôm trước ngày cùng-tận, tiên-sinh còn ra nhà thí-nghiệm ở Mê-đôn (Meudon) để trông cho người ta thử chất « lôi-đĩnh » (*radium*), chất ấy tiên-sinh cố dụng-công nghiên-cứu vì mong sau này dùng được nhiều việc. Trên bàn giấy tiên-sinh ngày hôm ấy còn một bài kỷ-yếu về các chất muối, một quyển sách cổ về thuật luyện-kim ở Ma-lạc-kha mới gửi về cho tiên-sinh nửa tháng trước, cùng với một bài diễn-thuyết để mượn người đọc cho những người dân Pháp kiều-cư ở Nam-Mĩ hồi quốc-hội ngày 14 tháng 7, để thay nhời quốc-dân chúc mừng kẻ đồng-bào ở xa tổ-quốc.

Sáng ngày 14 tháng 3 năm 1907 tiên-sinh gọi các con bảo trước rằng xem mẹ không qua khỏi được ngày

hôm ấy. Tuy thầy thuốc hết sức an-ủi, mà tiên-sinh vẫn theo cái bệnh từng bước một, không nhầm chút nào, biết rằng đến thế là thôi. Phu-nhân thì đến tận giờ sau cùng vẫn tỉnh-tao như thường, nhời nói cuối cùng là bảo con gái rằng: « Ta chết không biết cha con thế nào ? » Phu-nhân ngoảnh lại mỉm cười với chồng một lần cùng, rồi nhắm mắt; cái quả tâm trong sạch thôi không động từ đấy. Tiên-sinh nhìn phu-nhân, con mắt buồn vô-hạn, ghé xuống hôn một lần cuối cùng, gọi các con lại, gọi cả người vú già đã ở được bốn mươi năm và đã từng nuôi cả bấy nhiêu người con; rồi tiên-sinh sang buồng bên cạnh, nằm nghiêng lên cái ghế dài, như những khi mệt thường hay nằm thế. Được một lát thì một người con giai đi theo tiên-sinh thấy tiên-sinh thở dài một tiếng, sầu-thảm vô cùng, muốn cầm lấy tay tiên-sinh để nói vài nhời an-ủi, thì thấy tay sã xuống. Thế là nhân sự đau-đớn mà lòng trượng-phu đã quyết không kham vậy. Trông thấy người bạn chung-thân của mình nằm trên linh-sàng kia mà tiên-sinh không nỡ sống thêm vậy.

Ấy bà Tô-phi với ông Mã-tư-lăng Bối-nhĩ-đức-la (Sophie et Marcelin Berthelot) hai vợ chồng cùng nhau tạ thế như vậy. Bình-sinh đã một cật một dạ với nhau, tử-hậu cũng không nỡ dời nhau vậy.

Cái chết trang-nghiêm như thế thực là xứng-đáng truyện thần-tiên đời Cổ-đại. Xem đó thì biết dù ở thời-đại lý-học thịnh-hành này, cái cảm-tình trong lòng người cũng vẫn mạnh như xưa. Suốt nước Pháp nghe tin buồn ấy đều một lòng cảm-động và kinh-phục vô-cùng.

Quốc-dân muốn báo ân một bậc đại-nhân-vật trong nước xin cử lễ rất trọng-thể Khoắc vải chở đen cho tượng Dân-quốc (*Statue de la République*) để biểu tang chung. Chính-phủ lại định an-táng tiên-sinh trong đền Kỷ-niệm (*le Panthéon*), sánh vai với những bậc hiền-hách đời trước như Phúc-lộc-đặc-nhĩ (Voltaire), Lư-thoa (Rousseau) hai tiền-triết, như thi-hào Hữu-ngộ (Victor Hugo), như đại-tướng Mã-thoa (Marceau), như tổng-thống Cát-nộ (Carnot), là những tay anh-kiệt trong nền tư-tưởng, trong trường động-tác, đời nọ sang đời kia, biểu cái linh-hồn bất-diệt của nước Đại-Pháp vậy.

Quốc-dân lại không muốn chia lòng cảm-phục, dời hai người mà cái chết cũng không nỡ dời, nên xin đem cả phu-nhân an-táng cùng tiên-sinh trong đền Kỷ-niệm: đàn-bà mà được táng vào đền Kỷ-niệm là tự phu-nhân thứ nhất vậy. Như thế quốc-dân được cùng một dịp vừa biểu-dương cái thiên-tài một nhà bác-học, vừa biểu-dương cái đức-tính một bậc hiền-phụ. Có người ngợi khen mấy nhời cao-thượng rằng:

« Mẹ đẻ ra con tài, vợ gây nên chồng giỏi. Quốc-gia biết ơn người mẹ vẻ-vang, cũng phải biết ơn người vợ cần-cù. Cái ánh hào-quang của đền Kỷ-niệm từ nay tất rực-rỡ thêm lên, vì cạnh cái tháp bề chiếu sáng khắp thế-giới, lại có cây đèn con chỉ soi sáng một chốn gia-đình, hai cái sáng tuy nhỏ to khác nhau mà đều đáng sùng-bái kính-phục vậy. »

Ph. Q.

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CÁC CỤ

Cụ Yên-đỗ

Cảnh lên lão

Ông chẳng hay ông tuổi đã già,
Năm nhăm ông cũng lão đây mà.
Anh em làng xóm xin mời cả,
Xôi bánh trâu heo cũng gọi là.
Chú Đáo bên người lên với tớ,
Ông Từ xóm chợ lại cùng ta.
Bây giờ đến bậc ăn dưng nhỉ,
Có rượu thời ông chống gậy ra.

Ngẫu-hứng

Nghĩ ta ta cũng sướng ru mà,
Mừng thấy con ta dựng được nhà.
Năm mới lệ thường thêm tuổi một,
Cỗ bày ngôi đã trốc bàn ba.
Chén men đến bữa nghiêng bầu dốc,
Chữ dại đầy năm xồ nút ra.
Một củ thủy-tiên năm bảy khóm,
Xanh xanh như sắp thập thò hoa.

Dựng nhà tế-đường

Mừng ta con cái thực tài lo,
Nhà dẫu không to thế cũng to.
Mực thước vuông tròn sau cửa thánh,
Lửa hương ngào ngạt trước làng nho.
Chim oanh vườn cũ đương bay nhảy,
Chồi quế sân trong muốn thập thò.
Con có cha như nhà có nóc,
Được giờ cất nóc tớ lên cho.

Cáo quan ở nhà

Ngần ấy năm nay vẫn ở nhà,
Nghĩ ta, ta lại chỉ thương ta.
Bóng hiên thêm ngán hơi nồng nhỉ,
Ngọn gió không nhường tóc bạc a ?
Thửa mạ rạch ròi chân xấu tốt,
Đấu lương đo dắn tuổi non già.
Khi buồn chén rượu say không biết,
Ngửa mặt lờ-mờ ngọn núi xa.

Cảm-hứng

Tháng ngày thấm thoắt tựa chim bay,
Ông gẫm mình ông nghĩ cũng hay.
Tóc bạc bao giờ không biết nhỉ,
Răng long ngày trước hãy còn đây.
Câu thơ được chửa, thưa rằng được,
Chén rượu say rồi, nói chửa say.
Kẻ ở trên đời lo lắng cả,
Nghĩ ra ông sợ cái ông này.

Cảnh mùa hè

Biếng trông giời hạ nước non xa,
Ý khí ngày thường nghĩ đã trơ.
Cá vượt khóm rau lên mặt nước,
Bướm len lá trúc lượn rèm thưa.
Thơ Đào cất bút đưa câu rượu,
Xóm Liễu quanh khe chịu tiếng khà.
Nhân hứng cũng vừa toan cất chén,
Sấm đông rầm-rập gió nồm đưa.

Thu ẩm

Năm gian lều cỏ thấp le-te,
Ngõ tối đêm sâu đóm lập-lòe.
Lưng giậu phất-phơ màu khói nhạt,
Làn ao lóng-lánh bóng giăng loe.
Áo giời ai nhuộm mà xanh ngắt,
Mắt lão không viền cũng đỏ hoe.
Rượu tiếng rằng hay hay chẳng mấy,
Độ năm ba chén đã say nhè.

醉翁亭記

Bài hát « Túy-ông-đình ».

環滁皆山也
Khắp châu Từ quanh quanh những núi,
其西南諸峯林壑尤美
Phía tây nam đồi núi đâu bằng.
望之蔚然而深秀者
Trông vào xanh tốt mấy từng,
琅琊也
Núi này chẳng phải tên rằng « Lang-gia».
山行六七里
Sáu bảy dặm đường qua thấm thoắt,
漸聞水聲潺潺
Tiếng nước đâu văng vẳng tai nghe.
而瀉出於兩峯之間者
Giữa hai núi chảy ve ve,
釀泉也
Suối này gảy rượu là khe « Nhưỡng-
峯迴路轉， [tuyền ».
Núi quanh quất đường lên ngun ngút,
有亭翼然臨於泉上者醉翁亭也
« Túy-ông-đình » trông phút lửng lưng.
作亭者誰山之僧智仙也
Làm đình này ấy thầy Tăng,
名之者誰太守自謂也
Đặt tên đình ấy ta rằng ta đây.
太守與客
Ta cùng khách từng ngày chơi dạo,
來飲於此
Khi lên đình tiệc rượu bày ra.
飲少輒醉而年又最高
Hay say mà tuổi lại già,
故自號曰醉翁也
Cho nên mới gọi ta là « Túy-ông ».
醉翁之意不在酒
Ông cũng rượu mà không ham rượu,
而在乎山水之間也
Ý tình đâu những nẻo non sông.
山水之樂
Non sông sao những quanh lòng,
得之心而寓之酒也
Chẳng qua mượn rượu vui cùng kẻo trơ.

若夫日出而林霏開
Kìa giời rạng rừng vừa lố nhố,
雲歸而巖穴暝
Mây về hôm núi đã mơ màng.
晦明變化者
Hối-minh biến-hóa lạ nhường,
山間之朝暮也
Ấy là những buổi sơn-gian sớm chiều.
野芳發而幽香
Hơi xuân thoảng cũng nhiều hoa ngát,
佳木秀而繁陰
Cây mùa hè bóng mát xanh um.
風霜高潔水落而石出者
Sương thu ráo nước đông tan,
山間之四時也
Ấy là những cảnh sơn-gian bốn mùa.
朝而往暮而歸
Đường đi lại cũng vừa sớm tối,
四時之景不同而樂亦無窮也
Cảnh nào là chẳng với mình vui?
至於負者歌於塗
Còn như hành-dịch mấy người,
行者休於樹
Tiếng ca trong lối bóng người dưới cây.
前者呼後者應
Người sau trước bỗng hay thưa bởi,
傴僂提攜
Kẻ đề huề mong mỏi những ai?
往來而不絕者
Suối này đông họp vẳng lai,
滁人遊也
Qua chơi ai nấy những người Từ-châu.
臨溪而漁溪深而魚肥
Khe thả lưới thẳm sâu cá béo,
釀泉爲酒泉清而酒洌
Suối gây men trong lẻo rượu nồng.
山肴野蔌
Tìm lộc núi hái rau đồng,
雜然而前陳者太守宴也
Xếp bày cũng khắp trước vòng yến ta.
宴酣之樂非絲非竹
Khi vui chén lọ là tơ trúc,

射者中奕者勝
Kẻ bắn tin người cuộc cờ cao.
觥籌
Đếm thẻ được chuốc cốc vào,
交錯
Xúm đưa tửu lịnh biết bao chén quỳnh.
起坐而諠譁者
Ngồi hay đứng nghe hình nhốn nháo,
衆賓歡也
Chẳng mấy khi làng rượu ta vui.
蒼顏白髮
Phơ phơ tóc trắng da mồi,
頹乎其中者太守醉也
Ngả nghiêng trong bọn khách ngồi ta [say.
已而夕陽在山人影散亂
Giời đã tối người xoay bóng núi,
太守歸而賓客從也
Ta ra về khách với ta theo.
樹林陰翳鳴聲上下
Xúm cây tiếng hót thấp cao,
遊人去而禽鳥樂也
Người chơi đã vắng chim nào cũng vui.
然而禽鳥知山林之樂
Nhưng mà giống chim vui rừng rú,
而不知人之樂
Có hay đâu những thú người vui.
人知從太守遊而樂
Người vui ta cũng vui chơi,
而不知太守之樂其樂也
Dễ mà biết được ta vui thế nào?
醉能同其樂
Ta say nhưng cũng người vui mấy,
醒能述以文者太守也
Tỉnh lại hay ghi lấy làm câu.
太守謂誰
Ta đây nào phải ai đâu?
廬陵歐陽修也
Là quan Thái-thú họ Âu đó mà.

Tiên-nho Hồ khẩu Bùi Tiên-sinh *dịch*

(*Cụ là thân-sinh quan Cố-án-sát* Bùi Khánh-Diễn. *Quan huyện Tiên-lãng* Bùi Thiện-Cơ *là cháu cụ gửi bài này cho bản-báo*).

Hương-sơn

(*Hát nói*)

Bầu giời cảnh phật, thú Hương-sơn, ao ước bấy lâu nay, kìa non non nước nước mây mây, đệ-nhất-đỗng là đây có phải?

Thỏ-thẻ rừng Mai chim cúng trái,
Lửng-lơ khe Yến cá nghe kinh.

Thoảng bên tai một tiếng chầy kình, khách tang-hải giật mình trong giấc mộng! Này suối Giải-oan, này chùa cửa Võng, này am Phật-tích, này động Tuyết-quynh. Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình, đá ngũ sắc lung-linh như gấm dệt.

Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập-ghềnh mấy lối uốn thang mây.

Chừng giang-sơn còn đợi ai đây, hay tạo-hóa sẽ ra tay xếp đặt? Lần tràng hạt niệm Nam-vô-phật, cửa từ-bi công-đức biết là bao?

Càng trông phong-cảnh càng yêu!

Tiến-sĩ Chu Mạnh-Chinh

VỊNH SỬ

Triệu-Ẩu

Không duyên không kiếp cũng không chồng,
Cái nợ trần-hoàn cái nợ chung.
Nhắm mắt dời chân coi tạo-hóa,
Kề vai vắt vú gánh non sông.
Sánh cùng hai gái dòng con Lạc,
Thương lấy trăm giai giống họ Hồng.
Thành-bại kể chi thiên-hạ sự,
Nữ-nhi như thế cũng anh-hùng!

Phục-Ba tướng-quân

Trèo non vượt bể biết bao công,
Một trận hồ Tây chút vẫy vùng.
Quắc thước khoe chi mình tóc trắng,
Cân thoa đọ với gái quần hồng.

Gièm chê đã chán đầy mâm ngọc,
Công cán ra chi mấy cột đồng.
Ai muốn chép công ta chép oán,
Công riêng ai đó oán ta chung.

Vô-danh-thị

(Đoàn Như-Khuê *sao-lục*)

Thơ cô tiểu về lấy chồng

Tiếc thay thiếu-nữ ở thuyền-lâm,
Đã chắc tu mà quyết nhất-tâm.
Nếu phải má hồng là phận bạc,
Nỡ đem yếm thắm ngả mùi thâm?
Râm râm miệng đọc câu kinh-kệ,
Văng vẳng tai nghe tiếng sắt-cầm.
Hai chữ Nam-vô giao giả Phật,
Ta về liệu chốn kết tri-âm.

Thủ-khoa Trần Mạnh-Khoa

Khóc bạn

(Tú-tài quê ở Phong-châu (1))

Quả núi châu Phong mới bắc cầu,
Thương anh về trước chị về sau!
Tên đề bảng phấn ai không hảm,
Tiếng khóc non xanh vượn cũng sầu.
Có mẹ cũng là vui gượng lại,
Không chồng ai dễ sống chi lâu.
Bắc thang lên hỏi ông cầm sổ,
Cao tít mù xanh ngắt một mầu.

Tú-tài Trần Kế-Xương

THƠ VĂN MỚI

Vịnh thủy-tiên nở chiều mồng một Tết

I

Một đóa hoa xuân khéo trớ trêu,
Ban mai chẳng nỡ nỡ ban chiều.
Tối sớm cũng là mồng một Tết,
Ngậm cười phân số há rằng kiêu.

II

Tấm lòng trinh-bạch mặc ai trêu,
Nắm giữ từ mai nhẫn đến chiều.
Vì đợi gió đông nên có chậm,
Trước sau một tiết nỡ nào kiêu.

Vịnh Tết năm mới

Đầu năm tiếng pháo nỗ nghe sưa,
Lối cũ văn-minh tưởng đã vừa.
Liễn đối lơ thơ đồ mã vắng,
Tre nêu rải rác gió xuân đưa.
Tục tình dân sự dường ra mới,
Phong vị quan quyền vẫn hãy xưa.
Đi lại ăn chơi bá bữa Tết,
Lạy trời ngày nắng để đêm mưa.

Lại-bộ Thượng-thư Phước-môn-bá.

Đọc sách « Giấc mộng con »

(Ngẫu-thành năm bài)

I

Mộng thế tôi đây cũng mộng đời,
Giắt nhau đi khắp địa-cầu chơi.
Bể băng hiểm hiệm cù lao nhỏ,
Kiếm đất ta làm một nước vui.

II

Làng chơi biết mấy tỉnh Hà ta,
Này lũ tùm năm lũ tùm ba.
Dễ cũng giai-nhân tài-tử đó,
Đêm đêm giắt dìu miệt tường hoa.

(1) Chồng chết trước, vợ ở lại nuôi mẹ, khi mẹ chết, vợ thắt cổ theo chồng, cho nên thi-nhân cảm cảnh mà có những giọng ly-tao nhường vậy.

III

Ghẻ lạnh xưa nay lạ thói đời,
Mắt xanh ai để giữa trần-ai?
Ấm chè gác kín tình tri-kỷ,
Cũng đáng cho lên đứng tận giời.

IV

Bèo nổi mây chìm với nước non,
Lò giời đúc chuốt mặt giai khôn.
Phong-trần là miếng chua cay thật,
Có nếm qua rồi mới biết ngon.

V

Đà Tản giang sơn họa có người,
Văn-hào triết-học hỏi xem ai?
Trầm-tiềm cương-nghị xin ai nhớ,
Hay cũng người trong giấc mộng thôi?

TUYẾT-HUY

Vịnh Kim Trọng tái-hợp

Mười mấy năm giời trải nắng mưa,
Phấn son phai nhạt xấu xa thừa.
Thanh-minh nhớ lúc tìm hoa cũ,
Lãm-thúy còn in bóng nguyệt xưa.
Duyên chị tơ em đành đã nối,
Chén thề quạt ước nhớ cho chưa?
Tình nhân thử hỏi là ai đó?
Kìa khách Liêu-dương vẫn đợi chờ!

DƯƠNG TỰ-NHU

Đi thuyền đêm ở Tây-hồ

Canh khuya giăng lướt bóng tà,
Gió hiu hiu thổi đưa xa giọng tình.
Mấy từng mây bạc gập ghềnh,
Trăm sao lóng lánh giời xanh lờ mờ.
Ánh đèn gieo ngấn nước hồ,
Giải cây thấp thoáng lơ thơ bên đường.
Nhạn thưa rền rĩ kêu sương,
Nước vờn róc rách vệ đường cỏ mua.
Bèo trôi theo nước đi đâu?
Cỏ hoa phơn phớt pha mầu vàng xanh.
Veo veo một chiếc thuyền tình,
Tay chèo tay lái thênh thênh cảnh giời.

LƯƠNG-ĐIỀN

Tiễn sao La-hầu

I

Ai có lên giời nhắn mấy câu,
Nhắn xin thăm hỏi bác La-hầu.
Làm sao bác quấy tôi chi mãi?
Chửa khỏi đùi đau lại rọt đau!

II

Chửa khỏi đùi đau lại rọt đau!
Tôi đau bác có sướng gì đâu?
Từ rầy phù-hộ cho tôi khỏi,
Tôi khỏi tôi xin thết một chầu.

III

Tôi khỏi tôi xin thết một chầu,
Một chầu khắp mặt các cô đầu.
Cô già cô trẻ cô nhờ nhỡ,
Tùy bác xơi đâu bác ngủ đâu.

IV

Tùy bác xơi đâu bác ngủ đâu,
Ngủ đâu lại để bác La-hầu.
Mùi đời hẳn khác mùi thiên-khuyết,
Bác xuống mà chơi cảnh địa-cầu?

HẢI-SINH

Vịnh rằm tháng bảy

Có phải nay rằm tháng bảy không,
Nhờ ai lên nói đến Thiên-cung.
Vi bằng « xá tội vong nhân » nhỉ,
Xá cả trần-gian nợ quách xong!

Vô-danh.

Chơi Thái-nguyên tức-cảnh

Vừa đến đây là đất Thái-nguyên,
Chung quanh gò úp lại đồi chen.
Nhà hàng phố lợp xanh cùng đỏ,
Váy chị Nùng buông xám lại đen.
Chợ họp sa-nhân, nâu, vỏ, nấm,
Hàng phô cát bá, chỉ, kim, phèn.
Líu-lo giọng hát quân Nùng thổ,
Xui khách giang hồ tưởng cảnh Tiên.

Ở Phổ-yên gửi về cho bạn ở Hà-thành

(Ngày mồng 7 tháng 7)

Đất Thái thành Long mấy dặm đường,
Vì ai ai luống những tư lường.
Vẩn vơ chín khúc tơ tầm rối,
Chiếc gối năm canh khắc lậu trường,
Ướt đất giọt châu người Chức-nữ,
Vang giời tiếng khóc gã Ngưu-lang.
Nhớ ai sực thấy người tan hợp,
Thêm trách ông xanh luống phụ phàng.

NGUYỄN ÁI-HOA.

Khuyên người xem báo

Chuông báo Nam-phong ngọn gió đưa,
Hỏi ai ai tỉnh tỉnh hay chưa?
Cuộc đời sáu mặt còn xoay mãi,
Giấc ngủ nghìn năm chửa chán ư?
Pháp-Việt dẫu pha lề lối mới,
Lạc-Hồng kia vẫn nước non xưa.
Cầm sào tiến-hóa chờ ai đó?
Đã có thầy khôn giắt đến bờ.

Hà-tĩnh TRẦN QUỐC-HOA.

Mãy hơn khôn

(Hạn vần khôn)

Trăm năm thử tính cuộc vuông tròn,
Cái chữ mãy đè cái chữ khôn,
Gặp dịp người kia chừng nắm lỏng,
Lọt vành ai đó dễ ăn ngon?
Nếm qua thế-vị mùi chua vắt,
Ngẫm lại nhân-tình mắt ngứa nhon.
Con Tạo ỡm ờ chi lắm tá,
Tẩy mo còn có truyện xưa còn.

Giai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng

(Hạn vần chồng)

Giai kia tìm vợ gái tìm chồng,
Giai gái khôn ngoan cũng một lòng
Tinh mắt kén nên người thục-nữ,
Già tay chon lấy mặt anh-hùng.
Mới hay lá thắm buông dòng biếc,
Chi để hoa đào cợt gió đông.
Đôi chữ nhân-duyên khi gặp gỡ,
Ái ân thêm nặng mảnh tình chung.

Gái có công chồng chẳng phụ

(Hạn vần công)

Giang sơn gánh vác lúc theo chồng,
Gái đảm chồng nào có phụ công?
Mấy kẻ đỡ-đần trong mọi việc,
Dễ ai đen bạc ở ra lòng?
Vì nên đi đứng nơi đài-các,
Khi cũng ăn ngồi miếng đỉnh-chung.
Yêu kính một niềm ghi tấc dạ,
Hương kia càng tỏ ngọc càng trong.

Vô-danh (NGUYỄN VĂN-HIẾN *sao-lục*).

Lưu-Bình đề quán Nghinh-xuân

Ở đời ai dễ kém ai đâu,
Quí tiện chi mà nỡ phụ nhau.
Duyên phận chỉ vì may với rủi,
Công danh âu chẳng trước thì sau.
Bút nghiên nếp cũ còn ghi tạc,
Vồng dá khoa cao chửa được mầu.
Gặp quán xuân đây ngồi nghỉ mát,
Dãi tình viết thử một đôi câu.

HOA-SINH

Đề miếu bờ sông Đào

(Thờ hai người tử-sĩ)

Một túp gianh tre đứng giữa đồng,
Nhận ra mới biết miếu *nhà ông*.
Anh em trước những vì non nước,
Hương khói nay sao đến lạnh lùng.
Cỗi gạo sống lâu thành cổ thụ,
Hoa đào cười mãi với đông phong.
Cơ ngơi vương bá đâu đâu cả,
Khiến khách qua nom lại động lòng.

Ái-Hoa

Cùng bạn qua Ải-vân (1)

(Ngày giời mưa)

Mưa gió đem nhau đến giữa đèo,
Trèo lên trèo xuống những cheo leo.
Thôi thôi sống thác xin đừng ngại,
Giời bể mênh mông một cái liều.

ĐÀO MỘNG-GIÁC

Bài ký đi chơi núi Ngự-bình

Năm đinh-tị tháng ba mùng chín,
Cùng bạn tiên lên đỉnh Bình-sơn.
Hoa xuân hớn hở cười mơn,
Giữa nền cầm-tú tinh-tang thích tình.
Non thăm thẳm trời xanh một sắc,
Gió hiu hiu phơ phất cành thông
Mây chiều giọi chiếu vừng hồng,
Nhuộm nên trăm sắc lung tung giữa
Ngoài mặt biển ngời ngời sóng bổ, [trời.
Cát xây gò lố xố từng dây.
Chim reo tiếng hưởng lừng mây,
Nước khe rỉu rít như gay cung đờn.
Rượu hồng-cúc chén vàng nhẹ rót,
Đưa mời nhau chấm-chút cho vui.
Chuyện trò vừa được đôi hồi,
Ác-vàng kia đã bồi hồi non tây.
Tình cảm-hứng đương say phong-cảnh,
Sẵn đèn trời lồng lánh trên không.
Khi vui trời cũng chiều lòng,
Thêm cho gió mát giăng trong thỏa tình.
Ấy là cảnh trời xanh gìn giữ,
Để dành cho tài-tử giai-nhơn.
Nhìn nhau tay nhịp thơn-thơn,
Ngụ-tình ca một khúc đờn Nam-cung.

Ca rằng :

Kìa một vành gương trong,
Soi tỏ niềm tâm-sự,
Nỗi dục trong ;
Đành nguyện non song,
Nguyện non song,
Trăm năm ghi lòng.

Bạn tiên bẻ cành thông làm phách,
Nghe xong rồi liền tiếp ca theo.

Ca rằng :

Đành nguyện non song,
Thệ non song,
Biết nhau tấc lòng.

Ca rồi kẻ nói người reo,
Dở chìu như tỉnh dở chìu như say.
Thoắt thỏ-bạc non tây hầu núp,
Dắc-dìu nhau xuống cấp lần ra.
Khi về vừa tới ngõ nhà,
Xa nghe thấp thoáng tiếng gà kêu canh.

Song-cử HOÀNG YẾN

Lên chơi núi Thiên-văn *(Kiến-an)*

Đường-hòe dặm-liễu thấy xanh xanh,
Thú cũng vui mà cảnh cũng xinh.
Quả đất xoay thành cao chót vót,
Bầu giời trông suốt rộng mông mênh.
Gió giăng chung cả ba nghìn cõi,
Non nước riêng ai một mảnh tình.
Nhẹ gót bụi hồng khi giở lại,
Chiêng-vàng đã gác bóng chênh chênh!

Phượng-lâu VŨ DUY-PHIÊN

Bài văn tống cùng

(Thay nhời người Phú-thọ)

Cùng ôi là cùng! Ông là người hay là ma? còn sống hay đã chết? quê quán nơi nao? họ tên không biết. Hoặc ông ở dưới nước lụt, ông lên ông mò ; hay ông ở trên ngàn xanh, ông xuống ông vét; biết là cha-căng, hay là chú-riết. Chẳng họ, chẳng hàng, không mạch không huyết. Ai quen thuộc gì ông, mà ông thân với thiết. Từ khi tôi chửa gặp ông, phận đạt duyên may, buôn không

(1) Phong-giao có câu tả cảnh núi Ải-vân cũng hay, nhân xin lục đăng :
Chiều chiều qua núi Ải-vân,
Chim kêu ghềnh đá ngẫm thân thêm buồn!

thua mà bán không thiệt. Bây giờ ông đến với tôi; tính quẩn lo quanh, thóc cũng hao mà tiền cũng hết. Sao ông thù gì nhau, ghét gì nhau, mà ông làm cho tệ, làm cho nghiệt? Tìm lối bước mau, ở chi vướng vít. Ông muốn đi xe-hỏa, thì lên ga Phú-thọ, ngược Yên-bái, Lao-kay, lên mãi trên cùng trên kiệt; Ông muốn đi tàu thủy, thì xuống bến Thao-giang, xuôi Nam-định, Hải-phòng, xuống tận dưới mù dưới mịt. Đi đâu thì đi, chơi chi với thằng kiết. Nếu ông không đi, thì tôi mượn đạo bùa thiêng, bắt cho ông cái quyết. Nếu ông còn lại, thì tôi vác cái dùi-đục, đánh cho ông què riệt. Mời ông xơi rượu, xơi cơm, xơi xôi, xơi thịt, súc miệng ăn giầu, tiễn ông đi biệt. Đuổi cút ông cùng đi, rồi tôi phong-lưu ra phết!

Hát sẩm chợ

Bấy lâu nay anh nghe tiếng các cô nàng, cung đàn dịp phách anh mới đâm quàng đến đây. Nào ngờ đâu từ đấy đến rày, lắng tai đếch thấy có một mảy may nào là xuân! Thôi âu đành nhắm mắt mà đưa chân, bao giờ thấy có cô nào thật đẹp, anh sẽ mở dần dần ra trông đời. Khi bấy giờ thích chí mà ăn chơi!

Hát sẩm nhà-trò

Nguồn thì Đào, chúng em đây vốn giống ở nguồn Đào, ông giời đầy đọa em mới phải lụy vào trong cái chốn nhân-gian! Tủi phấn hương mà dơ-dáng với giang-san, nỡ đem chìm nổi cái kiếp hồng-nhan cho nó đành! Ngán cho đời nào mấy kẻ mắt xanh, luống công trang-điểm với cái bọn thong-manh cũng hoài! Nỗi niềm tây khôn rỉ người ngoài, lầu trang đêm vắng một mình ngồi em thương! Cái ruột con tằm mấy đoạn mà tơ vương!

DƯƠNG MẠNH-HUY

THƠ VĂN ĐÀN-BÀ

Chơi chùa Hương-tích (1)

(Phủ Mỹ-đức tỉnh Hà-đông)

Đệ nhất Nam-thiên ấy cảnh này,
Thuyền lan đón khách mái chèo lay.
Hai bên quả núi lồng gương suối,
Bốn mặt hoa ngàn rủ bóng cây.
Cửa Phật lô chô từng đá dãi,
Chùa Tiên bát ngát khói hương bay.
Nam-vô tiếng dậy xua trần tục,
Non nước bồng lai mới thấy dây.

Sang chùa Tuyết

Thuyền lan thuận gió ghé Đường-yên (2),
Non nước mừng vui đón khách quen.
Đầu núi hoa ngàn lừng miếu thánh,
Chân đèo phách suối rộn non tiên.
Dễ lau len đá lần từng bước,
Hỏi quế chào mai khắp một niềm.
Đất phật bầu giời nhiều thú lạ,
Tuyết-sơn một dải đúc thiên nhiên.

---

(1) Nhân đăng đến hạ, bài thơ đề chùa của bà cụ, lại gặp ngày xuân thật là hợp cảnh quá, sẵn bút cũng xin chua qua cái cảnh-trí trong vùng Hương-sơn để chiều lòng các khách du-quan, dẫn lối cho nhà thưởng-cảnh. Vùng đó từ nhà quan-cư bến đò Suối vào qua động Thanh-sơn (chùa ông Lơi) tới đền Ngũ-nhạc, vào Thiên-trù, lên chùa Tiên, qua Giải-oan, tới chấn Song đến hang Hương-tích. Núi xanh cây đẹp hoa mơ trắng điểm, quả mơ mơn mởn thật là dễ khiến cho tao ông mặc khách ca tụng mà làm cho người tín ngưỡng cũng sinh dạ từ-tâm. Lạ thay cho khí thiêng sông núi! (Bồng)

(2) Tức làng Phú-yên bây giờ. Gần chùa Tuyết có chùa non Tiên thuộc về làng Tiên-mai.

Chơi chùa Thầy

(Núi Sài-sơn phủ Quốc oai tỉnh Sơn-tây)

Qua khắp non xanh tới núi Thầy,
Càng trông phong-cảnh lại càng hay.
Chợ giời họp những bao giờ nhỉ,
Đỗng thánh tu còn dấu cũ đây.
Ngoài cửa đài tiên hoa rủ mát,
Trong chùa tòa phật khói hương bay.
Kìa hang « *Các-cớ* » vui truyền mãi,
Thiên hạ đua chơi cái hội này.

Gửi bà huyện Hải-hậu (1)

Ai sang Hải-hậu nhắn quan bà,
Cái tụi Hà-đông ấy tụi ta (2) !
Nóng mặt lắm phen lầm thét nguyệt,
Ngứa gan mấy độ rập vùi hoa.
Đồng-liêu nghe cũng hơi đồng tính,
Huyện Hải chừng quen với Giáo Đa.
Đã biết uy-linh là thế chửa ?
Quặp vào xin chớ vểnh râu ra.

NHÀN-KHANH

Thơ nhớ mẹ

I

Canh chầy trằn trọc lúc đêm đông,
Nghỉ việc xa xuôi chẳng xiết cùng.
Lo trả ân dày phần chín chữ,
Phải đền nghĩa nặng đạo tam tùng.
Bận khuân nhờ mẹ không nguôi dạ,
Bận bịu thương con thiệt khổ lòng.
Tình hiếu biết sao cho trọn vẹn,
Thua người mang lốt kẻ nằm sông !

II

Bắc-nam xa cách mấy dặm đường,
Tình hiếu hai bề nghỉ khó đương.
Nhớ tới mẹ già lòng bối rối,
Thương thay con trẻ dạ tư lương.
Năm canh thốn thức lo đầu bạc,
Sâu khắc vào ra tủi má hường.
Đã biết ở đời ai củng vậy,
Nhưng mà riêng thẹn với Huỳnh-hương !

Tổng-đốc THẬN TRỌNG-HUỀ *phu-nhân*

Đề động Thanh-sơn

(Hội-xá)

Phật đến đây là phật khéo tu,
Có cây có đá sẵn nên chùa.
Động ngàn năm khép giời nay mở,
Bệ một hàng xây tượng mới tô.
Mờ mịt khí mây hương khói lẫn,
Um thùm vang đá trống chuông khua.
Bồng-lai riêng một chùa non núi,
Tới cảnh ai không ngẫm địa-đồ ?

Mai-Phong NGUYỄN-KHANH

Mặt giời

Trên không nhìn xuống đủ năm châu,
Chiếu khắp đông tây suốt địa-cầu.
Vẫn thấy xưa nay thường đỏ mặt,
Vui mừng lành giận nói chi đâu.

Chơi Ngọc-sơn

Vui chân xe ngựa buổi hoàng hôn,
Chợt thấy hồ sen sóng gợn cồn.
Mặt nước trong xanh pha vẻ ngọc,
Dịp cầu đỏ hắt ghé sườn non.
Thanh gươm sáng-nghiệp tâm còn vẫn,
Ngọn bút kình-thiên tuyết chẳng mòn.
Ngắm cảnh càng thêm yêu mến cảnh,
Nhờ ai luống những quận lòng son.

HOÀNG HẠ-UYÊN.

---

(1) Sách Tiếu-Lâm có truyện ông sợ vợ, khi vợ đi vắng vuốt râu nói rằng: « Vểnh ra cho bà mày sợ »; bài này làm khi bà cụ theo cụ ông đi giáo-thụ phủ Đa-phúc (thuộc về đại-lý Phúc-yên) gửi xuống cho bà huyện Hải-hậu cũng là người tỉnh Hà-đông, nhân bà huyện người hơi có tính ghen, nên bà cụ đem mình vào mà làm thơ có ý khuyên, chứ thực bà cụ thì không phải như ai mà cũng thuyền với Hoạn tiểu-thư, khiến cho đấng phu-quân phải ra người bó tay (Bồng)

(2) Ông Tô Đông-Pha là đại nho Tàu ngày xưa có bài thơ chế người sợ vợ có hai câu: « 忽聞河東獅子吼，柱杖落手心汪然 ».

Trần-tình ngâm

Con học-trò gọi là biết chữ,
Theo nhời nôm quốc-ngữ xuôi vần.
Trong lòng luống những phân-vân,
Mấy câu cầm-phát trực trần nhủ em.
Chị em suốt ngày đêm thủ-thỉ,
Thoát giật mình bụng nghĩ càng đau.
Gớm ghê con-tạo cơ cầu,
Gây nên những sự thảm sầu độc chưa.
Sực nhớ lúc năm xưa còn nhỏ,
Việc non-sông chưa tỏ gần xa.
Thông-huyên đôi khóm rườm-rà,
Quế lan sum họp một nhà tốt tươi.
Nơi tư-thất nghe nhời huấn hối,
Chốn học-đường ứng đối nào sai.
Chị em bạn học vãng lai,
Đọc văn Đại-Pháp tập bài nam-âm.
Đất bằng bỗng ầm-ầm nổi sóng,
Ruột gan bừng lửa nóng dầu sôi.
Huyên già nước Phật xa chơi,
Thung già mắc phải lưới giời bấy nay.
Thế mới biết đến tay cờ phất,
Đã là người hữu sắt hữu phong.
Hồ sinh cũng phận má hồng,
Lên non ngại bước qua sông ngại chèo.
Âu đành phải theo chiều gió thổi,
Xưa vụng tu nay tội ở đời.
Nghĩ mình mình cũng là người,
Tiếng oan những muốn vạch giời kêu lên.
Nhớ đến chữ thánh-hiền dạy bảo,
Phận làm con hiếu thảo vi tiên.
Chắp kinh nên phải tòng quyền,
Lo xong phận trẻ ngõ yên lòng già.
Chăm khuya sớm việc nhà xem xét,
Xếp bút nghiên theo việc công-thương.
Ngày đêm nung nấu can trường,
Chăn nuôi em nhỏ nhớ thương cha già.
Việc công bình quốc-gia xử đoán,
Dẫu tiền nghìn bạc vạn dễ thay.
Thoi đưa thấm thoắt tháng ngày,
Ngồi buồn tính đốt gần đầy ba năm.
Khi cha vắng em cầm chưa vững,
Nay em đà biết đứng biết đi.
Thấy vui nhoẻn miệng cười khì,
Ăn no ngủ kỹ biết gì cho cam.
Xót thương thay ! Cha nam con bắc,
Việc cửa nhà gánh vác một tay.
Lòng thành khấn vái đêm ngày,
Hiếu-trung ghi tạc cao-dày chứng minh.
Phù-hộ cha trong mình mạnh khỏe,
Việc gần xa chớ nghĩ bận lòng.
Ngày nay hồ hết ba đông,
Còn trong tám tháng trùng-phùng chẳng bao.
Mênh-mông đất rộng giời cao !

.....

Hội chùa Đế-thích

Nô nức đồn vui hội Đức-Vua,
Sắm-sanh lễ vật dạo chơi chùa.
Cửa am nhìn khác giang-sơn cũ,
Ngọn tháp trông còn cảnh-sắc xưa.
Lồng lộng ngai vàng pho tượng gỗ,
Dọc ngang sân đất bộ quân cờ.
Ngày nay mới tỏ Nam-vô phật,
Chỉ thấy bưng đầu một lũ sư.

Năm mới

Mừng năm mới đến cũ hồ qua,
Tựa bóng gương soi mặt tưởng già.
Thấm thoắt xuân này đôi chín tuổi,
Có chăng gì gió tỏ lòng ta.

Nữ-sinh NGUYỄN-THỊ-QUỲNH.

TỒN-CỔ LỤC

III

Tháp chùa Báo-thiên 報天塔

Tháp Đại-thắng-tư-thiên-bảo-tháp 大勝資天寶塔 ở chùa Báo-thiên, xây từ đời vua Thánh-tôn nhà Lý (1058), mười hai từng, cao vài mươi trượng. Tục truyền nước ta có bốn cái đồ to 安南四器 : 1° là chùa Quỳnh-lâm 瓊林寺 ; 2° là vạc Phổ-minh 普明鼎 ; 3° là chuông Qui-điền 龜田鍾 ; 4° là tháp chùa Báo-thiên.

Năm Tuyên-đức 宣德 (1414) nhà Minh, vua Lê Thái-tổ ta, tiến binh ra vây Đông-đô, bầy tôi giữ thành là Thanh-sơn-hầu, tên là Vương Thông, phá tháp ấy đi, chế ra súng to để giữ thành.

Đời trước cũng nhân nền cũ ấy, đắp thêm thành núi đất, sau khi vạc nhà Lê đã dời sang nhà Nguyễn, chùa thời phá làm chợ gọi là chợ Báo-thiên, núi thời làm chỗ xử-tù. Đến năm *giáp-dần*, đào lấy đá chân tháp, để sửa lại thành Thăng-long, trông rõ nền tháp. Bốn cửa có tám vì tượng kim-cương đứng, còn những người tiên, chim muông và giường ghế đồ-dùng đều làm bằng đá, nhiều lắm không thể nói hết ; những mảnh gạch hoa, viên nào cũng có chữ rằng : *Lý-gia đệ-tam đế Long-thụy Thái-bình tứ niên tạo* 李家第三帝龍瑞太平四年造, nghĩa là vua thứ ba nhà Lý, năm thứ tư niên hiệu *Long-Thụy Thái-bình* làm (1050).

Khi bấy giờ ta có câu thơ rằng : *Lý thị cố cơ thành mậu thảo, Thái-bình di hiệu ủy tàn chuyên* 李氏故基成茂草·太平遺號委殘磚, nghĩa là nền cũ nhà Lý thành bụi cỏ tốt, niên-hiệu năm Thái-bình ghi vào viên gạch vỡ.

Tùng-niên

(Dịch trong sách *Tang-thương ngẫu-lục*)

Nhời bàn của người dịch. — Một nước gọi được là nước văn-minh tuy bởi có cái học-hành cao xa, văn-chương sâu sắc để làm gốc, nhưng bề ngoài cũng cần phải có những cái lâu-đài đẹp đẽ, tháp-miếu nhởn nhao, tô-điểm thêm cho núi sông, mới có thể gọi là một nước văn-minh trọn vẹn được.

Làm nên công việc ấy phải nhờ tay ai ?

Phải nhờ tay anh-quân hào-kiệt chủ-trương xướng-suất, chăm về đường thổ-mộc, thời mĩ-nghệ trong nước mới tiến-bộ được. Sách có câu rằng : « Người trên thích cái gì, thời người dưới lại thích hơn. »

Vua Thủy-hoàng nhà Tần, vua Vũ-đế nhà Hán, vua Lộ-dịch thứ 14, ai cũng chê rằng sa hoang, làm tàn hại dân, để sung sướng một mình, thiết nghĩ không phải. Mĩ-nghệ Âu-Á bây giờ được tiến-bộ, nhờ ơn các vua ấy cũng nhiều.

Vua Lý Thánh-tôn ta xây cái tháp Báo-thiên ấy, thật là có ý tưởng-lệ về đường mĩ-nghệ, không phải để sướng

mất một lúc bấy giờ đâu ; xem viên gạch nào cũng có niên-hiệu là đủ biết.

Cái tháp ấy công-trình cũng to, đục trạm cũng khéo, mĩ-nghệ ta khi bấy giờ tưởng cũng đã khá, đáng bây giờ khéo hơn gấp mấy mới là hợp nhẽ thường, thế mà so với các nước văn-minh thời còn kém lắm.

Tại làm sao thế ? Chỉ tại ta những bỏ về đường mĩ-nghệ quá, và cũng tại nhà Minh sang cai-trị ta, đối với cái quốc-túy của ta dùng những thủ-đoạn rất độc, không những bao nhiêu sách vở của ta thu về Kim-lăng cả, mà những đền đài to đẹp của ta cũng phá hết cả đi, làm cho ta mất hết cái quan-niệm về nước cũ, thật là rất độc và rất ác vậy.

Làm như thế có được lâu đâu. Gặp tay ông Hoàng-y-chân-nhân (1) đánh cho một trận, tan tành như gio.

Ta bây giờ muốn chóng văn-minh, chăm về đường văn-học bao nhiêu cũng nên chăm về đường mĩ-nghệ bấy nhiêu mới là phải. Thứ nhất là phải bảo-tồn lấy những di-tích các đời trước, cho khỏi mất cái quốc-túy của ông cha.

* * *

Bia núi Thành-nam

城南磨崖碑

Tương-dương thành-nam 襄陽城南 thuộc về làng Trà-lân tỉnh Nghệ-an, xây từ đời nhà Trần ; lấy nhẽ ở phía nam cái sông nhớn, cho nên gọi là Thành-nam. Cách thành độ một dặm (2) có cái núi gọi là Thành-nam-sơn (bây giờ thuộc địa-phận làng Chi-khê, phủ Tương-dương). Vua Minh-tôn nhà Trần thân đi đánh nước Lào, xe về đến Kiềm-châu, sai từ-thần là ông Nguyễn Trung-Ngạn, làm bài văn khắc trên núi, để ghi võ-công, chính là chỗ ấy. Đến năm Cảnh-hưng (1740) nhà Lê, rợ Mang-thai kết với rợ Lao-lung, đánh vỡ nước Ai-lao, đến gần Trấn-ninh, quan đốc-đồng là ông Bùi Huy-Bích, vâng mệnh ra sửa sang việc ngoài biên, đóng xe ở thành Tương-dương, bắc thang trèo lên núi, để xem bài bia, chữ to bằng bàn tay, khắc vào đá sâu một tấc, lấy mực in bài bia về.

Văn như sau này : « Chương-Nghiệu-Văn-Triết Thái-Thượng-Hoàng, là vua thứ sáu đời Trần nước Hoàng-Việt, chịu mệnh giời nhất-thống cả cõi trung-hạ, trong đất ngoài bể, đâu cũng thần-phục, nhỏ kia Ai-lao dám ngạnh vương-hóa, cuối mùa thu năm *ất-hợi*, vua thân đem sáu quân, đi tuần cõi tây, thế-tử nước Chiêm-thành, nước Chân-lạp, nước Tiêm-la và tù-trưởng các đạo mán là Qui-cầm-sa-lặc, tù-trưởng rợ Bồn-man mới phụ và các bộ mán Thanh-sa đều mang phương-vật (3) tranh lại để đón, chỉ một tên nghịch Bồng, cứ giữ mê tối, sợ phải tội lệ, không lại chầu ngay ; cuối mùa đông vua đóng quân ở cánh đồng Cự, đồn châu Mật, sai các quan tướng và quân rợ mọi, vào tận nước, nghịch Bồng theo gió trốn chạy, vua mới xuống tờ chiếu, đem quân về, lúc bấy giờ ngày tháng một nhuận năm *ất-hợi*, niên hiệu Khai-hựu (1336) khắc vào đá. »

Kính-phủ

(Dịch trong sách *Tang-thương ngẫu-lục*)

---

(1) « Hoàng-y chân-nhân » 黃衣眞人 là vua Lê Thái-tổ.

(2) Dặm 里 = 1350 thước.

(3) Phương-vật 方物, là vật sản riêng từng xứ.

NHỜI BÀN CỦA NGƯỜI DỊCH. — Nước nào có giới-hạn nước ấy, mà dân sinh một ngày một nhiều, muốn cho ai ai cũng được no đủ sung sướng, thế tất phải đi lấn nước ngoài, đó là cái nhẽ phải làm như thế, cũng như một nhà, chỉ hai vợ chồng, rồi sinh ra con cháu chắt năm bầy mươi người, phải tìm cho con cháu no đủ, mới yên lòng cha mẹ, làm vua một nước cũng vậy.

Ta ở về bán-đảo Đông-dương, phía bắc giáp Tàu, là nước người nhiều đất rộng, văn-minh học-thuật đều hơn ta cả, còn mong gì mở-mang về phía bắc nữa?

Ông Lý Thường-Kiệt nhà Lý, dù có đem quân đánh Tống, đến tận châu Ung châu Liêm, nhưng biết thế không địch nổi phải xin hòa ngay.

Phía đông-nam có những nước Chiêm-thành, Ai-lao, Cao-man, Chân-lạp, đất rộng hơn ta, mà người ngu hèn hơn ta, ta có thể xâm lấn được.

Vua Minh-tôn lập cái bia ấy, tuy có ý khoe khoang võ-công thật, nhưng cốt là để cho người sau biết rằng: « Ta vì dân nước lo toan lợi chung, nên không quản ngại khó nhọc, lấy thân ngồi trên bệ rồng cùng với quân-lính xông vào chỗ lam-sơn chướng-khí để bắc sẵn thang cho người sau. » Công khó nhọc so với ông Bi-đắc, giả làm dân thường du-học ngoại-quốc, vua Sở-vương mặc áo xanh đi giép, phá mở rừng núi, cũng không kém gì.

Vả lại, khi bấy giờ ta chưa giao-thông với các nước Âu-châu, mà cách thực-dân cũng đã giỏi lắm, lấy được chỗ nào đặt làm phủ huyện, đem dân mình đến ở, thật là khôn ngoan.

Xem Thủy-lục Chân-lạp, bây giờ còn tên trong sách, để cho người ta tra xét, tìm đến nét vẽ trong bức địa-đồ, biến mất hết rồi.

Xem đó thì biết lịch-sử nước ta cũng đã lắm đoạn vẻ vang, thế nước cũng có lắm khi hùng cường vậy.

Tuyết-trang TRẦN VĂN-NGOẠN

SỰ THI-HÀNH LUẬT MỚI

Nhời hiểu-thị của quan Nam-án Thủ-hiến cho các quan án đệ-nhất-cấp

Quan Tư-pháp-viện Trưởng-lý kiêm Nam-án Thủ-hiến xứ Bắc-kỳ, Đề-liệt-từ-lê đại-nhân (DELESTRÉE) *ngày 24 tháng giêng năm 1918, có gửi một tập nhời hiểu-thị cho các quan án đệ-nhất-cấp (tức các quan phủ, huyện, châu), giảng-giải rõ về phép thi-hành luật mới. Bản-báo xin dịch và đăng sau này.*

* * *

(Đây là nhời quan Nam-án thủ-hiến nói)

Theo nhời chỉ-dụ Hoàng-thượng ngày 16 tháng 7 năm 1917, quan Toàn-quyền đã chuẩn-nhận thi-hành, thì quyền-chức các ông về việc xét án đã định rõ ràng như sau này.

Kể từ ngày 25 tháng giêng tây, các ông có quyền:

1° — Xử việc vi-cảnh;
2° — Xử việc dân-sự thương-sự;
3° — Xử hòa;

Và lại phải giúp quan tòa-án lĩnh về việc dự-thẩm.

Trong khi làm việc án thì các ông sẽ có viên lục-sự do quan Thống-sứ

lựa bổ để giúp việc. (1)

Về những việc các ông có quyền thẩm-phán, thì ít ra trong một tuần lễ phải đặt hai phiên tòa; nếu nhiều việc thì có thể đặt phiên tòa hằng ngày cũng được; hoặc đặt phiên tòa và xử án ở ngoài nha-môn, chỗ chợ họp, hay là chỗ nào xa cũng được; tức là chiếu theo điều 11 trong luật Tổ-chức các nha-môn-tư-pháp.

Nay tôi kể những điều dặn riêng các ông phải theo trong khi làm việc án.

I. — VỀ VIỆC VI-CẢNH

Những việc vi-cảnh các ông có quyền thẩm-phán đã kể ở điều thứ 227 trong Hình-luật mới.

Nếu về sau có định thêm việc gì nữa, tôi sẽ bảo các ông biết.

Phàm những tội vi-cảnh là tội nhẹ thì luật bắt giam từ một ngày đến năm ngày và phạt-tiền từ hai hào đến sáu đồng bạc, hay là hai thứ phạt ấy chỉ phải chịu một thứ. Tùy theo tình-trạng, các ông tự châm-chước lấy, hoặc phạt cả hai thứ, hoặc phạt một thứ, nặng nhẹ không được quá hạn trong luật đã định.

Nếu người phạm mới phạm tội là lần thứ nhất, thì các ông phải xét có nên bắt phạt cả hai thứ, hay là chỉ bắt-giam hoặc chỉ phạt tiền mà thôi.

Nhưng mà về sau nếu người ấy lại tái-phạm trong hạn 12 tháng kể từ ngày phải phạt lần đầu, thì chiếu theo điều 228 trong Hình-luật tất phải nghĩ phạt-giam mới được.

Phàm tuyên-án bao giờ cũng phải đặt phiên tòa-công, ở nơi ai cũng được phép vào xem. Viên nào quan Thống-sứ bổ về làm chức lục-sự thì viên ấy bao giờ cũng phải có mặt lúc phiên-tòa và phải ghi biên các điều đã xử định.

Phàm tội vi-cảnh nói trong điều 227 luật hình mà các ông phải xét xử, thì các ông thụ-lý (2) như sau này:

1° Hoặc nhận được những biên-bản của quan cai-trị trong địa-hạt tỉnh, của các viên có chức-trách riêng về việc cảnh-sát trong địa-hạt tỉnh hay là trong địa-hạt các xã, cùng của các viên chánh-phó-tổng, lý-phó-trưởng, những viên-quan ấy làm tờ biên-bản phải gửi lại ngay cho các ông, không được chậm-chễ; còn ngoại những viên quan ấy không ai được phép làm biên-bản về tội vi-cảnh. Nếu có làm thì là giấy vô-hiệu, mà nếu các quan có tiếp được thì phải bỏ đi không xét đến.

2° Hoặc nhận được nhời kêu hay là đơn thưa của người bị hại. Nếu người ta thưa miệng thì chính các ông phải lập biên-bản và ký vào biên-bản ấy cùng với viên lục-sự của bản-nha.

Nếu người bị hại xin tiền bồi tổn-hại thì các ông có thể thân-hành đánh giá hay là sai người giám-định (3 đánh-giá sự tổn-hại đáng bao nhiêu.

Nhưng mà đơn xin có không quá ba mươi đồng, thì các ông mới được cho tiền bồi tổn-hại. Nếu xin quá số ấy, thì người bị-hại phải đệ đơn xin lên tòa-án tỉnh. Như vậy thì trong án các ông phải nói rằng không có quyền xử về tiền bồi tổn-hại vì tiền xin quá ba mươi đồng; nhưng mà cái việc vi-cảnh nhân đó mà người ta xin bồi tổn-hại, nếu trong luật hình có định, các ông vẫn có quyền xử.

3° Hoặc việc vi-cảnh sảy ra trước mặt các ông mà các ông mục-kích được. Khi ấy các ông cũng nên làm biên-bản như khi có người kêu. Rồi truyền miệng

(1) Giúp việc đây là giúp việc giấy má trong bản-nha, còn chính việc xét xử thì viên lục-sự không được can-thiệp.

(2) *Thụ-lý* nghĩa là nhận các nhẽ, nhận việc thuộc về chức quyền mình phải xét.

(3) *Giám định*, là người nhà nghề, sành về một nghề một thuật gì; về pháp-luật thì chỉ người mà quan tòa hoặc người đương-sự cử để xét nghiệm việc gì cho đích-đáng. — Tiếng tây là *expert*.

cho người can và có nên thì truyền cho cả các người làm chứng nữa, đến kỳ nào phải lên nha để vựng án.

Ngoài những người bị can, các ông có thể đòi người làm chứng và nhất là đòi người chủ-đơn và người bị-hại lên khai. Người bị can cũng có quyền hoặc dẫn lại, hoặc xin các ông cho đòi người làm chứng cho mình. Những chứng ấy dù không phải tự các ông đòi, các ông cũng phải nghe nhời người ta khai ở phiên tòa.

Về việc vi-cảnh thì không bao giờ được lấy cớ gì mà bắt giam-cứu, trừ ra lúc người bị can làm sự bậy bạ ở trước công-chúng hay là lúc phạm tội nói ở điều 229 trong luật hình.

Về phiên tòa

Khi phiên tòa, nếu có biên-bản thì thoạt đầu các ông phải đọc hay là bảo viên lục-sự đọc cho những người bị can, người bị hại và người làm chứng biết rõ sự thể đầu đuôi thế nào, nếu không có biên-bản, như khi chính các ông mục-kích việc vi-cảnh, thì các ông phải thuật đầu đuôi cho các người xuất-tịch [1] ở đấy biết.

Xong rồi, nếu các ông xét có nên thì hãy tạm cho chúng-chứng ra ngoài hoặc đứng xa một chỗ, rồi nghe nhời thuyết-minh của người bị can, xong mới cho gọi từng người chứng vào một để khai. Những người bị can việc vi-cảnh bao giờ cũng được phép chống cãi các nhời khai của người làm chứng và được quyền nói sau cùng.

Các ông phải chú-ý rằng phàm người làm chứng « kể tội » [2], có cần mới nên hỏi. Vậy nếu việc đã rõ và nếu người bị can đã thú nhận rồi, thì dẫu người làm chứng ấy có xuất-tịch, các ông thôi không hỏi đến cũng được.

Nhưng mà những người làm chứng của người bị can đòi-nại, tức là người chứng « gỡ tội », thời bao giờ cũng phải hỏi đến, chỉ trừ ra khi nào các ông đã định xử miễn-nghị thì thôi.

Về cách vựng-án

Phàm án về việc vi-cảnh thì phải tuyên và vựng theo như thể-thức sau này :

ĐẠI-NAM-QUỐC BẢO-HỘ CHÁNH-PHỦ

Thay quyền Chánh-phủ Bảo-hộ Đại-Pháp cùng Đức Hoàng-Thượng Đại-Nam

Tòa án sơ-cấp.....(3)
thuộc về tỉnh.....(4)

Xử việc vi-cảnh

Án .....(5)
Số.....(6)
Năm Khải-định thứ....., *tháng*.....(7) *ngày* .....
Bản-chức tên là.....(8)
tri.....(9) *tại*.....(10), *thuộc tỉnh*....., *có cả viên Lục-sự bản-nha ngồi giúp việc*

---

(1) *Xuất-tịch*, nghĩa là có mặt ở đấy. — Đối với *Khuyết-tịch* là vắng mặt.

(2) Người làm chứng có hai hạng : một hạng « chứng kể tội » *(témoins à charge)*, là chứng rằng người bị can thực có tội ; một hạng « chứng gỡ tội » *(témoins à décharge)*, là chứng rằng người bị can không có tội, tức là gỡ tội cho. Trong luật định người « chứng kể tội » có cần đến mới nên hỏi, là có ý giữ khỏi những sự phiền nhũng cùng tránh những sự thù oán riêng nhau. Luật lại định người « chứng gỡ tội » bao giờ quan cũng phải hỏi, là có ý giữ cho sự thẩm-phán được rất công-bằng, người bị can khỏi phải oan uổng.

(3) Đây biên là địa-hạt nào, phủ, huyện hay châu.

(4) Đây biên thuộc về tỉnh-lỵ nào.

(5) Người can-phạm có mặt thì biên là « án *đối-chất* » (tức là đương-tịch), người can-phạm vắng-mặt thì biên là « án *khuyết-tịch* ». Nếu trong bọn can-phạm có kẻ có mặt có kẻ vắng mặt thì biên là « án *đối chất và khuyết-tịch* », nghĩa là vừa có vừa vắng.

(6) Biên số án thứ mấy.

(7) Nếu là tháng nhuận phải biên rõ là *nhuận*.

(8) Phải biên rõ cả họ tên.

(9) Tri-*huyện*, tri-*phủ*, hay tri-*châu*.

(10) Phủ, huyện, châu nào.

tên là.....(1), *có vụng-án như sau này ;*

Bị-can là tên (hay là những tên).....

. ...

....

.....(2)

Can về việc.....

....

.....(3)

Ấy đoạn trên lời án bao giờ cũng phải làm như thế. Đoạn giữa thì tùy khi phạt giam, phạt bạc hay miễn-nghĩ (là được tha), có khác nhau.

1° Khi phạt-giam

Khi phạt-giam thì thể-thức như thế này :

Chiếu chỉ các chứng-cớ rõ rằng tên (hay là những tên).....(4) *đã can*..... .....(5) ;

Chiếu chỉ tội ấy thuộc về điều 227, khoản.....(6), *trong Hình-luật lục ra sau này :*

« **Điều thứ 227.**—*Phàm những tội nói ở sau này phải phạt-giam từ một ngày đến năm ngày và phạt bạc từ hai hào đến sáu đồng, hay là hai thứ phạt ấy chỉ phải chịu một thứ :*

« Khoản thứ... — ....(7) »

Bản-chức kết án tên (hay là những tên) ... .*phải*..... .....(8)

Nếu bên bị hại có xin bồi tổn-hại thì các ông phải xét trong đơn xin không quá ba mươi đồng bạc mới được xử. Bấy giờ tùy-ý các ông xét nên cho hay không cho, nếu cho thì định cho bao nhiêu, rồi nghĩ-xử bắt người bị-can phải đền bấy nhiêu cho người bị-hại.

Khi ấy thì trong án phải biên tiếp theo như thế này :

Chiếu chi người (hay là những người) nguyên-cáo xin đòi tổn-hại.....(9),

Bản-chức xét nhời xin ấy là chính-đáng (10),

Nghĩ-xử tên (hay là những tên).....(11) *phải đền số tiền ấy cho người nguyên-cáo làm tiền bồi-tổn-hại*.....

.....(12)

Nếu các ông xét không có tổn-hại gì, thì các ông bác đơn của người xin, mà biên trong án rằng :

Bản-chức xét nhời xin ấy không chính-đáng, bác đơn của người xin.

Nếu đơn xin đòi tổn-hại quá ba mươi đồng, thì các ông không có quyền xét, phải biên trong án rằng :

Bản-chức xét đơn xin ấy quá ba mươi đồng, không thuộc về quyền thẩm-phán của bản-chức, truyền cho người xin có muốn đòi thì lên tòa án tỉnh xét việc dân-sự mà kêu.

Trong luật định khi thi-hành án phạt giam và phạt bồi tổn-hại, hễ người bị phạt không giả được thì có thể dùng

---

(1) Biên rõ tên họ viên Lục-sự.

(2) Đây phải biên rõ tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp, chỗ ở của tên hay là những tên bị-can, tên nào có mặt thì biên thêm hai chữ « có mặt », tên nào vắng mặt thì biên thêm hai chữ « vắng mặt ».

(3) Kể rõ tên bị-can can về việc gì.

(4) Biên tên người bị-can.

(5) Kể qua can về việc gì.

(6) Biên thuộc về khoản nào thì phải lục cả khoản ấy ra.

(7) Tội thuộc về khoản thứ mấy trong điều 227.

(8) Đây phải biên rõ phạt giam hay phạt bạc, và phạt mấy ngày, phạt bao nhiêu, tùy ý các ông châm-chước nặng nhẹ, nhưng không được nặng quá hoặc nhẹ quá cái hạn trong luật đã định.

(9) Biên rõ đòi bao nhiêu, miễn là không được hơn ba mươi đồng.

(10) Nếu xét sự hại không đáng bấy nhiêu thì đổi câu ấy là : *Bản-chức xét sự hại chỉ đáng*..... .. (biên số tiền bao nhiêu).

(11) Biên tên người người bị-án.

(12) Nếu có nhiều người bị-án thì phải định phần mỗi người phải đền bao nhiêu (Theo điều thứ 33 trong Luật Hình).

phép « bỏ tù nợ » (Luật hình, điều 31 và mấy điều dưới). Các ông phải chiếu theo điều 35 về kỳ-hạn bỏ tù nợ và định bỏ tù riêng về khoản tiền phạt, riêng về khoản bồi-tổn-hại. — Khi nào có tiền lệ-phí hay khi nào phải thường-hoàn cho bên bị-hại, cũng chiếu luật mà định riêng như thế.

Sau nữa, khi phạt-giam thì luật cho người bị án được quyền kháng-cáo lên tòa án trên, tức là tòa án tỉnh, luật lại bắt các ông phải bảo cho người bị án biết. Tức là điều thứ 44 trong luật Hình-sự-tố-tụng.

Vậy khi vựng-án phạt-giam các ông phải hiểu-thị cho người bị-án biết rằng luật cho phép kháng-cáo, rồi biên rõ ràng vào trong lòng án như sau này:

Bản-chức đã hiểu-thị cho người bị-án biết được quyền kháng-án trong hạn ba ngày.

Nhưng các ông có hiểu-thị thực thì hẳng biên như thế, nếu quên thì thôi. Muốn cho khỏi quên thì khi làm án phải thường đọc lại những nhời tôi dặn đây.

Cốt nhất là phải nhớ dẫn điều luật đã khép trong án. Lại phải biên qua rằng có đọc tờ biên-bản, kể đầu đuôi việc, nghe nhời thuyết-minh của hai bên đương-sự và người làm chứng, cùng những nhời đối-chất.

Đó là những cách-thức các ông phải theo trong khi làm án phạt-giam, dù phạt một ngày cũng thế.

2° Khi phạt-bạc

Nếu các ông kết-án phạt bạc không thôi thì án ấy người bị-án không được phép kháng-cáo. Khi ấy các ông không cần phải hiểu-thị gì cho người bị-án cả. Vậy trong án-văn cũng không cần phải nói gì đến sự ấy ; các phần khác thì cứ theo thể-thức như đã kể trên kia.

3° Khi miễn-nghị

Khi miễn-nghị, nghĩa là tha cho người bị-can, thì các ông biên trong án thế này :

Chiếu chi cái việc trách tên..... không chính-đáng, bản-chức miễn-nghị cho tên ấy.

Đoạn giữa trong tờ án lúy ba khi phạt-giam, phạt bạc hay miễn-nghị mà châm-chước như trên kia đã dặn. Đến đoạn dưới là đoạn ký tên thì dù án phạt hay án tha bao giờ cũng phải biên như sau này:

Án xử phiên tòa công ngày hôm nay, hồi..... giờ buổi sáng (hay là *buổi chiều*).

Rồi các ông cùng với viên Lục-sự bản-nha ký tên như sau này :

Quan tòa án, .	. *Viên Lục-sự.*,
Mỗ	Mỗ
(Vừa ký tên vừa đóng triện)	(Ký tên không)

Thế là vựng án xong. — Hai bên nguyên-bị không phải ký tên.

(*Còn nữa kỳ sau dịch tiếp*).

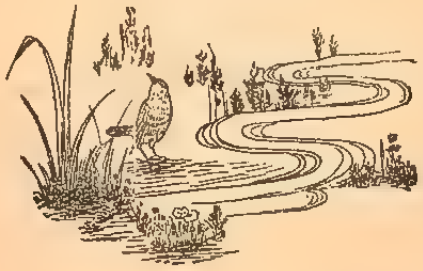

TIỂU-THUYẾT

TRUYỆN CÁI GẬY SONG (1)

Tiểu thuyết Pháp của Alfred de Vigny

Phạm Quỳnh *dịch ra quốc-ngữ*

Đại-úy Lôi-nộ giờ lại với tôi. Vừa lấy cái gậy song chỉ lên giời vừa nói :

— Giời hôm nay đẹp. Chiều nào cũng trông thấy bấy nhiêu ngôi sao, không biết thảo giờ là thôi. Có một lần tôi mơ-tưởng như trông thấy sao bể Nam, nhưng tôi đã bẩm-sinh ra ở cái Bắc-bán-cầu này, bao giờ lại được sang Nam-bán-cầu kia. — Song cũng chẳng hề gì ! Giời hôm nay đẹp thật : dân thành Ba-lê bây giờ đương ngủ, hoặc giả-tảng ngủ đây. Bọn tôi đã hai mươi bốn giờ chưa ăn chưa uống : bụng đói, cái tư-tưởng lại càng sáng suốt lắm. Tôi còn nhớ có một hôm, hồi đi sang Tây-ban-nha, ông có hỏi tôi vì cớ sao mà tôi chậm được thăng-trật như thế ; bấy giờ tôi không kịp kể cho ông nghe ; nhưng chiều hôm nay tôi hồi-tưởng đến cái thân-thế tôi, tôi muốn kể lại truyện cũ với ông. Tôi nhớ ông có tính thích truyện cũ, tôi nói ông nghe để trong chốn nhàn-cư ông có lúc hồi-tưởng đến bọn anh em cũ. — Ông ngồi lên cái bao-lơn bên bờ đường kia với tôi, ta thong-dong nói truyện, vì tôi xem ra lần này họ đã thôi dòm bọn ta ở các cửa sổ, cửa hầm rồi. — Tôi chỉ kể ông nghe mấy đoạn trong đời tôi thôi, nhớ đâu kể đấy. Tôi được trông cũng đã nhiều, mà đọc sách cũng nhiều, nhưng tôi tưởng tôi không làm văn được. Giời cho không phải là nghề làm văn cũng may, nên tôi không thử làm văn bao giờ. — Nhưng đến cái nghề làm người thì thực tôi biết làm người ; kể từ khi tôi đã biết quyết-chí định làm người như thế nào thì bình-sinh tôi vẫn giữ một đường như thế, mà cứ thực ra, cũng là có công-phu vậy. — Ta ngồi xuống đây. »

Tôi từ từ theo ông, hai người đi qua đội quân để sang bên tả chỗ những quân Vệ-binh của ông đứng. Trông những người quân ấy đứng rất nghiêm-trang, cầm tựa vào bạng súng. Có mấy người trẻ tuổi ngồi lên trên bao, xem ra giáng đứng canh cả ngày nhọc hơn những người kia. Không ai nói năng gì, cứ điềm-nhiên mà sửa lại quần áo, cho nó nghiêm-chỉnh hơn. Không ra giáng lo sợ, mà cũng không ra giáng tức mình. Người nào đứng hàng ấy, như sau khi diễn-binh đứng chờ mệnh-lệnh vậy.

Khi hai người cùng ngồi, thì ông bạn đồng-nghiệp già của tôi (tức là đại-úy) bắt đầu nói truyện, ông nói ra cái cách riêng của ông mà kể cho tôi ba cái thời-kỳ nhớn trong đời ông, nhờ đó tôi mới hiểu được cái nghĩa đời ông, giải được cái thói cách kỳ-dị của ông và thấu được cái vẻ âu-sầu trong tính-cách ông. Những nhời ông nói như in vào trong ký-ức tôi, không phai đi một li một tí nào, ngày nay giá tôi ôn lại từng chữ một cũng được.

II

Gặp mặt Nã-phá-luân ở đảo Mạn-đức

Thoạt đầu ông nói :

— Tôi nay chẳng là gì cả, nghĩ cũng

(1) Xem *Nam-Phong*, số 7, trang 16-19.

là một cái may cho tôi ; nhưng túng-sử được thế nọ thế kia thì cũng có thể nói được cái câu của vua Lộ-địch thập-tứ (Louis XIV) : *Ta có tinh hiếu sự chiến-tranh quá.* — Lạ gì ? Từ thủa nhỏ tôi đã mê vua Nã-phá-luân như người đời bấy giờ, cái vinh-dự của vua nó xông lên đầu tôi, đến nỗi trong óc không có sự tư-tưởng gì khác nữa. Cha tôi là một bậc lão-tướng, thường ở trong quân, tôi tuyệt-nhiên không biết bao giờ, một hôm man-hứng muốn cùng đem tôi đi Ai-cập. Bấy giờ tôi mười hai tuổi, nay tôi còn nhớ hiển-nhiên như đương bây giờ, còn nhớ cả cái tình-ý của bọn nhà quân bấy giờ, cùng nhớ những người từ đấy tôi đã mang lòng cảm-phục. Chúng tôi đi hồi ấy tựa hồ như có hai cái thần nó đi theo, thổi buồm cho tầu chạy : một cái thần là thần vinh-dự, một cái thần là thần cướp-lược. Cái thần dưới thì cha tôi không hề để tai nghe, chẳng khác gì cái gió tây-bắc nó đương mang chúng tôi vậy. Nhưng cái thần trên thì nó vo vo ở bên tai, làm cho không nghe thấy tiếng gì ở ngoài nữa, trừ tiếng súng đại-bác, chúng tôi thường gọi là kèn vua Xá-lị thứ 12. Tôi nghe tiếng đại-bác tưởng như tiếng vua Nã-phá-luân vậy ; tuy bấy giờ còn nhỏ mà hễ thấy tiếng súng bắn thì sướng quá, tay múa chân đập, miệng reo hò. Ấy chính những sự cảm-giác lúc nhỏ ấy nó gây nên cái lòng mê cuồng về sau, nó định cái mục-đích cho cả một đời vậy. Nhân vì một sự gặp gỡ không bao giờ quên mà thành ra tôi mang cái lòng cảm-phục sùng-bái quá độ, nó hại cho tôi mà làm hi-sinh mất cả cái đời tôi.

Thủy-quân mới sửa-soạn đi từ ngày « 30 tháng hoa nở năm Dần-quốc thứ 4 [1] », cả ngày cả đêm đứng trên phản tầu ngắm bể xanh và tầu bè lấy làm khoái-trí lắm. Tôi đếm đến một trăm chiếc tầu mà không thể đếm được cả. Cái đường quân của ta rộng ước một dặm, thuyền-đội đi hình bán-nguyệt ít ra cũng đến sáu dặm. Tôi cứ đứng nhìn không nói gì. Trông thấy đảo Cô-ti (Corse) qua ngay cạnh mình, như kéo đảo Tát-đải-ni (Sardaigne) theo sau, rồi tức-thì thấy đảo Tây-tây-lặc (Sicile) bên tả. Vì cái tầu cha tôi với tôi đi là tầu Nhữ-nông (*Junon*) cùng với ba chiếc khinh-thuyền đi trước làm tiền-vệ để soi đường. Cha tôi cầm lấy tay tôi, chỉ núi hỏa-sơn Át-nã (Etna) đương phun khói và mấy hòn cù-lao tôi vẫn còn nhớ tên : hòn Pháp-hoa-hiên (Favaniane) và núi Âu-lí-ti (Eryx). Thành Mã-tát-la (Marsala), tức là thành Lí-lí-bối (Lilibée) cũ, trông qua trong đám khói, thấy những nhà trắng tôi tưởng đàn bồ-câu bay giữa đám mây. Hốt-nhiên một buổi sáng — tôi còn nhớ hôm ấy là ngày « 24 tháng cỏ mọc » (tức là tháng 5-6), — giữa lúc vầng đông vừa rạng, tôi trông thấy sừng-sững trước mặt tôi một bức tranh mắt nhìn trong hai mươi năm giời vẫn còn choáng.

Bức tranh ấy tức là đảo Mạn-đức ; nào là pháo-đài, nào là đại-bác như dựng ngay trên mặt nước, thành-quách chạy dài, mặt giời chiếu sáng quắc như đá hoa mới mài, lại vô-số những thuyền chiến hình mỏng, bơi bằng những bơi chèo dài và đỏ, chạy ve-ve ; một trăm chín mươi tư chiếc tầu Pháp đứng bọc chung-quanh, dương buồm nhợn, kéo cờ xanh, đỏ, trắng, cột nào cũng có, con cờ bên giáo ở trên lầu Khắc-tô (*Gozo*) và trên pháo-đài Thánh-nhĩ-mặc (Saint-Elme) thì rút dần xuống : cái thế-lực bên giáo đến thế là hết vậy. Bấy giờ trong thủy-quân bắn năm trăm phát đại-bác.

Chiếc tầu hiệu « Đông-phương »

(1) Nước Pháp sau hồi Cách-mệnh mới đặt Dân-quốc, năm 1793 đổi lịch lại, bắt đầu năm từ ngày thu-phân (22 tháng 9 tây), chia ra mười hai tháng, đặt tên theo thời tiết, khí-hậu, cùng mùa màng : tháng tuyết, tháng mưa, tháng nóng, tháng xương, tháng hoa, tháng quả, tháng nho v. v. Tháng hoa thì từ 20 tháng 4 đến 19 tháng 5.

(*Orient*) đứng riêng một mình, đối-diện với cả thủy-quân, trông to nhớn nghiêm-trang, các tấn chiến khác lần lượt chầy thong thả trước mặt, tôi đứng đằng xa trông thấy tướng Đức-tái-li (Desaix) chào Nã-phá-luân. Sau chúng tôi chèo lên tầu « Đông-phương », vào yết-kiến ngài. Tôi được trông ngài lần ấy là lần đầu vậy.

Ngài đứng gần nói chuyện với thuyền-trưởng Ca-táp Biên-ca (Casa-Bianca), tay mó tóc một đứa trẻ con 10 tuổi là con viên thuyền-trưởng. Tôi trông thấy tức thì nỗi ghen thằng bé ấy, lại thấy nó được mó vào gươm của đại-tướng (bấy giờ Nã-phá-luân còn là đại-tướng) tôi lấy làm tức lắm. Cha tôi đi lại gần ngài, đứng nói chuyện lâu. Tôi còn chưa trông rõ mặt ngài. Vụt ngài ngoảnh lại nhìn tôi. Trông thấy cái trán vàng, tóc dài soã xuống, hình như ướt ở dưới bể mới lên, mắt to và đen, má gầy, môi ngắn, cằm nhọn, tôi rùng cả mình lên. Chừng ngài vừa nói chuyện tôi; vì nghe thấy bảo cha tôi rằng: « Này tôi bảo anh, anh muốn sang Ai-cập thì sang, để cho tướng Ngõa-ba (Vaubois) ở đây một mình với bốn nghìn quân cũng được; nhưng tôi không muốn cho đem con trẻ đi. Tôi mới cho có anh Ca-tập-Biên-ca đem thằng con anh ấy theo mà tôi hối mãi. Vậy anh cho thằng này về Pháp; tôi muốn nó học tính cho giỏi; có việc gì ở nhà, anh cứ tôi, không sợ, tôi đảm-nhiệm nó cho anh, tôi luyện cho thành một nhà quân giỏi. » Vừa nói thì ngài cúi xuống, ôm vào cánh tay tôi, mang tôi lên đến mặt và hôn vào trán một cái. Tôi sướng quá, tưởng mê người đi, bấy giờ mới biết rằng người ấy thực là chủ-nhân-ông của tôi đó, và lúc bấy giờ là cướp cái linh-hồn tôi của cha tôi vậy. Vả chính cha tôi, tôi có được biết lắm đâu, vì cha tôi ở trong quân luôn. Bấy giờ tôi kinh-hãi tưởng như thánh Mạt-ti đương chăn chiên trông thấy Thiên-chúa hiện ra trong bụi cây vậy. Lúc đại-tướng mới ẵm tôi lên tay thì tôi còn là người tự-do mà lúc tay đặt tôi xuống phản tầu thì biến tôi thành một kẻ nô-lệ của ngài vậy.

Ngày hôm trước giá ai bắt tôi bỏ quân về thì tôi tưởng dâm đầu xuống bể được. Hôm nay bảo tôi đi tôi đi ngay. Tôi điềm-nhiên mà từ-biệt cha tôi, không biết rằng từ-biệt lần này là vĩnh-biệt vậy. Nhưng con người ta vốn có cái tính xấu từ thủa bé, khi trẻ con cũng như khi người nhớn, dễ phản-bội cái tình-cảm thiên-nhiên. Bấy giờ tôi không coi cha tôi là chủ tôi nữa, vì tôi đã trông thấy người chủ của cha tôi rồi, mà người chủ ấy thì tôi tưởng như gồm cả cái oai-quyền trong thế-giới vậy. — Ôi! cái mộng-tưởng sự oai-quyền thực là cái mộng-tưởng sự nô-lệ vậy! Ôi! cái tư-tưởng sự quyền-thế thực là cái tư-tưởng hại người, chỉ đủ làm mê những đứa con trẻ! Ôi! cái cảm-hứng hư-không! cái thuốc-độc vô-hình! Biết lấy thuốc chế-độc gì mà trị các ngươi được? — Từ đấy tôi như mê-mẩn say sưa; tôi quyết-chí làm việc, tôi bèn làm việc cho đến phát cuồng! Tôi làm tính cả ngày cả đêm, mài miết về sự học, cái áo tôi mặc cũng là cái áo nhà trường, cái học của tôi cũng là cái học nhà-trường, cho đến cái sắc mặt tôi cũng ra sắc vàng như sắc nhà trường vậy. Đương học thỉnh-thoảng lại nghe thấy tiếng đại-bác, cái tiếng ấy là tiếng ông nhân-thần của tôi, mỗi lần báo tin cướp được Ai-cập, tin được trận Mã-lăng-nga, tin chính-biến ngày 18 « tháng xương mù » (tức là ngày 9 tháng 11), tin lập Đế-chính... Nã-phá-luân lên ngôi Hoàng-đế rồi vẫn giữ nhời ước với tôi. — Còn cha tôi thì tôi không biết bấy giờ ra làm sao, vụt có một ngày tôi nhận được bức thư đây.

Tôi vẫn mang trong cái ví cũ này, - ngày xưa nó đỏ kia, - tôi thường đọc đi

đọc lại cho biết rằng ở đời bọn tiền-bối khuyên dăn bọn hậu-sinh cũng là vô-ích, và ngẫm-nghĩ cái hư-tưởng của người ta nó thậm vô-lý và thậm « cứng-cỏ » vậy.

Nói đến đấy viên đại-úy mở áo quân-phục, kéo trước ngực ra một cái khăn mặt, rồi đến một cái ví nhỏ, ông mở ra cẩn-thận lắm, rồi hai người cùng vào một nhà cà-phê còn đèn sáng, ông đọc cho tôi nghe những mảnh thư ấy, hiện nay tôi còn giữ, sau này tôi sẽ nói vì cớ gì.

(*Còn nữa*)

TẦN-NƯƠNG

(*Truyện tàu*)

Nàng Tần-Nương là con nhà học-trò, đẹp quốc-sắc, cha mẹ mất sớm, ở với cậu, cậu nợ nhà-nước nhiều quá, bất đắc dĩ, phải bán cháu, bị mối dánh lừa, mắc vào lầu xanh.

Nàng nhất-định không chịu nhục, mẹ dầu dỗ ngon dỗ ngọt không nghe, nào mắng chửi, nào đòn vọt, nàng thà liều chết, chứ không chịu thất-thân; mẹ dầu cùng kế, đã toan bán lại cho người khác, nhưng thấy nàng đẹp lắm, lại tiếc mà dùng dằng.

Những tay bạn chơi bàn cho mẹ dầu rằng: « Người ta không phải là sắt đá, ai không có tình, nếu tìm những tay thiếu-niên đẹp giai, hễ ai vừa ý nàng, cho họ liên-miên dăm ba bữa mà đừng lấy tiền phấn sáp, cốt lận thứ nhất, còn sau thì dễ. »

Mụ dầu mừng lắm, khách nào đến chơi cũng nhờ đánh tiếng hộ; từ đó con nhà phú quí xe xe ngựa ngựa, ngày nào cũng chật cửa, nhưng nàng trông thấy ai cũng khóc, ai đến gần cũng chửi mắng người ta, mẹ dầu không nhịn được lại giở đòn vọt ra, nàng bấy giờ quyết ý tự tử.

Đêm nàng mộng thấy một ông lão, nói rằng: « Ta là cha mày đây, mày đừng chết vội, ta đã chọn cho mày một người chồng hiền, ngày mai sẽ đẹp duyên Tần Tấn. » Nàng thức dậy, không hiểu ra sao.

Có chàng họ Tưởng, quê ở Ngô-hạ, vào kinh thi hội, vốn là người phẩm-hạnh đứng đắn, không có ý gì tìm hoa.

Tưởng có người bạn, quen thân mẹ dầu, vẫn biết truyện ấy, thấy Tưởng đẹp giai lắm giắt Tưởng đi, Tưởng ngần ngại, bạn ép mãi.

Khi đến, nàng vẫn khóc như trước, Tưởng nói đùa rằng: « Nghe nàng tên là Tần-Nương, mà ta tên chữ là Tấn-Lang, Tần Tấn thì nên kết-duyên hoan-hỉ, việc gì mà khóc. »

Nàng nghe nói sực nhớ nhời mộng, gạt nước mắt liếc trông, thấy Tưởng phong-độ khác thường, nín hẳn tiếng khóc, mụ dầu mừng mà nói rằng: « May sao may thế! hôm nay tiên-nữ đã nhớ đến phàm-trần! » Rồi cười hớn hở đi sắp cơm rượu.

Một lát cơm rượu bưng lên, mụ bảo nàng ra cùng chàng uống rượu, nàng dón dén ra ngồi, dầu có vẻ thẹn nhưng không có vẻ gắt, mụ mừng quá.

Tưởng nhân lúc vắng không có ai, mới hỏi nàng rằng: « Cứ ta xem tình-trạng nàng, quyết không phải người trong đám nguyệt-hoa, có điều gì đau đớn cứ nói cùng ta, họa là giúp được phần nào chăng. » Nàng kể đầu đuôi sự mình và thuật cả lại nhời mộng, rồi thổn-thức mà thưa rằng: « Tôi con nhà thi-thư, chẳng may gia-biến lạ thường, chỉ nghĩ phận gái hèn hạ, đã

chẳng có gì báo-đáp sinh-thành, nếu lại dắm đuối vào bể trầm-luân, thì giờ duốc cả đến tổ-tiên phụ-mẫu, sống thế thà chết còn hơn. Nếu chàng thương được, tình sao cho trọn nghĩa trăm năm. Vả lại nhời mộng-thần rõ ràng, thì thiếp quyết xin gửi thân đẳng-la, nương bóng tùng-bách, nếu cho là lá gió cành chim vui cười một lúc, thì thiếp chịu xin chết, chứ không dám theo. » Tưởng than rằng: «Nàng thực là người có trí, may tôi cũng chưa có vợ, giời có chiều người thì duyên nào còn đẹp hơn nữa, nhưng hiềm nỗi nhà thanh-bạch, biết làm sao cho được? »

Nàng rằng: « Nếu được như nhời, dẫu cơm sung cháo dền tôi cũng chịu được, xin chàng có thực lòng, trước hẫy hết nhời thề-thuyết để giời đất chứng-minh ». Tưởng liền thắp hương khấn giời cùng nàng kết-duyên, từ đó lưu-liên đêm ngày.

Ba hôm nàng bảo Tưởng rằng: « Chàng biệt rồi tất mụ không cho tôi ở một mình, âu phải tính trước, vậy nhà chàng ở đâu, có ai ở nhà không?» Tưởng rằng: « Nhà tôi ở Cô-tô, bà con chả có ai, chỉ có một chị hóa giữ nhà mà thôi ».

Nàng rằng: « Thế thì được, chàng viết cho tôi một cái tờ, kể rõ đầu đuôi cho bà chị biết, còn sau này thế nào thì mặc tôi. » Tưởng theo nhời nàng viết cái tờ đưa cho nàng rồi biệt.

Tưởng đi rồi, ba hôm mụ quả nhiên chiêu một khách chơi đến, nàng vui cười đón rước; đồ rượu thực say, khách nằm ngủ gì, nàng mặc ngay mũ áo, dầy miệt của khách, giả như bộ khách, mở của mà ra, lẩm-bẩm mắng rằng: « Gớm mặt con đĩ dại, dám bắc bậc làm kiêu, ta đây thiếu gì chỗ chơi. » Mụ ngỡ rằng nàng lại giở thói cũ để khách mất lòng, định ra mời khách lại để xin lỗi, thì khách đi giảo bước đã xa.

Nàng lúc ra khỏi cửa vừa đi, vừa khấn cha mẹ phù-hộ, khi mụ không theo kịp khách, hầm-hầm cầm roi vào phòng nàng, trông kĩ thì ra khách hẫy còn say nằm dụi ở đó, mà nàng thì đâu mất, mới vội vàng đem người nhà đi đuổi, vừa ra khỏi cửa thì nổi cơn gió dữ, đèn tắt đêm tối, mãi không đi được.

Nàng ra được đến bờ sông, thuê ngay thuyền về Cô-tô, tìm đến nhà Tưởng, đưa tờ cho chị, chị xem tờ thực phải, mới cho nàng ở, thì ra nàng có mang, chị vẫn lấy làm hồ nghi, đến khi sinh con giai, giống hệt như Tưởng thì chị mới mừng.

Tưởng từ khi biệt nàng thì lại không đỗ, theo một ông quan vào Tứ-xuyên làm mạc-khách, ít lâu thì ông quan ấy mất ngay. Tưởng nghèo túng không sao về được, chửa bao lâu thì xứ ấy nổi loạn, Tưởng càng khốn khó lắm.

Quan Đại-súy Mỗ, phụng mạnh triều-đình ra dẹp giặc miền ấy, muốn tìm một người thư-ký, có người tiến Tưởng. Tưởng bấy giờ được vào làm mạc-khách quan Đại-súy, chủ khách bằng lòng nhau lắm, trước còn truyện việc bút trát, lâu dần những mưu-kế trong quân Tưởng cũng được dự, quan Đại-súy lấy quân-công bẩu cử cho Tưởng được chức Huyện-đạo.

Bấy giờ đường xá nghẽn, tin tức không thông, Tưởng cũng deo mình theo việc đao-cung, vứt cả việc nhà đi chẳng nghĩ gì đến, thắm thoắt hai mươi năm giời, người nhà cũng không biết tăm hơi còn mất.

Khi dẹp được yên giặc, Tưởng có quân-công được thăng Tri-huyện, mới xin phép về qua thăm nhà, gần đến quê hương nửa ngần nửa ngại; đến nhà, nhận ra nhà ngõ vẫn như cũ, nhưng đèn treo chướng dợp, đàn hát linh đình, khách chật nhà cửa. Tưởng ngờ quá, không biết còn là nhà mình

không, bước vào nhà thì những khách ngồi không có mấy người quen, bỡ ngỡ chưa biết ra làm sao, chợt thấy một thiếu niên ra hỏi : « Khách ở đâu lại ? » Tưởng rằng : « Tôi là Tưởng Mỗ, đây chính là nhà tôi. » Thiếu-niên hãi quá chạy vào nhà trong ; một loáng có một bà lão ra, Tưởng nhìn kỹ mới biết là chị, chị nhận được Tưởng vừa sợ vừa mừng mà nói rằng : « Em lại về đấy ư ? » Rồi dắt tay thiếu-niên ra trước mặt Tưởng mà bảo rằng : « Này con giai em đây. »

Tưởng hỏi ra mới biết rằng con giai đã hai mươi tuổi, hôm ấy cô cùng mẹ cưới vợ cho ; những khách đến mừng ai cũng lấy làm lạ.

Bà chị nói rằng : « Còn một việc nữa khó lắm đây, là em dâu tôi nay đã là mẹ chồng mà chưa làm lễ cưới, để cao niên thì tính sao? » Tất cả khách đều vỗ tay mà nói rằng : « Ngày hôm nay là ngày tốt, xin rằng cả cha mẹ cùng dâu con cùng làm lễ cưới cũng là một truyện vui. » Khách nói rồi nhà trên nhà dưới đều deo ầm lên rằng : « Phải lắm ! »

Bấy giờ bố mẹ lỡi trước, con dâu lỡi sau, ai cũng than lấy là truyện lạ ; những nhà hát tuồng tranh nhau diễn ra làm bản hát.

Nam-thạch TRỊNH XUÂN-NHAM *dịch*

Les sentiments
ressemblent à ces plages
mangées de lagunes
qui ne laissent pas deviner
où commence, où finit la mer,
vague pays, sables noyés d'eau,
ligne incertaine et changeante
d'une côte sans cesse
reformée et déformée.

Paul BOURGET

Tình-cảm người ta
cũng giống như cái bãi bể kia,
lổ-chổ những vũng cùng đầm,
không biết bể từ đâu, bể đến đâu,
mung-lung bát-ngát,
cát với nước.
chỗ nổi chỗ chìm.
mập-mờ không rõ đường bờ,
khi thì lở, khi thì bồi.

THỜI-ĐÀM

(Từ ngày 20 tháng 1 đến ngày 20 tháng 2 năm 1918)

VIỆC THẾ-GIỚI

Bọn Đức-Áo đối với mấy bài diễn-thuyết của Tổng-thống Mĩ, thủ-tướng Anh và thủ-tướng Pháp thế nào ? — Cái vấn-đề về mục-đích sự chiến-tranh là cái vấn-đề hiện nay thiên hạ đương nghị-luận nhiều hơn cả. Mới rồi thủ-tướng nước Anh Kiều trị (Lloyd George), tổng-thống nước Mĩ Uy-nhĩ-đốn (Wilson), thủ-tướng nước Pháp Khắc-lôi-môn-tô (Clémenceau) đều có diễn-thuyết về vấn-đề ấy ; bản-báo đã nói tường về hai bài diễn-thuyết trên trong *Thời đàm* kỳ trước. Ông Kiều-trị thì giải cái vấn đề rất phân-minh và rất trọn-vẹn ; ông Uy nhĩ đốn thì nói rất hợp nhẽ công-bằng ; ông Khắc-lôi-môn-tô thì diễn hùng hồn ra nhời nhà ái-quốc mà thấm-thía sự lợi-hại của các nước. Đến như nước Đức thì chưa từng thấy nước ấy diễn-giải phân-minh cái ý kiến riêng về sự hòa-bình sau này thế nào. Cứ xem những ba diễn-thuyết sau cùng của thủ tướng Hắc-thắc-ling (Hertling), thì biết sự chiến-tranh chưa mong sắp đến ngày kết cục được. Thủ-tướng Đức phúc lại từng đoạn trong bài diễn-thuyết của tổng-thống Uy-nhĩ-đốn : giữ quyền tự-do tuyệt-đối trên mặt bể ; bỏ những sự trường-ngại về đường kinh tế, giảm bớt quân-bị ; điều đình những việc thuộc-địa cho hợp với sự lợi-ích của các dân bản-xứ ; triệt-thoái ở toàn-hạt nước Nga, xướng độc-lập cho nước Ba lan ; đặt điều-ước giữ gìn cho sự độc-lập về đường chính-trị cùng sự hoàn toàn về đường thổ-địa của hết thảy các nước nhớn nhỏ ; khôi-phục cho nước Tỉ-lợi-thì ; triệt-thoái ở những đất nước Pháp bị xâm-nhập ; sửa lại cái lỗ phạm với nước Pháp về sự xâm-lược hai châu Á-lân Lô-iêu ; cải đinh lại bờ-cõi nước Ý-đại lợi ; cải-tạo lại nước Áo-Hung theo nghĩa tự-chủ, triệt-thoái ở đất nước Tắc, nước Môn, nước Lỗ và khôi-phục cho những nước ấy ; duy-trì cho cái chủ quyền nước Thổ nhĩ-kỳ ở những xứ thuộc người dân Thổ-nhĩ-kỳ ở ; hồi-phục quyền tự-chủ cho những xứ bị người Thổ-nhĩ-kỳ áp chế ; giữ cho eo bể Đạt-đan-niên được giao-thông tự-do.

Xem thủ-tướng Đức Hắc-thắc-linh đáp-biện bấy nhiêu điều trong bài diễn thuyết ngày 25 tháng giêng thì đủ biết mọ. lần nữa rằng sự hòa-bình chỉ có một đường mà thôi, là hòa-bình theo chính-nghĩa công-đạo, mà nước Đức thì quyết không muốn sự hòa-bình ấy. Tự mấy tháng nay nước Đức đã bỏ cái dã-tâm năm 1914-1915, tự xưng là đánh để phòng-thủ cho mình, không phải đánh để xâm-chiếm đất người, tự nói rằng theo cái chủ nghĩa các dân-tộc nên tự chủ-trương lấy mình ; nhưng khi muốn tỏ lòng thanh-thực của mình mà tuyên ngôn rằng sẽ sẵn lòng triệt-thoát ở đất Tỉ lợi-thì, đất Cổ nhĩ-lan đức (Courlande), đất Li-thuần-ni (Lithuanie), đất Ba-lan và khôi-phục cho những đất nước ấy, thì nước Đức không hề nói sự triệt-thoái và sự khôi-phục ấy sẽ tùy theo những điều kiện như thế nào. Nhưng bọn ta kì ông có mắc lừa, ta biết rằng những đất nước Đức đã chiếm-cứ được, nước ấy không muốn giả lại nguyên như cũ đâu mà muốn cố giữ phụ-thuộc vào quyền chính-trị kinh-tế của mình. Tuy nhời diễn-thuyết sau cùng của thủ-tướng Hắc-thắc-linh nghe không có giọng vang lừng như những điệu khải ca của hai thủ-tướng trước Bốt thắc-man Hà-nhĩ-hắc (Bethmann Hollweg) và Mê-sa-lí (Michaelis), nhưng nãy còn chan chứa cái lòng ngạo-mạn cũ nó đã khiến nước Đức năm 1914 đâm đầu vào đường chinh-phục. Hắc-thắc-linh nói trong nhời của thủ-tướng anh Kiều-trị không có cái lòng thành thực muốn sự hòa-bình, nói thế xong lại nói ngay rằng các nước Đồng-minh đã không chịu nhân nhời chính phủ Nga mời ngưng-hòa thì nước Đức sẽ hiệp với nước Nga để rút quân ở mặt Nga về mà đánh cho Đồng-minh thua ở nơi chiến trường mặt Tây ; thế mà thủ-tướng Đức dám dương-ngôn rằng chính-

sách nước Đức không phải dùng đến bạo-lực !

Thủ-tướng Đức nói không cần đến nước Tỉ, mà cũng không cần đến các châu ở bắc-bộ nước Pháp, nước Đức sẵn lòng triệt-thoái các đất ấy. Nói thế ra mặt muốn phô rằng : « Xem đấy, ta khoan-nhân-đại-độ biết chừng nào ! » Nhưng nói thế rồi, đến cái vấn-đề Á-tản-Lô-liên thì gạt ra, nói rằng không cần phải xét đến nữa. « Hai châu Á tản Lô-liên hiện thuộc Đức, sau này vẫn là thuộc Đức », không những không phải xét đến cái vấn-đề ấy, mà cũng không cần phải thảo cái vấn-đề ấy ra nữa. Vì cứ thực-tế, cái vấn-đề Á-tản-Lô-liên ấy chính là cái vấn-đề « quân-quốc-chủ-nghĩa của nước Phổ lỗ-sĩ » (*militarisme prussien*) vậy. Cái chuyên-chế-chủ-nghĩa của nhà vua Hà-hán-tô-liên (HOHENZOLLERN) nước Phổ lấy hai tỉnh ấy làm căn-cứ vậy. Nói rằng muốn giữ lấy hai châu Lô-A làm Đế-quốc-lĩnh-địa (*pays d'Empire*) tức là nói rằng cái quân-quốc chủ-nghĩa của nước Đức vẫn còn y-nhiên uy-áp thế-giới mãi. Sự triệt-thoái cùng sự khôi-phục cho nước Tỉ, nước Tắc, nước Lỗ, đất Ba-lan, chưa đủ chứng rằng nước Đức bỏ cái dã-tâm chinh-phục thế-giới. Chỉ có đến ngày nước Đức chịu bỏ hai châu Á-tản Lô-liên thì ngày ấy ta mới dám tin rằng nước Đức lại biết tôn-trọng cái quyền tự-tồn của các nước.

Ở Kinh-đô Duy-đã-nạp (Vienne) nước Áo thì thủ tướng là Bá-tước Tư-nhĩ-ninh (Cte CZERNIN) đối với cái đề-án trong bài diễn-thuyết của tổng-thống Mĩ có ý ôn-tồn mà hoan-nghênh hơn. Tuy vậy không nên tưởng rằng chính-phủ Áo đã có ý muốn phản lìa với Đức đâu. Sự tưởng nhầm ấy phao truyền ra đã thường tổn đến sự lợi-ích của Đồng-minh. Chính Bá-tước Tư-nhĩ-ninh đã từng nói được ít lâu nay : « Ta đánh để phòng-thủ cho nước Đức cũng như là để phòng-thủ cho bờ cõi tự-nhiên của nước ta. Ta đánh để giữ lại châu Á-tản Lô-liên cho nước Đức cũng như nước Đức đã đánh và hiện vẫn đánh để giữ hai thành Lăng-bối-nhĩ (Lemberg) và Đức-lợi-tư-đức (Trieste) cho ta. » Xem như thế thì biết hai nước Áo-Đức vẫn ý-tứ đầu-hợp và tình-thế liên-đái với nhau. Vả Tư-nhĩ-ninh sau khi tuyên-ngôn rằng thuộc về những nguyên-tắc trọng-yếu thì nước Áo với nước Mĩ ý-kiến cũng gồm như nhau, lại nói rằng nước Áo vẫn phải giúp cho nước Đức. Như thế thì cái hảo ý của thủ-tướng Áo đối với nước Mĩ cũng là thuộc về hư-không, và thủ-tướng Áo nói cũng như không vậy. Thủ-tướng nói muốn chủ-trương sự giảng-hòa ngay và khắp cả, nhưng lại nói rằng không thể bỏ nước Đức được, vì mình là nước đồng-minh trung-thành chính-trực. Ở thực-tế thì nước Áo coi sự liên-hợp mật-thiết với nước Đức là một sự yếu-cần tất-nhiên cho mình. Vậy ta không nên thấy cái mỉm cười của Bá-tước Tư-nhĩ-ninh mà ngộ-nhận, ta nên hết sức giúp cho những dân-tộc bị nước Áo áp-chế mà muốn phá-đổ nhà vua Hạp-tì-bố-nhĩ (HABSBOURG), như dân Triết-cách (Tchèques), dân Tì-la-phu-khắc (Slovaques), dân Khắc-loa-đức (Croates), dân Tắc (Serbes), v. v. Nhà Hạp tì-bố-nhĩ cũng là cừu-địch của bọn ta như nhà Hà hán-tô liên vậy. Vả túng-sử chính-phủ Duy-đã-nạp (Vienne) có thành-ý muốn thỏa-hiệp với các nước Đồng-minh chính-phủ Bá-lâm tất cũng không để cho nào. Thủ-tướng Hắc-thắc-lich nói để nước Áo tự-do quyết-định những điều trong đề-án của tổng-thống Mĩ có mật-thiết-quan-hệ với nước ấy, như các điều về bờ-cõi nước Ý-đại-lợi, quyền tự-chủ các dân Áo-Hung, sự khôi-phục nước Lỗ, nước Tắc, nước Môn, bất-quá cũng là nói để mà huyễn-diệu đó mà thôi. Bấy nhiêu điều có quan-hệ với cái quân-quốc-chủ-nghĩa của nước Đức, nước Đức tất không để cho nước Áo tự-do giải quyết một mình. Mà cái quân-quốc-chủ-nghĩa ấy thì cứ như nhời diễn-thuyết sau cùng của thủ-tướng Đức xem ra chưa đến ngày thoái-chí. Thủ-tướng đã từng tuyên-ngôn rằng : Cái Nhật-nhĩ-man-chủ-nghĩa (*le germanisme*) sau khi chiến-tranh phải y-nguyên như trước mới được. Lại quyết-đoán rằng Đế-quốc Nghị-hội (Reichstag) cùng với cái đế-quốc-chủ-nghĩa không bao giờ xung-đột nhau được ; song cứ xem những việc sẩy ra hồi mùa hạ trước thì sự xung-đột ấy vẫn là sự thường và một đôi khi cũng phát-hiện ra kịch-liệt vậy. Nhưng thân làm thủ-tướng phải ra mặt thấy-tớ trung-thành với nhà vua, phải biết nói dối và tán-dương cái lòng ngạo-mạn của giống Nhật-nhĩ-man. Lòng ngạo-mạn ấy đã gây nên tai-họa nhớn cho Âu-châu, Hắc-thắc-lich lại càng gào thét to mãi lên mà nói rằng cái đề-nghị của tổng-thống Mĩ về « liệt-quốc-xã-hội » (*société des nations*) bao giờ

nước Đức đánh thua được địch-quốc, bắt địch-quốc phải nhận các điều-kiện của mình, bấy giờ mới sẽ xét đến. Thế thì ra rút lại vẫn là gào thét một câu : « Thiên-thượng thiên-hạ duy Đức độc-tôn » (*Deutschland über alles* !) Thế thì ra chiến-tranh vẫn chiến-tranh !

(Dịch trong *Cực-đông thời-báo*)

VIỆC Á-ĐÔNG

Việc nước Tàu. — Cuộc hòa phương Nam phương Bắc nay lại hỏng rồi ! Quân Nam tới đánh Nhạc-châu 岳州 hôm 23 tháng giêng tây, mà quân Bắc thì đã chia đường phái quân đi cứu tỉnh Phúc-kiến và tỉnh Hà nam Còn về mặt Quảng-châu 廣州 thì Long Tế-Quang 龍濟光 cùng Mạc Vinh-Tân 莫榮新 xung-đột nhau càng hăng hái lắm. Cho nên tình-thế nước Tàu gần đây chưa có thể nói được ra thế nào. Duy có về mặt Bắc-kinh thì có một việc đáng chú ý là Phùng Quốc-Chương 馮國璋 xuống Nam có ý muốn liên-lạc cái cảm-tình của các Đốc-quân ở giải Trường-giang 長江 để quyết lấy võ-lực mà đối đãi với Nam-phương.

Ngày 26 tháng giêng tây, Phùng tổng-thống đi với Điền Văn-Liệt 田文烈 đến Thiên-tân 天津 nghỉ ở nhà Tào Côn 曹琨 cùng Tào Côn mật bàn mọi việc; ngày 27 đến Sơn-đông 山東 Tế-nam 濟南 đánh giây thép mời đốc-quân tỉnh An-huy là Nghễ Tự-Xung 倪嗣沖 đến Hồ-nam cùng nhau bắt đầu từ bốn giờ đi Bạng-phụ 蚌埠 rồi khai hội ở đấy.

Cứ tin đích-xác thì Phùng xuống Nam chuyến ấy là có ý cùng Tào Côn, Trương Hoài-Chi, Nghễ Tự-Xung bàn định cách đối với đảng Nam. Đốc quân Nam-kinh là Lý Thuần 李純 vì ốm không tới được, sai Vương Đình-Trinh 王廷楨, Khuông Khánh-Đường 孔慶塘 tham mưu là 何 làm đại-biểu đi dự-hội. Hội ngày hôm ấy mặt ở đấy 8 người, quyết định bốn khoản như sau này :

1° Trung-ương phải kíp hạ mệnh-lệnh đi đánh.

2° Các tỉnh phải phái binh đi đánh, bọn Nghễ Tự-Xung và Trương Hoài-Chi đem bao nhiêu đi thì nhận-định lấy.

3° Việc khí-giới, tiền phí-tổn lúc xuất quân, tiền tiêu lâm-thời, đều bởi từ chính-phủ Trung-ương tính phát cho.

4° Hai đốc-quân Tào Côn và Trương Hoài-Chi theo Phùng tổng-thống về kinh để đợi mạnh-lệnh, hễ mạnh-lệnh ra thì tức thì xuất phát.

Mấy điều trên này sau khi đã nghị-định, đốc-quân Nghễ Tự-Xung lại nói rằng có tổng-trưởng Điền Văn-Liệt dự hội làm chứng. Từ đấy về sau các việc thi Điền Văn-Liệt ở trong duy-trì không để lại phải thay đổi. Nếu thay đổi thì Điền phải chịu trách-nhiệm hoàn-toàn vậy. Ấy là việc hôm 28, Đốc quân Trương Hoài-Chi theo Phùng đến Thiên-tân cùng với Tào Côn họp bàn sự đem quân đi cùng hẹn đến Bảo-định 保定 kiểm-duyệt quân-đội đợi mệnh-lệnh ban-bố ra thì lập tức xuất phát, đến chiều mồng một tháng hai (Février) thì Phùng Quốc-Chương về đến Bắc-kinh.

*
* *

Lại có tin nghị-hội Nhật-bản chất-vấn chính-phủ. — Hôm 23 tháng giêng Tây nghị-hội lần này chất-vấn về việc ngoại-giao, chỉ có đảng Hiến-chính và bọn không thuộc về đảng nào chất-vấn cực nhiều. Người không thuộc vào đảng nào tên là Áp-xuyên-phương-Nghĩa 押川方義 chất-vấn rằng : Ngày trước Vĩ-Kỳ 尾奇君 chất-vấn về mục-đích tham-chiến, ngoại tướng Bản-Dã 本野 đáp rằng y theo trong nhời sắc chiếu tuyên chiến sao mà đại-sứ Thạch-tỉnh 石井 đối với Mĩ nói thì khác thế ? Bởi Thạch-tỉnh thường nói mục-đích nước Nhật-bản tham-chiến là phá cái chủ-nghĩa quân-quốc của nước Đức, thế thật là ra ngoài phạm-vi sắc-chiếu. Phương chi Thạch-tỉnh đối với đại Tổng-thống Mĩ lại nói rằng Nhật-bản vì chủ-nghĩa dân-chủ và tự-do của nhân-đạo mà tham-dự vào chiến-cục v. v., thì cũng là ở trong sắc-chiếu không có. Nước Đức hung-tàn người ta ai cũng ghét lắm. Thạch-tỉnh đã thay xứ-tiết Đế-quốc sao không lấy trong Sắc-chiếu làm gốc mà lại cứ nói liều, há chẳng phải là lấy thế để nịnh nước Mĩ ư ? Nếu theo sắc-chiếu mà nói, thì nước Nhật đã thực hết sức ở Thanh-đảo Nam-dương, cũng khiến cho nước khác biết tỏ rồi. Còn nói đến chủ-nghĩa dân-chủ, nhân-đạo tự-do và tuyệt-diệt cái chủ-nghĩa quân-quốc, thì Nhật-bản thật chưa hề hết sức, không trách các nước ngoài phàn nàn rằng Nhật bản không

mang quân đến chiến-trường. Nói tóm lại cái ý nước ta dự vào việc chiến-tranh có hẳn giống như nước Anh nước Mĩ không? Nếu mục-đích không giống thì đại-sứ Thạch-tỉnh làm sao nói như thế. Còn như chính-sách đối với nước Tàu tuy nói rõ những chủ-nghĩa không can-thiệp, thân-thiện, liên-minh về đường kinh-tế mà có chắc thực-hành được không? Ôi! nước Tàu là nước độc-lập, chính lẽ mình không thể can-thiệp được, tuy ngoại-tướng có nói không giúp phương Bắc cũng không ép phương Nam, phỏng có bịt được mắt người Tàu cùng mắt một ức bốn nghìn vạn người Nhật-bản không? Có lẽ vì một lời biện-bác của ngoại-tướng mà bưng che được hết sao? Nếu lấy mồm mép mà cãi với những lời chất vấn, nói một đằng làm một nẻo, giữ cái tâm-thuật ấy mà cầm quyền-chính trong nước, thì tai vạ biết đến đâu là cùng. Chính-phủ nên lấy ý chung của dân làm cơ-sở, chính-phủ bây giờ mà còn đứng vững được là nhờ có hội chính-hữu nhẫn nại giữ gìn cho. Tòa nội-các này giúp phải quân-nhân nước Tàu gây thù oán với người Tàu, thân-thiện đâu lại thế? Thật muốn thân-thiện thì phải lấy thành-tâm dỗ bảo mở mang cho người ta mới được. — Ngoại-tướng Bản-dã đáp lại rằng: hôm trước đã giả lời cả rồi, không đáp nữa. Sau cùng đến người hội Hiến-chính là Vọng-nguyệt-tiểu-thái-lang 望月小太郎 chất-vấn mấy điều cốt yếu như sau này:

1o Thủ-tướng cùng ngoại-tướng diễn-thuyết thuộc về việc Âu-chiến rõ là phản trái nhau, thủ-tướng thì nói cùng các nước Đồng-minh hiệp-sức đánh nữa, ngoại-tướng thì nói các nước Đồng-minh đã bàn sẵn các điều-khoản để làm cơ-sở cho sự giảng-hòa, v. v., xét hai lời nói ấy thật rõ rằng công việc tòa nội-các không được nhất-trí. Huống chi trong mấy các nước Đồng-minh nào có biết ngoại-tướng Bản-dã là ai đâu?

2o Pháp, Anh, Mĩ liệt-cường từng nói rằng nhất-định đánh tan thế-lực nước Đức thì mới dẹp việc binh, mà bây giờ Đức lại giảng-hòa với Nga thì nước Nhật ta chịu cái ảnh-hưởng ấy to lắm. Ngoại-tướng Bản-dã là người có cái trách-nhiệm kết cái hiệp-ước Nhật Nga, bây giờ nước Nga bị nước Đức bức như thế, nước Nhật ta phải làm chủ-động liên-lạc nước Anh nước Mĩ mà ngăn-ngừa việc ấy. Chính-phủ đối với nước Nga xử-trí thế nào sao không nói rõ.

3o Việc ngoại-giao đối với nước Tàu không được thỏa-đáng. Trong nhời truyền-ngôn của Hội chính-hữu đã bá-cáo rõ ràng, vả chăng thiên-hạ ai cũng biết nước Nhật ta đối với nước Tàu, chẳng tính về việc nước Tàu mà lại là tính cả việc hòa-bình cả Á-đông này nữa. Việc nước Tàu, nước Nhật phải kết-hợp thực vững bền mới được. Nếu thế-lực nước Đức lấn sang Đông-phương, thì ắt lụy đến trung-bộ nước Tàu, cho nên việc ngoại-giao đối với nước Tàu, phải cần về cái phương-diện ấy mới được. Chính-phủ Nhật ta thuộc về sự kết-hiệp với nước Tàu, thì ý-kiến định thế nào?

4o Việc ngoại-giao đối với nước Mĩ không được thành-thực ấy là lỗi tự chính-phủ, vì thế làm cho nước Mĩ không khỏi nghi-lự nước mình, như việc mình không đem binh sang Âu-châu mà đội tàu chiến lại tung hoành ở Địa-trung-hải. Chính-phủ đối với nước Mĩ không thuyết-minh được lý-do việc ấy, đến nỗi có cái vấn đề cấm chở sắt sang nước mình. Còn như Tá-đằng 佐藤 đại-sứ đã biết mà không điều-đình trước, để khi cấm-lệnh phát ra rồi mới giao-thiệp thành ra không được gì cả, thật là Tá-đằng đại-sứ không ích gì cho Đế-quốc.

5o Nước Nhật ta cùng nước Mĩ sao không hiệp-định cùng triệt-lui các quân-bị ở Nam Thái-bình dương đi. Nếu hai bên không phải phòng-bị với nhau, thì tình-nghị quan-hệ một ngày một mật-thiết, mà chính-sách đối với nước Tàu cũng nhân đó mà có lợi-ích nhiều lắm. Trong lời hai nước tuyên ngôn chưa đề-cập đến việc ấy, thật là chưa đến nơi đến chốn.

VIỆC TRONG NƯỚC

Hoàng-Thượng sắp tới Bắc-kỳ. — Bản-báo được tin chắc rằng đến ngày 24-25 tháng 3 tây này (tức là ngày 12-13 tháng 2 ta) trong Kinh sẽ tế Nam-Giao. Nam-Giao xong thì Hoàng-Thượng ngự-giá ra chơi Bắc-kỳ. Vậy có nhẽ trong thượng tuần tháng 4 tây thì Hoàng-Thượng tới đây. Chính-phủ Bảo-hộ sẽ sửa-soạn lễ trọng-thể để đón rước Ngài. Nghe đâu Hoàng-Thượng đến Hà-nội thì quan Toàn-Quyền sẽ mời nghỉ tại phủ

Toàn-quyền. Hoàng-Thượng ở Bắc-kỳ ước nửa tháng để đủ thì-giờ đi xem các tỉnh-thành nhớn.

Nhân nói lễ Nam-Giao cũng là một đại-điển trong nước. Bản-báo mong sẽ có thể phái người về kinh xem lễ để thuật lại cho các bạn đọc báo biết. Bản-báo lại hiện đương khảo-cứu về lịch-sử Giáo-điển ở nước Tàu nước ta, trong số báo sau sẽ có bài chuyên-luận về lễ ấy.

***

Kỳ Hội-đồng viện Cơ-mật ngày 9 tháng 2 năm 1918. — Viện Cơ-mật ngày 9 tháng 2 năm 1918 họp hội-đồng có quan Khâm-sứ Trung-kỳ, các cụ-lớn các bộ, các quan biện-lý các bộ, để xét về sổ dự-toán của Triều-đình ta năm 1918 và định sổ thăng-trật các đường-quan năm nay.

Sổ dự-toán của Triều-đình ta năm nay tổng cộng là 1 triệu 14 vạn 7 nghìn 8 trăm 18 đồng (1.147.818 p. 00), số chi-xuất với số thâu-nhập ngang nhau. So với sổ dự-toán năm 1917 thì có khác như sau này :

1° Về phần thâu-nhập

Thêm lên 10.000 p.00, tiền của sổ dự-toán riêng xứ Trung-kỳ phụ-cấp để tăng niên-bổng của Hoàng-thượng

Thêm lên 2.990 p.00, lợi-tức đồng-niên của các tiền tư-bản đặt lãi.

Kém đi 9[illegible]2 p.00, là bớt tiền phụ-cấp của sổ dự-toán chung Đông-dương cho để giữ các trạm ở Lao-bao.

Kém đi 2.200 p.00, là bỏ tiền phụ-cấp để dạy linh-thợ sang Tây.

Kém đi 2.000 p. 00, là giảm đúc tiền đồng

2° Về phần chi-xuất

Chương thứ 1. — Cung-điện. — Thêm lên cả thảy 14.212 p.00, 10.000 p.00 là tăng niên-bổng của Hoàng-Thượng, 4.212 p.00 là tăng tiền xe, ngựa, đèn thắp, đồ-đạc trong cung.

Chương thứ 2. Thị-vệ. — Thêm lên 423 p. 10.

Chương thứ 3. — Hoàng-tộc. — Kém đi 3.356 p. 2[illegible].

Chương thứ 4. — Lại-bộ. — Thêm lên 1786 p. 84.

Chương thứ 5. — Lễ-bộ. — Thêm lên 23.823 p. 90, chia ra như sau này :

16.000 p.00. Tế Nam-giao.

15.000 , 00. Mua giấy sắc bách-thần.

2.808 , 00. Dựng nhà từ-đường của hai Hoàng-thái-hậu.

1.800 , 00. Lễ Vạn-thọ Hoàng-Thượng.

Chương thứ 6. Học-bộ. — Thêm lên 8.234 p. 66, mở khoa thi hương.

Chương thứ 7. Binh-bộ. — Thêm lên 713 p.56; tăng số lính trạm.

Chương thứ 8. Việc thượng-du. — Thêm lên 2.065 p 06. Tăng số lính miền thượng-du.

Chương thứ 9. Công-bộ. — Kém đi 39.888 p.00, để bổ vào những sự chi-xuất bất-kỳ, như lễ Giao, thi hương.

Chương thứ 10. Vận-tải. — Không thay đổi.

Chương thứ 11. Tiền tạp-phí. — Không thay đổi.

Chương thứ 12. Tiền bất-kỳ. — Kém đi 196 p. 26.

Nói rút lại thì vì năm 1918 có nhiều khoản chi-xuất bất-kỳ, nên số tiền kinh-phí của bộ Công phải giảm đi nhiều. Bộ công trước xin 20 vạn, nay định rút xuống 15 vạn 6 nghìn.

Hội-đồng duyệt sổ dự-toán đã định như thế.

Cụ-lớn Lại-bộ nói rằng Hoàng-Thượng muốn đúc tiền niên-hiệu mới. Quan Khâm-sứ nói rằng hiện nay đồng đắt, đúc thì phiền-phí lắm. Sau Hội-đồng bàn thì định rằng năm nay sẽ vâng nhời Hoàng-Thượng đúc ước độ 1 nghìn đồng bạc tiền.

Nhân bàn về sự kỷ-bổ các đường-quan quan Khâm-sứ nói rằng ngài muốn định rõ chức-quyền viện Cơ-mật, không những về việc thăng-bổ các quan, nhưng về cả các việc chính-trị khác nữa.

Việc gì cũng vậy, các thảo-án do quan thượng-thư các bộ cùng với các biện-lý qui-quan thương-thuyết và khởi-thảo trước. Xong rồi đệ Cơ-mật, họp hội-đồng, quan Khâm-sứ chủ-hội, xét xem có nên thay đổi thêm bớt chỗ nào không. Khi đã xét kỹ chỉnh-đốn rồi mới dâng tâu Hoàng-Thượng. Hoàng-Thượng hoặc có ý kiến riêng gì mà Hội-đồng chưa xét đến, hoặc muốn châm-chước điều gì, chưa châu-phê vội, thì bấy giờ sẽ chữa lại, được châu-phê rồi mới đem thi-hành.

Cụ-lớn Học-bộ nói rằng đời Đức Đồng-Khánh phàm chỉ-dụ là tự vua làm, tự vua chuẩn thi-hành. Sau đến đời Thành-Thái, Duy-Tân, hoặc bởi cái cách cư xử riêng của vua hoặc bởi tuổi vua còn nhỏ, công việc nước, không thể để đảm-nhiệm được cả. Bởi thế mới định quyền to cho viện Cơ-mật dựng làm viện Phụ-chánh. Cụ-lớn thiết-tưởng ngày nay nên theo chính-sách đời Đồng-Khánh thì phải hơn.

Quan Khâm-sứ đáp lại rằng cái vấn-đề đó không nên ngộ-nhận, vì không phải là muốn giảm quyền Hoàng-Thượng, nhưng cái thế

tất-nhiên phải như thế. Ở nước Nam cũng như các nước khác, vua không thể đặt tòa làm giấy ngay trong cung mà xét các việc nước, định các luật-lệ, giám-đốc các quan-lại. Đã có các bộ để làm những việc ấy. Và phàm thảo-án đệ lên Hoàng-Thượng, Hoàng-Thượng có châu-phê mới được thi-hành. Nếu có việc gì Hoàng-Thượng không hiệp-ý với viện Cơ-mật thì Hoàng-Thượng không châu-phê.

Cụ-lớn Học-bộ lại nói rằng chính Hoàng-Thượng ngại hoặc có khi không hiệp-ý như thế thì e đối với các quan đại-thần có ý không tín-nhiệm và đối với quan Khâm-sứ có điều khiếm-nhã chăng.

Quan Khâm-sứ lại đáp rằng đã hay rằng thế nhưng không thể làm cách khác được. Hoặc có việc gì đệ tâu Hoàng-Thượng mà Hoàng-Thượng không hiệp-ý với các quan thì Hoàng-Thượng cứ việc thương-thuyết với tôi. Chắc đến khi Hoàng-Thượng cùng tôi đã bàn kỹ và xét hết mọi nhẽ thì hai bên thế nào cũng đồng-ý với nhau, hoặc là tôi theo ý Hoàng-Thượng, hoặc là Hoàng-Thượng theo ý tôi.

Các quan đều ưng nhời quan Khâm-sứ giải như thế.

*
* *

Việc thi-hành luật mới. — Mấy viên lục-sự làm sằng. — Tân-luật mới bắt đầu thi-hành chắc cũng có một đôi điều chưa được ổn-thỏa. Nhẽ thường xưa nay phàm sự cải-cách gì lúc mới cũng vậy. Nhưng để ít lâu, khi quan dân đã tiềm-tiệm quen thì bấy giờ mới biết cái kết-quả là hay là tốt. Bởi cớ sao? Là vì luật mới này điều-chương rõ-ràng, nghĩa-lý minh-xướng, các quan thẩm-phán cùng quốc-dân dụng công nghiên-cứu ít lâu tất hiểu và thuộc cái tinh-lý.

Nhưng luật hay đã đành, các viên-chức có trách-nhiệm thi-hành luật cũng phải hiểu nghĩa-vụ mình mới được. Chắc trong quan trường ta chẳng thiếu gì những người tài giỏi, bụng dạ tốt, thấy nhà nước cải-lương pháp-luật mừng rằng nay quốc-dân đã vào một vận-hội mới mà hết sức làm bổn-phận cho xứng-đáng cái thiên-chức phụ mẫu dân. Nhưng các quan phải giám-đốc kỹ những bọn tì-thuộc, đừng để cho họ lợi-dụng cái buổi mới mẻ này mà lại thi-hành những thủ-đoạn điên-đảo xưa nay.

Mới đây nghe có mấy viên lục-sự nhân người dân chưa thuộc cách làm đơn theo lối mới, bắt chẹt lấy tiền lót rồi mới làm đơn cho, hoặc mới chịu nhận đơn. Việc đó đã lọt tai chính-phủ, chính-phủ tất nghiêm-trừng những bọn nhũng-lại ấy. Nghe đâu quan trên đã định cách-chức mấy viên để làm gương cho kẻ khác.

Đương buổi tân-luật mới thi-hành, người dân đã hiểu sao được các cách-thức mới. Bổn phận các viên-chức là phải chỉ-bảo cho người ta biết; nếu lại nhân người ta chưa quen mà tìm cách ăn tiền thì những con người ấy thực không có chút lương-tâm vậy. Không những không có lương-tâm mà lại phạm pháp-luật nữa. Xin các ông lục-sự hãy giở bộ luật mới mà đọc lại điều sau này:

Luật-hình Điều 71. — *Những người chức-dịch nhận những của lót hay là nhận nhời hứa người ta, hay là đồ tặng lễ trình, để làm những việc thuộc về chức-phận mình phải làm, mà việc ấy chiếu-lệ không được lấy tiền, hay là nhận tiền nhận nhời để bỏ không làm phận-sự mình phải làm, xét ra quả có chứng-cớ thì phải phạt-giam từ một năm cho đến năm năm, và phạt bạc từ tám mươi đồng cho đến một nghìn hai trăm đồng, lại phải chịu cấm quyền công-dân như điều thứ 29 đã nói.*»

Thời-đại ám-muội nay đã qua rồi, cái thuật lừa quan dối dân, bịt mắt người trên, bưng miệng kẻ dưới, ngày nay không thi-hành được nữa. Các ông lục-sự nên nhớ mới được.

Quan Nam-án-thủ-hiến đã định phái một quan thẩm-phán tây đi thanh-tra các tòa Nam-án. Xin báo trước để những người có thói tham-nhũng biết mà chừa dần.

*
* *

Việc biên-tập bộ dân-luật. — Kỳ trước bản-báo đã nói chính-phủ mới đặt hội-đồng để biên-tập bộ dân-luật lại vừa dịch cả tờ tư-trình của quan Nam-án thủ-hiến về viện Cơ-mật để dặn các quan ta nên biên-tập thế nào. Nay mới được biết trong Kinh giả nhời rằng bộ dân-luật này xin cũng cứ làm như các bộ luật trước, nghĩa là chính-phủ bảo-hộ cứ khởi-thảo ngoài Bắc-kỳ, khi nào xong sẽ gửi vào kinh đặt hội-đồng để phúc lại, có chỗ nào nên châm-chước, sẽ bàn hoặc thêm, hoặc bớt, hoặc chữa sau.

Bộ dân-luật sẽ chia ba phần: 1° nhân-sự (*les personnes*); 2° tài-sản (*les biens*); 3° khế-ước (*les contrats*). Nghe như phần thứ nhất các quan trong Kinh đã có thảo-án rồi, hiện đương nghiên-cứu,

Mong rằng sự biên-tập dân-luật này chóng xong, để cho bộ Tân-luật Việt-nam ta được hoàn-toàn vậy.

Hai tập báo mới trong Nam-kỳ. — Cái phong-trào lập báo-quán hiện trong Nam-kỳ thịnh-hành lắm. Gần đây có xuất bản hai báo mới: một tập là *Đại-Việt tập-chí*, mỗi tháng ra một lần, một tập là *Nữ-giới-chung*, mỗi tuần lễ ra một lần. Tập *Đại-Việt tập-chí* cũng là một thể tạp-chí chuyên về văn-học khoa-học như bản-báo vậy. Tập *Nữ-giới-chung* thì là cái cơ-quan riêng của bọn nữ-lưu trong Lục-tỉnh. Hai tập đều biên-tập kỹ-lưỡng, thể-chế hoàn-bị, có cái đặc-sắc khác các báo bằng quốc-văn trong Nam-kỳ. Đọc hai tập báo ấy thì biết những người chủ-trương thực là những bậc danh-sĩ, vừa kiêm tây-học hán-học vậy.

Bản-báo có nhời chúc mừng hai bạn đồng-nghiệp mới, và hi-vọng cho đạt tới mục-đích. Mục-đích ấy là gì? Là gây-dựng lấy một nền quốc-văn hoàn-toàn có thể diễn được hết những tư-tưởng học-thuật mới, rồi dùng cái quốc-văn ấy mà giúp cho sự khai-hóa dân Việt-Nam ta. Mục đích ấy rất là to-tát và rất là khó-khăn, phải hết sức mới mong đạt tới được. Xin các bạn trong Nam ngoài Bắc cố gắng lên!

Tân từ-khúc

(Khúc *Mị-xuân-liễu* 媚春柳)

Con én trắng,
Cái oanh vàng,
Gió đông giục-giã khách đài-trang.
Vẽ mày vấn tóc,
Điểm phấn sòng hương,
Vì ai ai những chăm ve vuốt,
Còn e nỗi xuân qua, hạ tới, thu lại, đông sang,
Phòng không chiếc bóng,
Đèn lụt canh tàn,
Cái già kéo đến phá nhan-sắc,
Tài-tử còn ai kẻ đoái thương!

* * *

Núi sắc biếc,
Cỏ mầu xanh,
Thiều-quang cái bóng cũng xinh xinh.
Bóng hoa hớn hở
Hồ nước long-lanh,
Yêu nhau xin đợi nhau chơi với,
Đừng có vội thăm đào, hỏi liễu, bẻ lá, vin cành,
Những nhời non nước,
Ta phải đinh-ninh,
Sông cạn đá mòn nghĩa không hết,
Bể ái nguồn ân một khối tình.